



BÙI VĂN HỒNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ CẨM VÂN (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HỒNG CHIÊM – NGUYỄN TIẾN LỰC
QUÁCH VĂN THIÊM – NGUYỄN THỊ THUỶ

CÔNG NGHỆ

SÁCH GIÁO VIÊN

7



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI VĂN HỒNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ CẨM VÂN (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ HỒNG CHIÊM – NGUYỄN TIẾN LỰC
QUÁCH VĂN THIÊM – NGUYỄN THỊ THUY

CÔNG NGHỆ

SÁCH GIÁO VIÊN



nguivanthos.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: HOÀNG THỊ NGÀ

Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: HOÀNG THỊ NGÀ – NGUYỄN ÁNH LINH

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

CÔNG NGHỆ 7 — SÁCH GIÁO VIÊN

Mã số: G2HG7C001M22

In.....bản, (QĐ in số.....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/32-397/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-31991-3

LỜI NÓI ĐẦU

Sách giáo viên Công nghệ 7 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo là tài liệu dùng cho các giáo viên dạy môn Công nghệ 7. Sách được biên soạn song hành với sách học sinh Công nghệ 7 nhằm mục đích:

- Diễn giải những ý tưởng sư phạm thể hiện trong sách học sinh, giúp giáo viên có định hướng trong việc thiết kế bài giảng cũng như xác định các yêu cầu cần đạt trong quá trình tổ chức dạy học;

- Gợi ý phương án dạy học từng nội dung cụ thể để giáo viên tổ chức hoạt động dạy học nhằm đảm bảo tốt nhất việc hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực đã được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn học;

- Cung cấp một số thông tin giúp giáo viên có thêm nguồn tham khảo để mở rộng bài dạy.

Sách giáo viên Công nghệ 7 gồm hai phần:

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

Phần này giúp giáo viên nắm vững mục tiêu môn học, ý tưởng xây dựng nội dung bài học, ý tưởng biên soạn sách học sinh, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn Công nghệ 7.

B. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY CỤ THỂ

Phần này đưa ra các gợi ý chi tiết về phương án tổ chức hoạt động dạy học từng nội dung trong bài học nhằm tạo thuận lợi cho giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh. Trên cơ sở những hướng dẫn này, giáo viên có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và đối tượng học sinh.

Sách giáo viên Công nghệ 7 được biên soạn với mong muốn sẽ là tài liệu hướng dẫn hữu ích, giúp giáo viên giảng dạy hiệu quả môn Công nghệ 7. Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi những thiếu sót, các tác giả rất mong nhận được sự góp ý quý báu từ quý thầy cô để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

NHÓM TÁC GIẢ

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 7	5
II. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 7	6
III. GIỚI THIỆU SÁCH HỌC SINH CÔNG NGHỆ 7	8
IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 7	10

B. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY CỤ THỂ

Phần 1. TRỒNG TRỌT	13
Chương 1. Mở đầu về trồng trọt	13
Bài 1. Nghề trồng trọt ở Việt Nam	13
Bài 2. Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam	19
Chương 2. Trồng và chăm sóc cây trồng	24
Bài 3. Quy trình trồng trọt	24
Bài 4. Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành	30
Bài 5. Trồng và chăm sóc cây cải xanh	37
Dự án 1. Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình	44
Ôn tập Chương 1 và Chương 2	48
Chương 3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	51
Bài 6. Rừng ở Việt Nam	51
Bài 7. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	56
Ôn tập Chương 3	64
Phần 2. CHĂN NUÔI	67
Chương 4. Mở đầu về chăn nuôi	67
Bài 8. Nghề chăn nuôi ở Việt Nam	67
Bài 9. Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam	73
Chương 5. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	79
Bài 10. Kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	79
Bài 11. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn	88
Dự án 2. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi trong gia đình	95
Ôn tập Chương 4 và Chương 5	99
Chương 6. Nuôi thủy sản	102
Bài 12. Ngành thủy sản ở Việt Nam	102
Bài 13. Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản	107
Bài 14. Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản	116
Dự án 3. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc thủy sản	122
Ôn tập Chương 6	126

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 7

Mục tiêu chung của giáo dục công nghệ phổ thông là giúp cho học sinh (HS) học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường công nghệ ở gia đình, nhà trường và xã hội; hình thành và phát triển các năng lực công nghệ; chuẩn bị tri thức nền tảng để theo học các ngành nghề thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Trong đó giáo dục công nghệ ở cấp Trung học cơ sở giúp HS có được những tri thức, kỹ năng về công nghệ trong phạm vi gia đình, những nguyên lý cơ bản về các quá trình sản xuất chủ yếu, hiểu biết ban đầu về tư duy thiết kế, phương pháp lựa chọn nghề cùng với thông tin về nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu thông qua các mạch nội dung: công nghệ trong gia đình; nông – lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp, thiết kế kỹ thuật, hướng nghiệp. Cùng với các môn học khác, môn Công nghệ góp phần thúc đẩy giáo dục STEM, một trong những xu hướng giáo dục đang được coi trọng ở nhiều quốc gia trên thế giới và đang được quan tâm thích đáng trong giáo dục phổ thông tại Việt Nam.

Môn Công nghệ 7 có mục tiêu trang bị cho HS những tri thức phổ thông, cơ bản trong lĩnh vực nông nghiệp, những quy trình trồng, nuôi dưỡng cây trồng và vật nuôi; giúp HS thực hiện được những thao tác kỹ thuật cơ bản trong quy trình trồng trọt và chăn nuôi, nhận biết đặc điểm của những công nghệ mới đang được áp dụng trong sản xuất nông – lâm nghiệp và thủy sản. Qua đó, môn học góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực chung cốt lõi theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Nông nghiệp bao gồm những ngành sản xuất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, có nhiệm vụ cung cấp lương thực thực phẩm để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, cung cấp nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và xuất khẩu. Nội dung môn Công nghệ 7 thể hiện những vấn đề công nghệ cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và đời sống. Chính vì vậy nội dung môn Công nghệ 7 có tính thực tiễn cao, gắn liền với sự phát triển của khoa học, công nghệ, kỹ thuật.

Chương trình giáo dục công nghệ phổ thông tuân thủ quan điểm định hướng phát triển năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Ở môn Công nghệ 7, định hướng dạy học phát triển năng lực với mô hình năng lực đặc thù của môn học tiếp tục được thể hiện xuyên suốt trong mỗi nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá của giáo viên (GV) và HS. Năng lực công nghệ được hình thành và phát triển thông qua hoạt động dạy học trong mỗi mạch nội dung, chủ đề cụ thể.

Theo mô hình năng lực công nghệ, môn Công nghệ 7 có mục tiêu giúp HS:

1.1. Về hiểu biết công nghệ

– Nhận thức được nội dung cơ bản về vai trò, các quá trình kỹ thuật và công nghệ, các nghề nghiệp liên quan đến nông – lâm nghiệp, thủy sản;

- Nhận thức được một số nội dung cơ bản và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Tóm tắt được các tri thức, kỹ năng cơ bản của một số quá trình kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân.

1.2. Về giao tiếp công nghệ

Sử dụng được các thuật ngữ để mô tả các quy trình công nghệ thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi.

1.3. Về sử dụng công nghệ

- Đọc được tài liệu hướng dẫn quy trình công nghệ thuộc lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi;
- Sử dụng được đúng cách, hiệu quả các dụng cụ chuyên dùng để đo nhiệt độ và độ trong của nước nuôi thủy sản;
- Thực hiện được một số kỹ thuật đơn giản trong nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành, thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến.

1.4. Về đánh giá công nghệ

- Đưa ra được nhận xét về phương thức trồng trọt, phương thức chăn nuôi, giống cây trồng, giống vật nuôi, điều kiện đất trồng, thời tiết, chuồng nuôi, vườn chăn thả, môi trường nuôi thủy sản,... phù hợp với đối tượng trồng trọt, chăn nuôi cụ thể. Đưa ra được nhận xét cho các sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi;
- Nhận biết và đánh giá được một số xu hướng phát triển trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi.

1.5. Về thiết kế kỹ thuật

- Phát hiện được nhu cầu, vấn đề cần giải quyết trong điều kiện trồng trọt, chăn nuôi tại gia đình, địa phương;
- Đề xuất được giải pháp trồng, chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình, giải pháp nuôi dưỡng, chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình; giải pháp nuôi và chăm sóc một loại thủy sản phù hợp với điều kiện tại địa phương.

II. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7

Chương trình môn Công nghệ 7 được thiết kế với các nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình môn học đã được ban hành. Với tổng số 35 tiết của môn học, cấu trúc các nội dung cụ thể của mỗi chương được gợi ý như sau:

PHẦN 1. TRỒNG TRỌT		
Chương 1. Mở đầu về trồng trọt – 2 tiết (2 tiết bài học)		
Bài 1.	Nghề trồng trọt ở Việt Nam	1 tiết

Bài 2.	Các phương thức trồng trọt ở Việt Nam	1 tiết
Chương 2. Trồng và chăm sóc cây trồng – 10 tiết (7 tiết bài học + 1 tiết dự án + 1 tiết ôn tập + 1 tiết kiểm tra)		
Bài 3.	Quy trình trồng trọt	3 tiết
Bài 4.	Nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành	2 tiết
Bài 5.	Trồng và chăm sóc cây cải xanh	2 tiết
Dự án 1.	Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình	1 tiết
ÔN TẬP CHƯƠNG 1 VÀ CHƯƠNG 2		1 tiết
Kiểm tra		1 tiết
Chương 3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng – 5 tiết (3 tiết bài học + 1 tiết ôn tập + 1 tiết kiểm tra)		
Bài 6.	Rừng ở Việt Nam	1 tiết
Bài 7.	Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng	2 tiết
ÔN TẬP CHƯƠNG 3		1 tiết
Kiểm tra		1 tiết
PHẦN 2. CHĂN NUÔI		
Chương 4. Mở đầu về chăn nuôi – 2 tiết (2 tiết bài học)		
Bài 8.	Nghề chăn nuôi ở Việt Nam	1 tiết
Bài 9.	Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam	1 tiết
Chương 5. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi – 8 tiết (5 tiết bài học + 1 tiết dự án + 1 tiết ôn tập + 1 tiết kiểm tra)		
Bài 10.	Kỹ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi	3 tiết
Bài 11.	Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn	2 tiết
Dự án 2.	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi trong gia đình	1 tiết
ÔN TẬP CHƯƠNG 4 VÀ CHƯƠNG 5		1 tiết
Kiểm tra		1 tiết
Chương 6. Nuôi thủy sản – 8 tiết (5 tiết bài học + 1 tiết dự án + 1 tiết ôn tập + 1 tiết kiểm tra)		
Bài 12.	Ngành thủy sản ở Việt Nam	1 tiết
Bài 13.	Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản	3 tiết
Bài 14.	Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản	1 tiết
Dự án 3.	Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc thủy sản	1 tiết
ÔN TẬP CHƯƠNG 6		1 tiết
Kiểm tra		1 tiết

III. GIỚI THIỆU SÁCH HỌC SINH CÔNG NGHỆ 7

3.1. Cấu trúc chung sách học sinh Công nghệ 7

Sách học sinh (SHS) Công nghệ 7 được biên soạn bám sát quan điểm chung của bộ sách Chân trời sáng tạo, đảm bảo thể hiện đặc trưng của bộ môn Công nghệ là thực tiễn và sáng tạo. Các nội dung trong SHS Công nghệ 7 được thiết kế trọn vẹn theo chủ đề, giúp GV linh hoạt hơn trong việc tổ chức giảng dạy phù hợp với thực tế của lớp học.

Cấu trúc SGK Công nghệ 7 được cấu trúc bởi các thành phần cơ bản: lời nói đầu, hướng dẫn sử dụng sách, mục lục, nội dung chính, giải thích thuật ngữ. Theo đó:

- Lời nói đầu: giới thiệu ngắn gọn những thông điệp mà nhóm tác giả gửi gắm qua quyển sách đồng thời hướng dẫn GV về phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá;
- Hướng dẫn sử dụng sách: giới thiệu ngắn gọn về các thành phần của bài học, nội dung, ý nghĩa của các hoạt động chủ yếu của HS;
- Mục lục: thể hiện trình tự sắp xếp các bài học và số trang bắt đầu bài học để người đọc dễ dàng tra cứu;
- Nội dung chính: giới thiệu các bài học với nội dung kiến thức đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học;
- Giải thích thuật ngữ: chọn lọc và giải thích những thuật ngữ chuyên môn quan trọng nhưng chưa được diễn giải trong nội dung bài học.

Nội dung chính của sách được thiết kế thành hai phần Trồng trọt và Chăn nuôi gồm 6 chương với 14 bài học và 3 dự án học tập theo cấu trúc của chương trình Công nghệ 7 như sau:

- Phần 1. Trồng trọt
 - + Chương 1. Mở đầu về trồng trọt;
 - + Chương 2. Trồng và chăm sóc cây trồng;
 - + Chương 3. Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.
- Phần 2. Chăn nuôi
 - + Chương 4. Mở đầu về chăn nuôi;
 - + Chương 5. Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi;
 - + Chương 6. Nuôi thủy sản.

SHS Công nghệ 7 được biên soạn theo hướng mở, cho phép GV có thể thay đổi các chủ đề trong quá trình tổ chức giảng dạy tùy theo tình hình thực tế của lớp học mà không làm ảnh hưởng đến mạch kiến thức của môn học.

Ở mỗi phần, nội dung kiến thức đều được cấu trúc gồm các thành phần:

- Trang đầu: nêu nội dung các chương và các câu hỏi kích thích HS suy nghĩ về những vấn đề sẽ được trình bày trong chủ đề;
- Các bài học ở mỗi chương: trình bày những chính thể kiến thức, kĩ năng, thái độ, liên quan trực tiếp đến yêu cầu cần đạt của môn học. Mỗi bài học là một đơn vị dạy học xoay

quanh một chủ đề với các thành phần kiến thức kết hợp hoạt động thực hành để phát triển ở HS các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học;

– Dự án học tập: yêu cầu HS thực hiện một nhiệm vụ, tạo ra sản phẩm có thể trình bày, báo cáo. Dự án học tập được thiết kế phù hợp với các mục tiêu cụ thể mang tính tích hợp kiến thức, kỹ năng của môn học và kiến thức, kỹ năng các môn học khác. Dự án học tập giúp HS trải nghiệm, tham gia hoạt động nhóm, vận dụng phối hợp các kiến thức, kỹ năng đã học một cách hiệu quả. Đây cũng là những chủ đề mà GV có thể vận dụng kết hợp để tổ chức kiểm tra quá trình học tập của HS;

– Ôn tập: hệ thống hoá kiến thức trong chương dưới dạng sơ đồ kèm theo các câu hỏi ôn tập giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức và vận dụng vào thực tiễn.

3.2. Cấu trúc bài học

Cấu trúc bài học trong SHS Công nghệ 7 bao gồm các thành phần cơ bản: khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng, ghi nhớ. Sau một số bài học có phần thông tin mở rộng với tiêu đề Có thể em chưa biết giúp HS mở rộng kiến thức về chủ đề của bài học.

3.2.1. Khởi động

Mục đích chủ yếu của hoạt động này trong SHS Công nghệ 7 là tạo tình huống học tập dựa trên sự huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS; làm bộc lộ mâu thuẫn giữa “cái đã biết” với “cái chưa biết”. Phần khởi động của SHS Công nghệ 7 nêu những tình huống với hình ảnh minh họa tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo nhu cầu “muốn biết”, kích thích tư duy, hứng thú tìm tòi, khám phá kiến thức mới của HS, giúp sách tiếp cận thực tiễn và đi vào thực tiễn.

3.2.2. Hình thành kiến thức mới

Nội dung bài học trong SHS được xây dựng theo quan điểm phát triển năng lực, học tập trải nghiệm. Nội dung lý thuyết của bài học được cấu trúc thành hai cột gồm:

– Cột chính trình bày nội dung kiến thức khoa học theo trình tự hoạt động:

Giới thiệu tình huống, nêu vấn đề → tìm hiểu lý thuyết, giải quyết vấn đề → hình thành khái niệm (kiến thức khoa học);

– Cột phụ trình bày một chuỗi hoạt động học tập khám phá kiến thức của HS, thể hiện rõ quan điểm dạy học phát triển năng lực và dạy học dựa trên học tập trải nghiệm. Cột phụ còn thể hiện những thông tin giải thích, chứng minh, mở rộng một số chi tiết trong nội dung chính.

Mỗi nội dung thực hành được xây dựng thành bảng quy trình thực hiện với các bước cụ thể, hình minh họa và yêu cầu cần đạt của mỗi bước. Các bài dự án học tập thể hiện đủ các thành phần: mục tiêu; nhiệm vụ; vật liệu, dụng cụ; câu hỏi gợi ý và sản phẩm của dự án.

Mở đầu mỗi hoạt động, sách cung cấp các hình ảnh minh họa tình huống thực tế và nêu câu hỏi, yêu cầu hành động để HS tư duy phát hiện vấn đề, qua đó hình thành và phát

triển năng lực nhận thức công nghệ. GV tổ chức, hướng dẫn HS dựa trên các thông tin, dữ liệu từ SHS kết hợp với những kinh nghiệm thực tế của bản thân, quan sát, phân tích, tổng hợp, đánh giá các tình huống và bối cảnh trong thực tế để tự phát hiện các dấu hiệu, biểu hiện, bản chất, vai trò, giá trị, ý nghĩa, ... của các vấn đề liên quan đến nội dung bài học; qua đó hình thành kiến thức, kĩ năng cần lĩnh hội trong bài học.

3.2.3. Luyện tập

Trong SHS Công nghệ 7, hoạt động luyện tập không phải là những bài tập tái hiện kiến thức. Hoạt động luyện tập trong SHS Công nghệ 7 yêu cầu HS đọc và hiểu được các khái niệm, quy trình kĩ thuật; đưa ra nhận xét về một sản phẩm công nghệ hoặc xử lý tình huống dựa trên các kiến thức, kĩ năng vừa học nhằm làm sáng tỏ, củng cố, khắc sâu kiến thức. Qua đó, củng cố và phát triển các năng lực nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, đánh giá công nghệ ở HS. Các bài luyện tập được xây dựng mang tính thực tế, gần gũi với cuộc sống để HS liên hệ thực tế, rút ra kinh nghiệm, gia tăng giá trị tri thức của bản thân.

3.2.4. Vận dụng

Day học phát triển năng lực quan tâm đến việc vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để phát triển các năng lực chung của HS như: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Trong SHS Công nghệ 7, hoạt động vận dụng giúp HS tăng cường ý thức, phát triển năng lực vận dụng vào những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn; tăng cường hứng thú và tính sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân, gia đình và cộng đồng.

3.2.5. Ghi nhớ

Đây là phần thể hiện cô đọng những giá trị cốt lõi của bài học.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔN CÔNG NGHỆ 7

4.1. Nội dung học tập

Công nghệ là môn học mang tính thực tiễn và tính thời đại cao. Vì vậy nội dung môn học được thiết kế xuất phát từ thực tiễn và phải được vận dụng, thực hành, kiểm nghiệm trong thực tiễn, đồng thời đảm bảo đáp ứng được những đòi hỏi, yêu cầu của thực tiễn sản xuất và đời sống. Trong quá trình dạy học, cần gắn lí thuyết với thực hành, gắn hoạt động học tập ở lớp với hoạt động trải nghiệm, vận dụng ở gia đình và cộng đồng, thường xuyên cập nhật những thành tựu mới của khoa học.

Công nghệ còn là môn học mang tính tích hợp. Vì vậy nội dung giảng dạy được xây dựng theo nguyên tắc kĩ thuật tổng hợp và liên kết với các môn học khác như Toán, Khoa học tự nhiên, ...

Lĩnh vực nông – lâm nghiệp và thủy sản có nội dung đa dạng, phong phú, nhưng chương trình môn Công nghệ 7 chỉ có thời lượng hạn chế. Vì vậy những nội dung được trình bày trong SHS là những nội dung cốt lõi. Với quan điểm xây dựng nội dung theo

hướng mở của Chương trình giáo dục phổ thông, nếu những sản phẩm công nghệ được đề cập trong SHS không phổ biến ở địa phương thì GV có thể thay đổi bằng các sản phẩm công nghệ khác gần gũi, phù hợp với HS của mình và thể hiện điều đó trong kế hoạch giáo dục của nhà trường.

4.2. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Ngoài các định hướng chung về phương pháp giáo dục được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, phương pháp dạy học môn Công nghệ 7 cần chú trọng các vấn đề sau:

– Định hướng phát triển năng lực: Khi thiết lập các hoạt động dạy học cho mỗi nội dung, chủ đề học tập, ngoài việc đáp ứng mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực chung cốt lõi được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, mục tiêu kiến thức và kỹ năng mà HS cần đạt được cho nội dung đó, các hoạt động dạy học còn phải đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực đặc thù môn học với mô hình gồm các thành phần: hiểu biết công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ và thiết kế kỹ thuật. Theo định hướng này, nhóm tác giả gợi ý GV tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực, phù hợp với nhiệm vụ hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS như dạy học dựa trên giải quyết vấn đề, dạy học dựa trên trải nghiệm, khám phá, dạy học thực hành cùng những kỹ thuật dạy học tương ứng;

– Định hướng giáo dục STEM: Hoạt động dạy học môn Công nghệ 7 chú trọng giải quyết các vấn đề của công nghệ từ sự tích hợp kiến thức, kỹ năng trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học. Theo đó các bài tập thực hành, bài tập vận dụng, dự án học tập của sách Công nghệ 7 được thiết kế phù hợp với nội dung từng chủ đề của bài học, phù hợp với năng lực của HS và điều kiện dạy học, trên cơ sở tích hợp kiến thức môn Công nghệ với kiến thức của các môn học khác;

– Định hướng học tập qua hành động, học tập trải nghiệm: Theo định hướng này, hoạt động dạy học sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo; vận dụng, gắn kết với thực tiễn và định hướng giải quyết các vấn đề thực tiễn để nâng cao sự hứng thú của người học, góp phần hình thành năng lực, phẩm chất mà bài học đảm nhiệm;

– Định hướng dạy học giải quyết vấn đề: Với quan điểm chung của giáo dục phổ thông là đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực người học, hoạt động dạy học chú trọng giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống. Phần đầu mỗi bài học trong SHS Công nghệ 7 đều đặt ra các vấn đề cần giải quyết thông qua nội dung được trình bày trong bài học. Kết thúc quá trình dạy học, HS phải giải quyết được những câu hỏi hay tình huống đã đặt ra;

– Định hướng dạy học theo chủ đề, dự án: Hoạt động dạy học theo định hướng này bao gồm xây dựng các hình thức tổ chức hoạt động, vận dụng các phương pháp dạy học theo nhóm kết hợp với dạy học cá thể hoá, phát huy năng lực xã hội, năng lực giao tiếp và làm việc hợp tác của HS, đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện đại: phát triển năng lực để người học cùng chung sống với tập thể, với cộng đồng. Các dự án học tập cũng là những gợi ý để GV kết hợp kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức của HS.

4.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Định hướng chung: Việc đánh giá kết quả học tập của HS cần bám sát các định hướng chung về đánh giá đã được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể;

Đánh giá năng lực: Chương trình môn Công nghệ 7 được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực. Theo đó, chương trình không quy định chi tiết về nội dung các bài học cụ thể mà chỉ quy định các nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt, về phẩm chất và năng lực của HS. Do đó, để đánh giá kết quả học tập của HS, GV cần sử dụng các câu hỏi có tính tổng hợp hoặc những bài toán thực tiễn để rèn luyện cho HS khả năng tư duy và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. GV có thể đánh giá thông qua các dự án học tập với các chủ đề mang tính tích hợp kiến thức, kĩ năng của nhiều bài học trong chương và tích hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác;

Kết hợp đánh giá tiến trình và đánh giá kết quả: GV cần kết hợp đa dạng các phương pháp đánh giá khác nhau để đảm bảo đánh giá toàn diện HS, chú trọng đánh giá bằng quan sát trong cả hai trường hợp đánh giá tiến trình và đánh giá sản phẩm;

Đánh giá dựa trên tiêu chí, đảm bảo tính chính xác: Với mỗi nhiệm vụ học tập, tiêu chí đánh giá được thiết kế đầy đủ, dựa theo yêu cầu cần đạt và được công bố ngay từ đầu để định hướng cho HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập.



B. HƯỚNG DẪN GIẢNG DẠY CỤ THỂ

Phần 1. TRỒNG TRỌT

Chương 1. MỞ ĐẦU VỀ TRỒNG TRỌT

Bài 1. NGHỀ TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam;
- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số nghề phổ biến trong trồng trọt;
- Nhận biết được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: thích tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về ngành trong trồng trọt; có ý thức vận dụng kiến thức kĩ năng về lĩnh vực trồng trọt trong cuộc sống;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực tìm hiểu về vai trò, đặc điểm, triển vọng của nông nghiệp Việt Nam;
- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ trong trồng trọt để thảo luận, trao đổi, trình bày thông tin, ý tưởng về những vấn đề liên quan đến vai trò, triển vọng của trồng trọt; đặc điểm một số nghề trong trồng trọt.

3. Năng lực công nghệ

Nhận thức công nghệ: nhận thức nội dung cơ bản về vai trò, triển vọng của trồng trọt; đặc điểm của một số nghề nghiệp và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Lĩnh vực nông nghiệp luôn phát triển theo những tiến bộ của khoa học kĩ thuật. Nền nông nghiệp hiện đại đang phát triển theo một số hướng như: canh tác theo chiều dọc, nông nghiệp chính xác, canh tác nông nghiệp hữu cơ, tự động hoá, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, ứng dụng công nghệ sinh học,... Ở Việt Nam, nông nghiệp phát triển theo hướng: phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ thông tin,...

Khi giảng dạy bài này, GV cần cập nhật thông tin về sự phát triển của nông nghiệp Việt Nam và thế giới để giảng dạy phù hợp với vai trò và triển vọng của nông nghiệp Việt Nam.

GV có thể tìm hiểu các việc làm đã mất dần hoặc mới xuất hiện ở lĩnh vực trồng trọt trong thời gian gần đây minh họa cho một số việc làm có thể giảm người lao động hoặc một số nghề ở lĩnh vực trồng trọt có thể xuất hiện trong tương lai.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip về vai trò, triển vọng của trồng trọt; về hoạt động của một số nghề trong và ngoài lĩnh vực trồng trọt.

2. Chuẩn bị của học sinh

Đọc trước bài học.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng phương pháp dạy học dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về nghề trồng trọt ở Việt Nam.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về nghề trồng trọt ở Việt Nam.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS kể về việc tạo ra một sản phẩm trồng trọt (như lúa, ngô, bắp, xoài,...).
 - + GV đặt câu hỏi dẫn dắt: Các sản phẩm đó có từ đâu? Sản phẩm từ cây trồng có vai trò gì trong sản xuất và đời sống của con người? Để sản xuất ra chúng (trồng cây thu sản phẩm), em cần có những kiến thức, kỹ năng gì?
 - + GV gợi mở, giúp HS kể những loại cây khác mà địa phương trồng nhiều.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Vai trò, triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam

2.1.1. Vai trò của trồng trọt ở Việt Nam

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được vai trò của trồng trọt ở nước ta.
- **Nội dung:** vai trò của trồng trọt trong sản xuất và đời sống của con người.

– **Sân phẩm:** vai trò của trồng trọt ở Việt Nam.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 1.1 và đặt câu hỏi: Trồng trọt đem lại những lợi ích như thế nào đối với đời sống và sản xuất? Từ đó, GV dẫn dắt HS bổ sung thêm một số vai trò chung của trồng trọt mà HS chưa nêu được.

+ GV yêu cầu HS kể (hoặc cho xem hình ảnh) về một số sản phẩm trong trồng trọt được trồng nhiều ở nước ta, từ đó dẫn dắt HS trả lời được câu hỏi: Trồng trọt ở nước ta hiện nay đang thể hiện tốt vai trò nào?

+ GV dẫn dắt, giúp HS kể thêm về một số sản phẩm cây trồng thể hiện vai trò của nông nghiệp (ví dụ: Sản phẩm từ cây lúa, cây cà phê, cây chè thể hiện tốt vai trò nào của nông nghiệp đối với đời sống và sản xuất?).

+ GV khuyến khích HS kể các sản phẩm từ trồng trọt đã và đang được xuất khẩu.

+ GV giới thiệu thêm thông tin về thành tựu xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong SHS.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Ngành trồng trọt có vai trò chính: cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người, thức ăn cho vật nuôi, nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu, tạo việc làm cho người lao động.

2.1.2. Triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được triển vọng của trồng trọt ở nước ta.

– **Nội dung:** một số triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam.

– **Sân phẩm:** triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV tổ chức cho HS quan sát Hình 1.2 về một số triển vọng của trồng trọt, từ đó yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Lĩnh vực trồng trọt có triển vọng phát triển như thế nào?

+ GV phân tích từng hình ảnh trong Hình 1.2 của SHS.

+ GV đưa thêm một số hình ảnh khác để gợi mở và giúp HS phân tích thêm về triển vọng của trồng trọt.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vì sao lĩnh vực trồng trọt lại hướng đến hình thành các vùng chuyên canh cây trồng?

Gợi ý: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc canh tác, ứng dụng hiệu quả thành tựu khoa học kỹ thuật.

+ GV yêu cầu HS nêu tiêu chuẩn mà trồng trọt ở Việt Nam hướng đến, từ đó giải thích về tiêu chuẩn VietGAP trồng trọt trong SHS.

+ GV gợi ý thêm, dẫn dắt HS tìm hiểu về tiêu chuẩn quốc tế trong trồng trọt.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao trồng trọt ở nước ta cần cơ cấu lại cây trồng theo quy mô lớn?

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về triển vọng của trồng trọt ở nước ta.

– **Kết luận:** Trồng trọt ở Việt Nam có triển vọng phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, tạo các vùng canh tác đạt chuẩn để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

2.2. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt

2.2.1. Đặc điểm cơ bản của các nghề trong lĩnh vực trồng trọt

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được đặc điểm một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt.

– **Nội dung:** đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt.

– **Sân phẩm:** đặc điểm cơ bản của một số nghề trong trồng trọt ở nước ta.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.

+ GV cho HS quan sát Hình 1.3 trong SHS hoặc video clip về hoạt động của các nghề trong lĩnh vực trồng trọt. Yêu cầu các nhóm HS kể tên các nghề trong trồng trọt được minh họa trong hình (hoặc video clip).

Gợi ý: Hình a: lao động trồng, thu hoạch chè, Hình b: lao động trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ, Hình c: nhà nuôi cấy mô thực vật.

+ GV gợi ý để HS đưa ra được đặc điểm cơ bản của các nghề trong hình. Từ đó yêu cầu HS kể thêm một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt ở địa phương.

+ GV bổ sung, giải thích thêm về đặc điểm của một số nghề khác trong lĩnh vực trồng trọt.

+ GV kể thêm một số nghề, gợi ý để HS nhận biết trồng trọt đã giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho người lao động trong nền kinh tế.

+ GV dẫn dắt để HS hiểu thêm về cơ hội việc làm của người lao động trong lĩnh vực trồng trọt và yêu cầu ngày càng cao về năng lực của người lao động.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực trồng trọt.

– **Kết luận:** Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực trồng trọt: nhà trồng trọt, nhà nuôi cấy mô thực vật, nhà bệnh học thực vật, nhà tư vấn làm vườn, kỹ thuật viên trồng trọt,...

2.2.2. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt, sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.

– **Nội dung:** phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong trồng trọt.

– **Sân phẩm:** các yêu cầu cơ bản đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt, nhận thức sự phù hợp của bản thân với các nghề trong trồng trọt.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.

+ GV minh hoạ hình ảnh (hoặc video clip) về hoạt động nghề trồng trọt giúp HS nhận biết hoạt động của các nghề trồng trọt.

+ GV gợi ý để HS đưa ra được một vài yêu cầu cơ bản đối với người lao động của nghề trong lĩnh vực (hoặc video clip).

+ GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 1.4 trong SHS và trả lời câu hỏi: Để làm được các công việc trong Hình 1.4, người lao động cần có những kiến thức và kỹ năng như thế nào?

+ GV bổ sung và giải thích thêm về yêu cầu của các nghề trong trồng trọt.

+ GV gợi ý để HS nhận biết sở thích, năng khiếu của bản thân đáp ứng những yêu cầu trong lĩnh vực trồng trọt. Từ đó gợi ý để HS trả lời câu hỏi trong SHS: Bản thân em phù hợp với nghề nào trong lĩnh vực trồng trọt? Tại sao?

+ GV giới thiệu thêm thông tin về trồng trọt hiện đại thu hút sự tham gia của nhiều ngành nghề chuyên sâu như cơ khí, tự động hoá nông nghiệp, ... giúp HS thấy cơ hội việc làm trong ngành trồng trọt.

+ GV giúp HS nhận biết những kiến thức, kỹ năng cần học tập, rèn luyện để đáp ứng ngành nghề trong tương lai.

Gợi ý: HS cần học tập và rèn luyện các môn khoa học tự nhiên để có thể làm các nghề thuộc lĩnh vực cơ khí, tự động hoá nông nghiệp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về những yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực trồng trọt.

– **Kết luận:** Người lao động cần có kiến thức về trồng và chăm sóc cây trồng, có khả năng sử dụng máy móc thiết bị trong trồng trọt và có sức khỏe, tinh thần, trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** củng cố kiến thức về vai trò của trồng trọt và nghề nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt.

– **Nội dung:** câu hỏi phần Luyện tập trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án câu hỏi luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức hoạt động nhóm.

GV dẫn dắt HS trả lời câu hỏi ở phần Luyện tập trong SHS.

• Câu 1. Hãy kể ba sản phẩm từ trồng trọt mà gia đình em sử dụng. Mỗi sản phẩm thể hiện vai trò nào của trồng trọt?

Gợi ý: GV yêu cầu HS nêu thêm một số sản phẩm trong trồng trọt ở địa phương mà sản phẩm đó đang thể hiện tốt nhất vai trò của trồng trọt tại nơi đó.

• Câu 2. Quan sát Hình 1.5, cho biết mỗi hoạt động minh hoạ nghề nào trong lĩnh vực trồng trọt.

Gợi ý: Hình a: lao động trồng rừng và khai thác rừng; Hình b: lao động trồng, thu hoạch lúa; Hình c: lao động trồng, thu hoạch hoa và cây cảnh.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kỹ năng về vai trò, triển vọng của trồng trọt và định hướng nghề nghiệp trong trồng trọt vào thực tiễn.

– **Nội dung:** câu hỏi phần Vận dụng trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án câu hỏi vận dụng trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

GV có thể yêu cầu HS nêu lên ba ngành nghề trong lĩnh vực trồng trọt phổ biến ở địa phương và đưa ra nhận xét về tác động của những ngành nghề đó đến nền kinh tế địa phương qua các mặt: tạo việc làm, cung cấp sản phẩm cho đời sống, cung cấp sản phẩm cho sản xuất, xuất khẩu thu ngoại tệ,...

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức về nghề trồng trọt ở Việt Nam.

– **Nội dung:**

+ Vai trò, triển vọng của trồng trọt ở Việt Nam;

+ Định hướng nghề trong lĩnh vực trồng trọt.

– **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Khởi động: Các loại lương thực, rau củ quả có từ đâu? Để sản xuất ra chúng, em cần có những kiến thức, kỹ năng gì?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét quá trình học tập của HS;

– GV nhấn mạnh trọng tâm bài.

Bài 2. CÁC PHƯƠNG THỨC TRỒNG TRỌT Ở VIỆT NAM (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Kể tên được một số nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam;
- Nêu được một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về phương thức trồng trọt và ứng dụng trồng trọt công nghệ cao trong cuộc sống;
- Tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực tìm hiểu về các nhóm cây trồng, phương thức trồng trọt và trồng trọt công nghệ cao; biết thực hiện tốt phần việc của bản thân và của nhóm phân công; vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào trồng trọt;
- Giao tiếp và hợp tác: hiểu rõ nhiệm vụ nhóm, đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết sử dụng ngôn ngữ để thảo luận, trao đổi những vấn đề về lựa chọn phương thức trồng trọt và trồng trọt công nghệ cao.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết được các nhóm cây trồng, các phương thức trồng trọt và đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao;
- Giao tiếp công nghệ: đọc được một số thuật ngữ dùng trong trồng trọt;
- Đánh giá công nghệ: đưa ra được nhận xét, đánh giá mô hình trồng trọt và ứng dụng công nghệ cao.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV nên kết hợp lấy ví dụ về hoạt động trồng cây ở địa phương để cho HS phân tích các phương thức canh tác, từ đó nhận ra đặc điểm ứng dụng công nghệ cao, GV khuyến khích HS đưa ra ví dụ về cách trồng trọt ở gia đình và phân tích cho từng nội dung bài học.

Đối với nội dung đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao, GV có thể tạo mối liên hệ với triển vọng của trồng trọt ở Bài 1 để giúp HS hệ thống kiến thức.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: chuẩn bị tranh ảnh hoặc đoạn video clip về:
 - + Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam;

- + Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam;
- + Đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị: hình ảnh, video clip về vườn cây của gia đình.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng phương pháp dạy học dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cây trồng và phương thức trồng trọt tại Việt Nam.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sân phẩm:** HS có nhu cầu tìm hiểu các cây trồng và phương thức trồng phổ biến hiện nay ở nước ta.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV đặt ra tình huống ở phần Mở đầu của SHS, yêu cầu HS trình bày về một số cách trồng cây ngô và đỗ xanh.
 - + GV cho HS quan sát một số hình ảnh về các phương thức trồng trọt.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam

- **Mục tiêu:** giúp HS kể được một số nhóm cây trồng ở Việt Nam.
- **Nội dung:** các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.
- **Sân phẩm:** các nhóm cây trồng phổ biến.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.
 - + GV minh hoạ Hình 2.1 trong SHS, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Các loại cây trong Hình 2.1 thuộc những nhóm cây trồng nào?
 - + GV dẫn dắt HS nêu được các nhóm cây trồng phổ biến tương ứng với mỗi hình.
 - + GV minh hoạ thêm một số hình ảnh cây trồng ở địa phương và dẫn dắt HS phân loại cây trồng vào từng nhóm.
 - + GV yêu cầu HS liệt kê các giống cây trồng ở địa phương, từ đó GV dẫn dắt giúp cho HS nhận biết mỗi vùng miền có những cây trồng đặc trưng khác nhau.

+ GV đặt câu hỏi dẫn dắt: Vì sao địa phương em lại trồng được loại cây đó? Từ đó, GV giúp HS trả lời câu hỏi: Vì sao mỗi vùng miền lại có những loài cây đặc trưng hoặc những giống cây trồng khác nhau?

+ GV cung cấp cho HS thông tin về các vùng trồng lúa đang bị thiệt hại do sự biến đổi khí hậu như hạn mặn, ... giúp HS nhận biết sự thay đổi nhóm cây trồng đặc trưng ở từng vùng theo điều kiện biến đổi khí hậu.

+ GV giới thiệu thêm thông tin về thành tựu xuất khẩu gạo của Việt Nam trong SHS.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức về các nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam.

– **Kết luận:** Các nhóm cây trồng chủ yếu của Việt Nam: nhóm cây lương thực, cây lấy củ, cây ăn quả, cây rau và đỗ các loại, cây công nghiệp, hoa và cây cảnh.

2.2. Một số phương thức trồng trọt ở Việt Nam

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các phương thức trồng trọt phổ biến tại Việt Nam.

– **Nội dung:** các phương thức trồng trọt độc canh, xen canh, luân canh, tăng vụ.

– **Sân phẩm:** các phương thức trồng trọt phổ biến tại Việt Nam.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.

+ GV minh hoạ Hình 2.2 trong SHS và yêu cầu nhóm HS thảo luận để nêu đặc điểm của từng phương thức trồng trọt thể hiện trong hình.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Điểm khác nhau giữa trồng độc canh và trồng xen canh là gì? Từ đó GV dẫn dắt để HS biết được các phương thức trồng trọt phổ biến.

+ Từ khái niệm, GV yêu cầu HS trả lời câu lệnh trong SHS:

- Luân canh có gì khác so với độc canh và xen canh?

- Hãy nêu ưu điểm và nhược điểm của từng phương thức trồng trọt.

+ GV dẫn dắt để HS nêu lên được ưu và nhược điểm của từng phương thức trồng trọt.

+ GV nêu ví dụ về phương thức trồng tăng vụ và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Số vụ gieo trồng trong năm phụ thuộc vào những yếu tố nào?

Gợi ý: Số vụ trong năm tùy thuộc vào thời gian từ khi trồng đến khi thu hoạch của mỗi loại cây. Thời gian từ khi trồng đến khi thu hoạch của một loại cây trồng sẽ tùy thuộc vào những yếu tố như thời gian sinh trưởng, phát triển của giống cây trồng; điều kiện sống của cây trồng và phương thức canh tác loại cây trồng đó.

+ GV giới thiệu thêm về phương thức canh tác đối với trồng trọt công nghệ cao trong SHS.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:**

- + Độc canh là phương thức canh tác chỉ trồng chuyên một loại cây;

- + Luân canh, xen canh là phương thức canh tác từ hai loại cây trở lên trên cùng diện tích;

- + Tăng vụ là tăng số vụ gieo trồng trong năm trên một diện tích.

2.3. Trồng trọt công nghệ cao

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao.
- **Nội dung:** những ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt.
- **Sân phẩm:** các đặc điểm để nhận biết trồng trọt công nghệ cao.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV gợi mở, dẫn dắt để HS nhận biết việc trồng trọt công nghệ cao sẽ chủ động được các điều kiện chăm sóc mà trồng trong tự nhiên không có được.
 - + GV liên hệ với phương thức trồng tăng vụ để nêu đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao.
 - + GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về trồng trọt như Hình 2.3 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Ứng dụng công nghệ cao trong mỗi trường hợp ở Hình 2.3 mang lại lợi ích gì cho việc trồng trọt?
 - + GV dẫn dắt để HS nêu các đặc điểm nhận biết mô hình trồng cây ứng dụng công nghệ cao: sử dụng các thiết bị tiên tiến, các kỹ thuật hiện đại, giống cây trồng mới năng suất cao, quy trình quản lý tự động,...
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Ưu điểm và nhược điểm của trồng trọt công nghệ cao là gì?
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Trồng trọt công nghệ cao là ứng dụng các quy trình, kỹ thuật, giống cây, công cụ, thiết bị tiên tiến nhằm mang lại hiệu quả cao.

III. LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** khắc sâu kiến thức về nhóm cây trồng, các phương thức trồng trọt và trồng trọt công nghệ cao.
- **Nội dung:** các câu hỏi và bài tập phần Luyện tập trong SHS.
- **Sân phẩm:** đáp án câu hỏi và bài tập phần Luyện tập trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức hoạt động nhóm.

GV dẫn dắt HS trả lời câu hỏi ở phần Luyện tập.

• Câu 1: Giả sử có một khuôn viên để trồng cây ở gia đình, em dự định trồng nhóm cây nào, loại cây nào? Với những loại cây đã chọn, em sẽ trồng theo phương thức trồng trọt nào? (HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân)

Gợi ý: Các loại cây chọn trồng trên cùng một vụ phải đảm bảo không cạnh tranh về dinh dưỡng và ánh sáng. GV có thể hướng dẫn HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân.

• Câu 2. Hình ảnh nào thể hiện trồng trọt công nghệ cao? Vì sao?

Gợi ý:

- Hình a: không thể hiện trồng trọt công nghệ cao;
- Hình b: ứng dụng quy trình quản lý tự động và kỹ thuật canh tác tiên tiến (trồng trong nhà kính kiểm soát quá trình phát triển của cây, sử dụng hệ thống tưới, chăm sóc cây tự động,...);

- Hình c: sử dụng hệ thống thiết bị tiên tiến (hệ thống tưới tự động).

• Câu 3: Em hãy kể về các ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt mà em từng thấy hoặc từng trải nghiệm.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời theo thực tế.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn về phương thức trồng trọt và trồng trọt công nghệ cao ở địa phương.

– **Nội dung:** câu hỏi phần Vận dụng trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án cho câu hỏi phần Vận dụng trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

+ GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện câu hỏi ở phần Vận dụng trong SHS.

+ GV dẫn dắt HS phân tích việc ứng dụng phương thức trồng trọt và ứng dụng công nghệ cao ở địa phương. Ví dụ:

- Địa phương được ứng dụng trồng trọt công nghệ cao như thế nào?
- Ứng dụng ở mức độ nào?
- Ứng dụng công nghệ cao có mang lại hiệu quả không?

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

+ Một số nhóm cây trồng phổ biến ở Việt Nam;

+ Một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam;

+ Đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao.

– **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.

+ GV yêu cầu HS trả lời vấn đề được đặt ra ở phần Khởi động: Em hãy giới thiệu một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam.

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– GV cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau. GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp về mức độ chăm chỉ, tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác;

– GV nhấn mạnh trọng tâm bài;

– Khuyến khích HS tìm hiểu thêm nội dung thông tin “Một số mô hình trồng cây công nghệ cao” trong phần Có thể em chưa biết trong SHS.

Chương 2. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG

Bài 3. QUY TRÌNH TRỒNG TRỌT (3 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt;
- Trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng trọt vào cuộc sống;
- Trách nhiệm: quan tâm đến công việc trồng trọt ở gia đình, địa phương để đề xuất cách làm hợp lí trong trồng trọt cho gia đình, địa phương;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập; tự tìm hiểu để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào trồng trọt hiệu quả;
- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để thảo luận, trao đổi, trình bày những vấn đề về trồng trọt.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong trồng trọt;
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được một số thuật ngữ để trình bày về quy trình trồng trọt;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá được các bước trong quy trình trồng trọt.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Ở mỗi nội dung thực hiện đều có hình minh họa, tuy nhiên GV có thể sử dụng hình ảnh thay thế sao cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

GV cần lưu ý HS về sự khác nhau khi trồng trên cánh đồng (vườn) và trồng trong chậu, thùng xốp.

Gợi ý phân bố bài giảng:

Tiết 1: 1. Chuẩn bị đất trồng
2. Chuẩn bị giống cây trồng

Tiết 2: 3. Gieo trồng
4. Chăm sóc cây

Tiết 3: 5. Thu hoạch

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc đoạn video clip về từng bước trong quy trình làm đất.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài trong SHS;
- Tìm hiểu về quy trình trồng trọt đang thực hiện ở gia đình hoặc địa phương;
- Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị: hình ảnh của từng công việc trong quy trình trồng trọt theo phân công của GV.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng phương pháp dạy học dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng phương pháp dạy học trực quan để hướng dẫn HS học tập quy trình trồng trọt;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về trồng cây.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu quy trình trồng trọt.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV nêu tình huống ở phần Mở đầu trong SHS, từ đó đặt câu hỏi: Công việc trồng cây phải thực hiện theo trình tự thế nào nhỉ?
 - + GV yêu cầu HS kể các công việc cần làm khi trồng cây.
 - + GV đặt câu hỏi về cách thực hiện từng công việc trồng cây.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Chuẩn bị đất trồng

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kỹ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng.
- **Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kỹ thuật của các bước chuẩn bị đất trồng.
- **Sân phẩm:** các bước chuẩn bị đất trồng.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.1 trong SHS và chỉ ra các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đất trồng.

+ GV phân tích hình ảnh và dẫn dắt HS nhận biết công việc làm đất.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.2 trong SHS và trả lời câu hỏi: Nếu đất trồng không được chuẩn bị tốt thì vụ mùa sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

Gợi ý: Vụ mùa sẽ phát sinh sâu, bệnh (mầm mống sâu, bệnh trong đất trồng) và đất trồng không được cải tạo phù hợp với loại cây trồng dẫn đến cây sinh trưởng, phát triển kém hoặc chết.

+ GV lưu ý: Sâu hại có trong bụi rậm, trong đất vì vậy cần phát quang bụi rậm, cày đất, ngâm đất, phơi đất để diệt mầm mống sâu hại.

+ GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của việc làm đất.

+ GV gợi mở vấn đề: Chuẩn bị đất như thế nào là đạt yêu cầu? Từ đó phân tích chi tiết việc chuẩn bị đất trồng và yêu cầu cần đạt của từng công việc.

+ GV nhấn mạnh các bước làm đất phải được thực hiện theo đúng trình tự.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Chuẩn bị đất trồng nhằm đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt. Chuẩn bị đất trồng được thực hiện theo trình tự: xác định diện tích đất trồng → vệ sinh đất trồng → làm đất và cải tạo đất.

2.2. Chuẩn bị giống cây trồng

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kỹ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng.

– **Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kỹ thuật của các bước chuẩn bị giống cây trồng.

– **Sân phẩm:** mục đích, trình tự, yêu cầu kỹ thuật các bước chuẩn bị giống cây trồng.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.3 và trả lời các câu hỏi trong SHS:

• Cho biết cây con nào không nên chọn để trồng. Vì sao?

• Giả sử vẫn sử dụng cây con bị sâu hại thì nên xử lý như thế nào trước khi trồng?

+ GV phân tích hình ảnh và giải thích cách xử lý cây con bị sâu hại trước khi trồng.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.4 trong SHS và trả lời câu hỏi: Hạt lúa ở Hình 3.4a hay 3.4b có thể gieo trồng ngay? Vì sao?

Gợi ý: Hạt giống Hình 3.4a chưa được xử lý (ngâm ủ) nên khả năng nảy mầm kém.

+ GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của việc chuẩn bị giống cây trồng.

+ GV giới thiệu thêm thông tin về thời gian ngâm ủ hạt trong SHS.

+ GV dẫn dắt HS nhận biết nội dung, trình tự của việc chuẩn bị giống cây trồng, yêu cầu cần đạt từng công việc.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về chuẩn bị giống cây trồng.

– **Kết luận:** Chuẩn bị giống có mục đích đảm bảo hạt giống, cây con khoẻ mạnh, sạch sâu, bệnh, đủ số lượng giống để gieo trồng trên diện tích đất đã chuẩn bị trước. Việc chuẩn bị giống được thực hiện theo trình tự: lựa chọn hạt giống để gieo trồng → xử lý hạt giống trước khi gieo trồng → kiểm tra số lượng hạt giống, cây con.

2.3. Gieo trồng

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kỹ thuật của các bước gieo trồng.
- **Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kỹ thuật của các bước gieo trồng.
- **Sân phẩm:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kỹ thuật của các bước gieo trồng.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.5 và trả lời câu lệnh trong SHS: Hãy trình bày các hình thức gieo trồng cây được minh hoạ ở Hình 3.5.

+ GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của khâu gieo trồng.

+ GV dẫn dắt HS nhận biết nội dung các bước gieo trồng và yêu cầu kỹ thuật từng bước.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về gieo trồng.

– **Kết luận:** Các hoạt động gieo trồng có mục đích giúp cây được trồng ở điều kiện khí hậu, mật độ thích hợp. Gieo trồng được thực hiện theo trình tự: xác định thời vụ, phương tiện, cách thức gieo trồng → kiểm tra hạt giống hoặc cây giống con và đất trồng → tiến hành gieo trồng.

2.4. Chăm sóc cây

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kỹ thuật của các công việc chăm sóc cây trồng.

- **Nội dung:** mục đích, nội dung và yêu cầu kỹ thuật của các công việc chăm sóc cây trồng.
- **Sân phẩm:** mục đích, yêu cầu kỹ thuật của các công việc chăm sóc cây trồng.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 3.6 và trả lời các câu hỏi trong SHS: So sánh sự phát triển của hai cây trong Hình 3.6. Vì sao cùng một giống cây, cùng loại đất trồng và điều kiện khí hậu, các cây trồng lại có thể phát triển khác nhau?

Gợi ý: Cùng một giống cây nhưng có những cây có khả năng phát triển tốt, có cây có sức sống kém. Vì vậy khi trồng cây phải lựa chọn giống cây con khoẻ mạnh như nhau để đối chiếu với việc chăm sóc, nếu không kết quả có khi không như mong muốn.

+ GV yêu cầu HS quan sát hình tía, dặm lúa (Bảng 3.4) trong SHS và trả lời câu hỏi: Vì sao cần tía, dặm cây sau một thời gian gieo trồng?

Gợi ý: Việc tía, dặm xuất phát từ những nguyên nhân như gieo hạt không đều, hạt không nảy mầm do ngập úng, cây chết sau một thời gian nảy mầm hoặc do các loài sinh vật gây hại.

- + GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của chăm sóc cây trồng.
- + GV gợi mở giúp HS tìm hiểu về yêu cầu kĩ thuật tương ứng với từng công việc chăm sóc cây trồng.
- + GV lưu ý thêm: Việc tưới, tiêu nước, theo dõi để phát hiện phòng, trừ sâu, bệnh hại phải được thực hiện trong suốt quá trình từ khi gieo trồng đến khi thu hoạch.
- + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Khi chăm sóc cây trồng cần áp dụng những biện pháp nào để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường?
- + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về chăm sóc cây trồng.
- **Kết luận:** Chăm sóc cây trồng có mục đích nuôi dưỡng, bảo vệ, phòng trừ các yếu tố gây hại cho cây trồng. Chăm sóc cây trồng gồm các công việc: tía, dặm; làm cỏ, vun xới; bón phân; tưới nước, tiêu nước; phòng, trừ sâu, bệnh cho cây.

2.5. Thu hoạch

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được mục đích và yêu cầu kĩ thuật của việc thu hoạch cây trồng.
- **Nội dung:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật trong thu hoạch sản phẩm cây trồng.
- **Sản phẩm:** mục đích, trình tự, nội dung và yêu cầu kĩ thuật của các bước thu hoạch.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.
- + GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 3.7 và trả lời yêu cầu trong SHS: Nêu phương pháp thu hoạch tương ứng với mỗi hình.
- + GV yêu cầu HS kể thêm một số phương pháp thu hoạch, từ đó GV tổng hợp các phương pháp thu hoạch.
- + GV yêu cầu HS kể về một số loại cây đang trồng ở địa phương và cách thu hoạch tương ứng, từ đó nhận biết mỗi loại cây trồng có phương pháp thu hoạch khác nhau.
- Lưu ý: Cùng một giống cây nhưng tùy theo nhu cầu lấy sản phẩm mà có cách thu hoạch khác nhau.
- + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao mỗi loại cây trồng lại có phương pháp thu hoạch khác nhau?
- Gợi ý: Do đặc điểm cho sản phẩm của từng loại cây trồng và nhu cầu lấy sản phẩm mà có cách thu hoạch phù hợp.
- + GV dẫn dắt HS nêu được mục đích của việc thu hoạch cây trồng.
- + GV gợi mở giúp HS nêu được nội dung của việc thu hoạch cây trồng và tìm hiểu về yêu cầu cần đạt tương ứng với từng công việc thu hoạch.
- + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về thu hoạch sản phẩm cây trồng.
- **Kết luận:** Thu hoạch nhằm mục đích đảm bảo số lượng và chất lượng sản phẩm trồng trọt đạt tiêu chuẩn. Để thu hoạch, đầu tiên cần kiểm tra sản phẩm cây trồng, sau đó tiến hành thu hoạch sản phẩm.

III. LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về quy trình trồng trọt.
- **Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.
- **Sân phẩm:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập theo nhóm nhỏ.
 - + GV dẫn dắt HS hoàn thành yêu cầu ở phần Luyện tập.
 - + GV có thể sử dụng các hình ảnh tương tự Hình 3.8 trong SHS và tổ chức cho các nhóm HS ghép hình với chú thích tương ứng.

IV. VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn trồng trọt.
- **Nội dung:** bài tập trong phần Vận dụng trong SHS.
- **Sân phẩm:** đáp án cho câu hỏi phần Vận dụng trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.
GV dẫn dắt HS trả lời câu hỏi ở phần Vận dụng:
 - + GV yêu cầu HS lựa chọn một loại cây trồng ngắn ngày để trồng, chăm sóc;
 - + HS báo cáo sản phẩm qua ảnh chụp hoặc sử dụng bảng theo dõi các giai đoạn phát triển của cây từ khi gieo trồng đến khi cây ra hoa, đồng thời trình bày những lưu ý khi chăm sóc cây.

V. KẾT LUẬN CHUNG

- **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức cốt lõi của bài học.
- **Nội dung:** quy trình trồng trọt gồm:
 - + Bước 1. Chuẩn bị đất trồng;
 - + Bước 2. Chuẩn bị giống cây trồng;
 - + Bước 3. Gieo trồng;
 - + Bước 4. Chăm sóc cây;
 - + Bước 5. Thu hoạch.
- **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Khởi động: Công việc trồng trọt phải thực hiện theo trình tự như thế nào?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- GV cho HS tự đánh giá, HS nhận xét lẫn nhau và GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp về mức độ chăm chỉ, tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác;
- GV nhấn mạnh trọng tâm bài.

Bài 4. NHÂN GIỐNG CÂY TRỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP GIÂM CÀNH (2 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

Thực hiện được việc nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng giâm cành trong trồng trọt;
- Tự chủ và tự học: chủ động tìm hiểu về đặc điểm các loại cây trồng, chủ động vận dụng kiến thức, kĩ năng giâm cành vào việc trồng trọt của gia đình;
- Giao tiếp và hợp tác: biết thảo luận, trao đổi những vấn đề về phương pháp giâm cành với HS khác, biết phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết được khái niệm nhân giống bằng phương pháp giâm cành, đặc điểm của cây có thể dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành và quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành;
- Sử dụng công nghệ: thực hiện được quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành và áp dụng cho loại cây trồng khác ở gia đình;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá được thao tác kĩ thuật trong quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV cần lưu ý HS tìm hiểu đặc điểm và kĩ thuật trồng loại cây đó trước khi thực hiện nhân giống. Từ đó, đánh giá ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp để lựa chọn phương pháp nhân giống phù hợp, giúp mang lại hiệu quả và lợi ích kinh tế cao nhất.

Khi thực hiện phương pháp giâm cành, phải căn cứ vào đặc điểm sinh trưởng của mỗi loại cây trồng để áp dụng những biện pháp kĩ thuật phù hợp.

GV có thể khuyến khích HS phát huy sự sáng tạo cá nhân: HS tự chọn loại cây để tạo cảnh quan, phù hợp với địa phương (dễ tìm) hoặc cây có giá trị kinh tế,... nhưng phải đảm bảo cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành và được sự cho phép của giáo viên.

Gợi ý phân bổ bài giảng:

Tiết 1: 1. Khái niệm giâm cành

2. Quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành

2.1. Quy trình chung

Tiết 2: 2.2. Thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành (tổ chức thực hành)

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip về:
 - + Một số loại cây dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành phổ biến ở địa phương;
 - + Những trường hợp cành giâm phát triển không tốt;
 - + Quy trình giâm cành đối với cây trồng (rau muống);
 - + Các yếu tố ngoại cảnh (nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng khi giâm cành.
- Chuẩn bị cho tiết thực hành:
 - + Dụng cụ cần thiết: kéo để cắt cành và tỉa lá, dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ;
 - + Chuẩn bị phòng hoặc địa điểm thực hành ngoài trời;
 - + Phân chia nhóm HS thực hành.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị:
 - + Khoảng 5 đến 10 cây rau muống (GV có thể thay bằng loại cây khác phổ biến ở địa phương và dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành);
 - + Giá thể giâm cành rau muống như 3/4 đất pha với 1/4 xơ dừa hoặc tro,...;
 - + Chậu trồng có kích thước đảm bảo trồng đủ số cây với khoảng cách đều nhau;
 - + Kéo để cắt cành và tỉa lá, dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng phương pháp dạy học dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng phương pháp dạy học thực hành để hướng dẫn HS thực hiện quy trình nhân giống bằng phương pháp giâm cành;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- *Mục tiêu:* khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cách thức giâm cành.
- *Nội dung:* tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.

- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu nhân giống bằng phương pháp giâm cành.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:**
 - + GV yêu cầu HS kể về các phương pháp nhân giống đã biết.
 - + GV đặt câu hỏi dẫn dắt: Nếu không sử dụng hạt, người ta còn sử dụng phương pháp nào để nhân giống?
 - + GV giới thiệu phương pháp giâm cành.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Khái niệm giâm cành

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được phương pháp giâm cành, một số đặc điểm của các loại cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành.
- **Nội dung:** khái niệm phương pháp giâm cành, những loại cây dễ giâm cành.
- **Sân phẩm:** khái niệm phương pháp giâm cành, đặc điểm của cây có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.
 - + GV minh hoạ hình ảnh sự phát triển của cây trồng bằng phương pháp giâm cành ở Hình 4.1 và yêu cầu HS xác định bộ phận của cây được sử dụng làm nguyên liệu nhân giống.
 - + GV phân tích từng hình ảnh để HS hiểu về các giai đoạn phát triển của cây từ cành giâm ban đầu.
 - + GV dẫn dắt HS nêu được khái niệm giâm cành.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Cây tạo ra bằng phương pháp giâm cành có ưu điểm gì so với cây được nhân giống từ hạt?
 - + GV minh hoạ hình ảnh một số loại cây dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành ở Hình 4.2 và tổ chức cho các nhóm HS thảo luận để trả lời câu hỏi trong SHS: Các loại cây dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành trong hình có những đặc điểm gì?
 - + GV dẫn dắt HS nhận ra đặc điểm cây trồng dễ nhân giống bằng phương pháp giâm cành.
 - + GV yêu cầu HS kể thêm những cây trồng có cùng đặc điểm, có thể nhân giống bằng phương pháp giâm cành.
 - + GV dẫn dắt giúp HS nhận biết cùng một loại cây trồng có thể sử dụng được nhiều phương pháp nhân giống.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Giâm cành là phương pháp nhân giống vô tính được thực hiện bằng cách sử dụng một đoạn cành tách từ cây mẹ và trồng vào giá thể. Các loại cây được chọn để nhân giống bằng phương pháp giâm cành thường có khả năng ra rễ phụ nhanh.

2.2. Quy trình nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành

2.2.1. Quy trình chung

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được quy trình chung giâm cành.
- **Nội dung:** các bước trong quy trình chung nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.
- **Sân phẩm:** quy trình chung của phương pháp giâm cành.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV cho HS xem hình ảnh (hoặc video clip) về cây trồng chịu ảnh hưởng của các điều kiện đất đai, khí hậu, ... và nêu câu hỏi: Những yếu tố nào giúp cây trồng phát triển khoẻ mạnh? Từ đó, GV khơi gợi để HS kể ra một số yếu tố về điều kiện sống của cây trồng như ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, ...
 - + GV dẫn dắt, khơi gợi để HS nhận biết vai trò quan trọng của kỹ thuật giâm cành đối với sự phát triển của cành giâm.
 - + GV giải thích thêm về yếu tố thời vụ trong giâm cành nhằm đảm bảo cho cây phát triển tốt.
 - + GV minh hoạ Hình 4.3 trong SHS, yêu cầu các nhóm HS sắp xếp các công việc nhân giống cây trồng theo thứ tự phù hợp.
 - + GV dẫn dắt HS chia các công việc thành bốn nhóm tương ứng với bốn bước của quy trình. Từ đó dẫn dắt để HS nêu được các bước trong quy trình chung.
 - + GV minh hoạ hình ảnh và giúp HS nhận biết các loại giá thể giâm cành.
 - + GV cho HS xem hình ảnh và giải thích lí do vì sao đoạn cành giâm nên cắt vát và tỉa bớt lá.
 - + GV minh hoạ các cách cắm cành giâm khác nhau, yêu cầu HS hoàn thành yêu cầu trong SHS: Cho biết ưu và nhược điểm của từng cách cắm cành giâm vào giá thể.
 - + GV giải thích các kỹ thuật trong từng bước giâm cành. GV đặt vấn đề cho HS: Hãy cho biết mỗi công việc ở Hình 4.3 tương ứng với bước nào trong quy trình giâm cành.
- Chú ý: Khi đặt hom không để hom tiếp xúc trực tiếp với phân bón. Nếu hom tiếp xúc với phân bón, hom dễ bị nhiễm bệnh và bị thối.
- + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

- **Kết luận:** Quy trình chung giâm cành gồm bốn bước: chuẩn bị giá thể giâm cành → chuẩn bị cành giâm → giâm cành vào giá thể → chăm sóc cành giâm.

2.2.2 Thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành

- **Mục tiêu:** tổ chức cho HS thực hành nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành.
- **Nội dung:** các bước nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành.
- **Sân phẩm:** cây rau muống đã được giâm cành đúng kỹ thuật.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp và tổ chức thực hành theo nhóm.

- + GV giới thiệu về những đặc điểm của cây rau muống.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình chung nhân giống cây trồng bằng phương pháp giâm cành.
 - + GV nêu mục tiêu của buổi thực hành, yêu cầu mỗi nhóm HS thực hiện giâm cành rau muống đúng quy trình và đạt yêu cầu kĩ thuật.
 - + GV nêu yêu cầu về trật tự, thời gian, ... của buổi thực hành.
 - + GV nêu tiêu chí đánh giá: sản phẩm đạt yêu cầu kĩ thuật.
 - + GV thao tác mẫu và hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình giâm cành cây rau muống.
 - + GV yêu cầu HS triển khai thực hiện giâm cành cây rau muống theo đúng quy trình.
 - + GV theo dõi HS thực hành, uốn nắn và điều chỉnh thao tác của HS. Nhắc nhở HS giữ an toàn vệ sinh lao động, tiết kiệm nguyên liệu (giáo dục ý thức sống; bảo vệ cuộc sống an toàn, lành mạnh hướng đến sự phát triển bền vững).
 - + GV hướng dẫn và khuyến khích HS sáng tạo để tạo ra những sản phẩm giâm cành đạt yêu cầu kĩ thuật và mang hình thức đẹp.
 - + GV yêu cầu các nhóm HS dừng việc và nộp sản phẩm khi hết thời gian thực hành.
- **Tiêu chí đánh giá kết quả thực hành:**
- + Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành:

TT	Các bước thực hiện	Có	Không
1	Chuẩn bị đất và chậu trồng rau muống.		
2	Chuẩn bị cành giâm.		
3	Giâm cành vào đất trồng.		
4	Chăm sóc cành giâm.		
5	Đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động.		

- + Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:
 - Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành.
 - Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí:

TT	Tiêu chí đánh giá sản phẩm	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1	Thành phần dinh dưỡng của đất cân đối, phù hợp với cây rau muống.			
2	Lượng đất vừa đủ.			
3	Cành giâm không quá già, không quá non. Đủ số lượng.			

4	Cành giâm được cắt vát 15 – 20 cm, đoạn cành giâm có số lượng các chồi (mắt) bằng nhau.			
5	Đầu già của cành giâm được cắm xuống đất.			
6	Cành giâm chéch so với mặt đất trồng.			
7	Khoảng cách giữa các cành giâm đều nhau.			
8	Bề mặt đất luôn ẩm.			Đánh giá sau thời gian chăm sóc
9	Cây phát triển tốt, không bị sâu, bệnh hại.			
10	Sản phẩm thể hiện sự sáng tạo.			

– **Kết luận:**

Quy trình nhân giống cây rau muống bằng phương pháp giâm cành:

- + Bước 1. Chuẩn bị đất trồng rau muống;
- + Bước 2. Chuẩn bị cành giâm;
- + Bước 3. Giâm cành vào đất trồng;
- + Bước 4. Chăm sóc cành giâm.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về phương pháp giâm cành, cách chọn cành giâm đạt yêu cầu, củng cố nội dung cốt lõi bài học.

– **Nội dung:** bài tập trong phần Luyện tập trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án cho câu hỏi trong phần Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.

- Câu 1: Hình nào đang mô tả phương pháp giâm cành?

Gợi ý: Hình c đang mô tả phương pháp giâm cành.

- Câu 2: Đoạn thân sắn nào đạt yêu cầu kĩ thuật làm cành giâm?

Gợi ý: Cành giâm đạt yêu cầu là đoạn có góc vát, độ dài 15 – 20 cm và đoạn không non (gần ngọn) hay không quá già (sát gốc).

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn nhân giống bằng phương pháp giâm cành.

– **Nội dung:** bài tập trong phần Vận dụng trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án phần Vận dụng trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

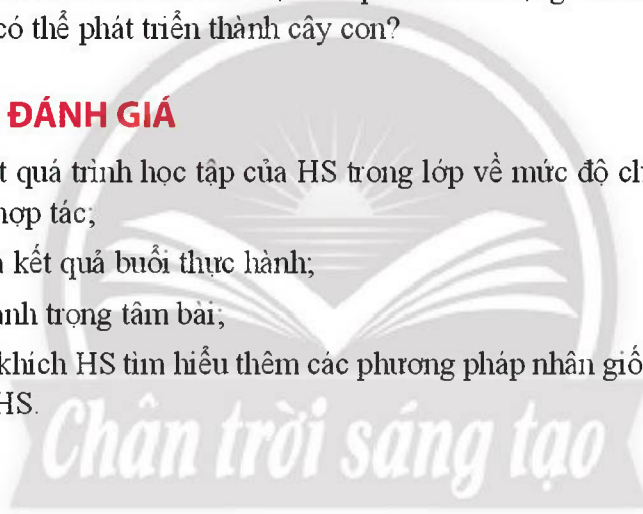
GV yêu cầu HS lựa chọn loại cây rau sẽ trồng và báo cáo sản phẩm qua ảnh chụp hoặc sử dụng bảng theo dõi các giai đoạn phát triển của cây từ khi gieo đến khi cây có ba chồi non, đồng thời trình bày những lưu ý khi chăm sóc cây.

V. KẾT LUẬN CHUNG

- **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức về khái niệm và quy trình cốt lõi của bài học.
- **Nội dung:**
 - + Khái niệm phương pháp gieo cấy;
 - + Quy trình chung về nhân giống bằng phương pháp gieo cấy.
- **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Khởi động: Làm thế nào để một đoạn cành của cây mẹ có thể phát triển thành cây con?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp về mức độ chăm chỉ, tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác;
- GV đánh giá kết quả buổi thực hành;
- GV nhấn mạnh trọng tâm bài;
- GV khuyến khích HS tìm hiểu thêm các phương pháp nhân giống ở phần Có thể em chưa biết trong SHS.



Bài 5. TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY CẢI XANH (2 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng cây cải xanh vào hoạt động trồng trọt tại gia đình;
- Có ý thức đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Nhân ái: luôn tìm hiểu để vận dụng hợp lí quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh, tạo ra một sản phẩm cây trồng an toàn cho bản thân và gia đình;
- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng cây cải xanh vào trồng trọt trong gia đình;
- Trách nhiệm: quan tâm đến việc trồng một loại cây tạo sản phẩm an toàn cho gia đình;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc học tập của bản thân; tự tìm hiểu thêm để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào trồng trọt một cách hiệu quả;
- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh để thảo luận, trao đổi và trình bày những vấn đề trong quá trình trồng cây cải xanh;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích tình huống được đặt ra từ đó đề xuất được giải pháp trồng cây cải xanh hiệu quả.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết được mục đích, quy trình, yêu cầu kĩ thuật trong trồng cây cải xanh;
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng một số thuật ngữ dùng trong quy trình trồng và chăm sóc cải xanh, biết rút ra kinh nghiệm và có khả năng trao đổi kinh nghiệm khi tham gia học tập quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh;
- Sử dụng công nghệ: thực hiện được quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá được thao tác kĩ thuật trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV có thể cho HS thực hành ở phòng thực hành hoặc học tập ngoài trời.

Tùy theo điều kiện thực tế, GV có thể thay thế cây cải xanh bằng một loại cây khác trồng phổ biến ở địa phương có đặc điểm sinh trưởng, phát triển và kĩ thuật gieo trồng gần giống với cây cải xanh. GV nên khuyến khích HS phát huy sự sáng tạo cá nhân trong việc đề xuất cách làm mới, mang lại hiệu quả khi trồng và chăm sóc cây cải xanh.

Để đảm bảo hạt giống được ngâm ủ đủ thời gian trước khi gieo trồng, GV có thể hướng dẫn HS cách chuẩn bị hạt giống ở nhà và đem sản phẩm hạt giống đã được ngâm ủ đến lớp để tiến hành gieo trồng tại lớp.

Gợi ý phân bố bài giảng:

Tiết 1: 1. Hướng dẫn trồng cải xanh

1.1. Chuẩn bị

1.2. Yêu cầu kĩ thuật

1.3. Quy trình trồng cải xanh

Tiết 2: 2. Thực hành trồng cải xanh (tổ chức thực hành)

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:
 - + Video clip quy trình trồng cây cải xanh;
 - + Video clip hoặc hình ảnh cây cải xanh được trồng an toàn hoặc trồng theo phương pháp hữu cơ;
 - + Tranh ảnh về cách thực hiện từng bước trong quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh;
 - + Tranh ảnh về cây cải xanh đạt yêu cầu (cây xanh tốt, lá nguyên vẹn) và cây cải xanh không đạt yêu cầu (bị sâu, lá úa vàng,...).
- Chuẩn bị cho tiết thực hành:
 - + Dụng cụ cần thiết: hạt giống cây cải xanh, thùng xốp có đục lỗ thoát nước bên dưới, đất và phân bón, dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ;
 - + Chuẩn bị phòng hoặc địa điểm thực hành;
 - + Phân chia nhóm HS thực hành.

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS cách tính số lượng hạt phù hợp với kích thước của thùng xốp (hoặc chậu) và cách thức ngâm, ủ hạt trước buổi thực hành (tiết 2).

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Tìm hiểu về quy trình trồng trọt;
- Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị cho tiết thực hành:
 - + Hạt giống cây cải xanh đã được ngâm ủ đúng cách, đủ số lượng theo kích thước của chậu/ thùng;
 - + Giá thể (đất) trồng cải xanh như đất trộn với phân hữu cơ, xơ dừa hoặc tro,... (tỉ lệ phân bón khoảng $0,8 - 1,2 \text{ kg/m}^2$ đất trồng);
 - + Thùng xốp hoặc chậu có lỗ thoát nước;
 - + Dụng cụ tưới nước, xẻng nhỏ.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng phương pháp dạy học dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng phương pháp dạy học thực hành để hướng dẫn HS thực hiện quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về trình tự các công việc trồng và chăm sóc cây cải xanh.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu quy trình trồng cây cải xanh.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV khuyến khích HS kể về các công việc để trồng và chăm sóc cây cải xanh mà HS đã biết.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình trồng trọt.
 - + GV đặt câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS: Cây cải xanh được trồng như thế nào?
 - + GV nêu mục tiêu của bài học.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Hướng dẫn trồng cải xanh

2.1.1. Chuẩn bị

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các công việc chuẩn bị trước khi trồng cây cải xanh.
- **Nội dung:** chuẩn bị cho phần thực hành trồng cây cải xanh.
- **Sân phẩm:** những dụng cụ, vật liệu, cách tính toán cần có khi trồng cải xanh.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV yêu cầu HS kể các công việc chuẩn bị trồng cây.
 - + GV cho HS xem video clip hoặc hình ảnh về quá trình trồng cây cải xanh trong thùng xốp (hoặc chậu) và yêu cầu các nhóm HS nêu những công việc cần chuẩn bị để trồng cây cải xanh.
 - + GV yêu cầu HS kiểm tra các dụng cụ, vật liệu đã chuẩn bị.
 - + GV hướng dẫn HS về việc sử dụng phân, thuốc (khuyến khích sử dụng phân, thuốc có nguồn gốc sinh học) và quy định nơi bỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật.
 - + GV giới thiệu thêm thông tin trong SHS về trồng trọt theo phương pháp hữu cơ.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Chuẩn bị trồng cây cải xanh gồm các công việc: chuẩn bị đất trồng, chuẩn bị hạt giống cải xanh, chuẩn bị phân bón và dụng cụ trồng cây.

2.1.2. Yêu cầu kĩ thuật

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết yêu cầu kĩ thuật của việc trồng cây cải xanh.
- **Nội dung:** yêu cầu cây cải xanh khi thu hoạch.
- **Sản phẩm:** yêu cầu kĩ thuật khi trồng cải xanh.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Cây cải xanh sau khi trồng có biểu hiện như thế nào là đạt yêu cầu?
 - + GV cho HS xem hình ảnh về cây cải xanh phát triển tốt và cây cải xanh bị sâu ăn lá, lá vàng úa. Từ đó GV gợi ý hoặc yêu cầu HS hoàn thành câu lệnh trong SHS: Mô tả những đặc điểm để nhận biết cây cải xanh phát triển tốt.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vì sao bao bì thuốc bảo vệ thực vật cần bỏ đúng nơi quy định?
 - + GV gợi ý để HS nêu được tiêu chí đánh giá sản phẩm (cây cải xanh lúc thu hoạch) đạt yêu cầu kĩ thuật.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Cải xanh có thể thu hoạch được sau 30 – 40 ngày (hoặc cao trên 15 cm); không bị sâu, bệnh; lá cải còn nguyên vẹn, đều màu và có màu xanh đậm.

2.1.3. Quy trình trồng cải xanh

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các bước trồng cây cải xanh.
 - **Nội dung:** các công việc trong quy trình trồng cải xanh.
 - **Sản phẩm:** quy trình trồng cải xanh.
 - **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV dẫn dắt HS, liên hệ với quy trình trồng trọt để nêu được quy trình trồng cây cải xanh.
 - + GV gợi ý để HS nêu được yêu cầu kĩ thuật của mỗi bước trong quy trình trồng cải xanh.
 - + GV yêu cầu HS quan sát Hình 5.1 và trả lời câu hỏi trong SHS: Trường hợp nào đảm bảo an toàn lao động trong khâu chuẩn bị đất trồng. Vì sao? Từ đó GV lưu ý cho HS về an toàn lao động trong việc sử dụng các dụng cụ thực hành làm đất.
- Gợi ý: Hình 5.1b không đảm bảo an toàn lao động (không bao tay khi làm đất).
- + GV yêu cầu HS quan sát Hình 5.2 trong SHS và cho biết trường hợp nào đảm bảo an toàn lao động trong chăm sóc cây trồng. Vì sao? Từ đó GV lưu ý cho HS về an toàn lao động trong việc sử dụng các dụng cụ, vật liệu, nguyên liệu,... khi thực hành chăm sóc cây trồng.

Gợi ý: Hình 5.2a không đảm bảo an toàn lao động, khi phun thuốc không mang đầy đủ đồ bảo hộ: khẩu trang, nón (mũ), kính, bao tay.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Quy trình trồng cải xanh gồm năm giai đoạn: chuẩn bị đất trồng → chuẩn bị hạt giống cải xanh → gieo trồng → chăm sóc cây cải xanh → thu hoạch.

2.2. Thực hành trồng cải xanh

– **Mục tiêu:** tổ chức cho HS trồng cây cải xanh.

– **Nội dung:** các bước trồng cải xanh trong chậu (thùng xốp).

– **Sản phẩm:** cải xanh đã được gieo trồng đúng kĩ thuật.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức thực hành theo nhóm.

+ GV giới thiệu về những đặc điểm của cây cải xanh.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình trồng cải xanh.

+ GV nêu mục tiêu của buổi thực hành, yêu cầu mỗi nhóm HS thực hiện trồng cây cải xanh đúng quy trình và đạt yêu cầu kĩ thuật.

+ GV nêu yêu cầu của buổi thực hành về trật tự, thời gian, ...

+ GV nêu tiêu chuẩn đánh giá quá trình thực hành và tiêu chí đánh giá sản phẩm.

+ GV thao tác mẫu và hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình trồng cải xanh.

+ GV yêu cầu HS triển khai thực hiện trồng cải xanh theo đúng quy trình.

Lưu ý: Nếu HS chuẩn bị hạt giống ngâm ủ trước buổi thực hành thì GV có thể cho các nhóm HS tự nhận xét, nhận xét sản phẩm của các nhóm khác.

+ GV theo dõi HS thực hành, uốn nắn và điều chỉnh thao tác của HS. Nhắc nhở HS giữ an toàn vệ sinh lao động, tiết kiệm nguyên liệu (giáo dục ý thức sống; bảo vệ cuộc sống an toàn, lành mạnh hướng đến sự phát triển bền vững).

+ GV hướng dẫn và khuyến khích HS sáng tạo để tạo ra những sản phẩm đạt yêu cầu kĩ thuật và hình thức trồng đẹp.

+ GV yêu cầu các nhóm HS dừng thực hiện hoạt động và nộp sản phẩm khi hết thời gian thực hành.

+ GV và HS cùng đánh giá sản phẩm của các nhóm thực hành, các nhóm HS đánh giá lẫn nhau.

– **Tiêu chí đánh giá kết quả thực hành**

+ Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành:

TT	Các bước thực hiện	Có	Không
1	Chuẩn bị đất và chậu trồng cải xanh.		
2	Hạt giống cải xanh (đã được ngâm ủ).		

3	Gieo hạt cải xanh.		
4	Đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động.		
5	Thao tác gọn gàng, cẩn thận.		
6	Chăm sóc cây cải xanh (tưới nước, bón phân, bắt sâu,...).		

+ Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:

- Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành;
- Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí:

TT	Tiêu chí đánh giá sản phẩm	Đạt	Không đạt	Chú thích
1	Xác định được diện tích đất trồng và số lượng hạt giống tương ứng.			
2	Lượng đất vừa đủ. Thành phần dinh dưỡng của đất cân đối, phù hợp với cây cải xanh. + Đất được làm kĩ: sạch cỏ dại và tàn dư cây trồng. + Đất bằng phẳng, tơi xốp.			
3	Hạt được ngâm ủ no nước hoặc nứt mầm, đủ số lượng.			
4	Mật độ và khoảng cách gieo giữa các hạt đều nhau.			
5	Hạt được phủ một lớp đất mỏng (không bị vùi sâu).			
6	Bón phân đúng thời điểm và liều lượng.			
7	Bề mặt đất luôn ẩm.			Đánh giá trong quá trình chăm sóc và thu hoạch cây.
8	Cây phát triển tốt, không bị sâu, bệnh hại.			
9	Thực hiện đúng phương pháp thu hoạch đã lựa chọn, sản phẩm đạt kích thước hoặc độ tuổi.			
10	Sản phẩm thể hiện sự sáng tạo.			

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về quy trình trồng và chăm sóc cây cải xanh.

– **Nội dung:** bài tập trong phần Luyện tập trong SHS.

– **Sản phẩm:** đáp án cho câu hỏi phần Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập theo nhóm.

+ GV dẫn dắt HS trả lời câu hỏi ở phần Luyện tập.

• Câu 1. Quan sát Hình 5.3 và cho biết cây nào là cây cải xanh đã được hướng dẫn trồng ở trên. Cây trong các hình còn lại có tên là gì? Theo em, cách trồng những cây cải này có giống cách trồng cải xanh không?

Gợi ý: Hình 5.3a: cải ngồng; Hình 5.3b: xà lách xoăn; Hình 5.3c: cải bó xôi; Hình 5.3d: cây cải xanh; Hình 5.3e: xà lách mỡ; Hình 5.3f: cải thìa.

+ GV có thể sử dụng hình các loại cải khác với Hình 5.3 để cho HS nhận diện được cây cải xanh.

• Câu 2. Theo em, quy trình trồng cải xanh vừa học đã áp dụng biện pháp trồng trọt hữu cơ như thế nào?

Gợi ý: Sử dụng đất, phân bón có nguồn gốc hữu cơ (không sử dụng phân hoá học), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học (không sử dụng thuốc hoá học).

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn trồng cây cải xanh ở gia đình.

– **Nội dung:** bài tập trong phần Vận dụng trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án cho câu hỏi phần Vận dụng trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

+ GV giúp HS lựa chọn được một loại cây rau dễ trồng, có kĩ thuật trồng và chăm sóc đơn giản tương tự cây cải xanh.

+ GV yêu cầu HS trồng và báo cáo sản phẩm qua ảnh chụp hoặc bảng theo dõi quá trình phát triển của cây, đồng thời trình bày những lưu ý khi chăm sóc cây.

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức về quy trình trồng cây cải xanh.

– **Nội dung:** quy trình trồng cây cải xanh:

+ Bước 1. Chuẩn bị đất trồng;

+ Bước 2. Chuẩn bị hạt giống cải xanh;

+ Bước 3. Gieo trồng;

+ Bước 4. Chăm sóc cây cải xanh;

+ Bước 5. Thu hoạch.

– **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Khởi động: Cây cải xanh được trồng như thế nào?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– GV nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp về mức độ chăm chỉ, tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác;

– GV đánh giá kết quả buổi thực hành;

– GV khuyến khích HS đọc thêm về chế phẩm sinh học bảo vệ cây trồng trong phần Có thể em chưa biết ở SHS;

– GV nhấn mạnh trọng tâm bài.

Dự án 1. KẾ HOẠCH TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY TRỒNG TRONG GIA ĐÌNH (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về kĩ thuật trồng và chăm sóc cây trồng để lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình;
- Rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc tổ chức và thực hiện dự án.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng và chăm sóc cây trồng để thực hiện dự án;
- Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng và chăm sóc cây trồng để thực hiện dự án;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề của dự án; thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động bao gồm mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các yêu cầu, công việc thực hiện trồng và chăm sóc cây trồng;
- Sử dụng công nghệ: sử dụng quy trình trồng trọt để lập kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá kĩ thuật trồng và chăm sóc cho cây trồng;
- Thiết kế công nghệ: xây dựng được kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình hợp lí, hiệu quả, tiết kiệm, an toàn.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Dự án Kế hoạch, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình thuộc loại dự án kiến tạo. HS phải vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về quy trình trồng và chăm sóc cây trồng kết hợp với kiến thức, kĩ năng của môn Toán cùng với năng lực giải quyết vấn đề để thực hiện những nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.

Do đó, HS cần có thời gian thực hiện trên lớp và ngoài giờ lên lớp để hoàn thành sản phẩm của dự án. Trong điều kiện kế hoạch dạy học Chương 1 và Chương 2, GV có thể

công bố dự án khi bắt đầu Chương 1, kết hợp với thời gian các bài học để triển khai thực hiện dự án. Như vậy một tiết của dự án được dành cho hoạt động báo cáo và đánh giá kết quả dự án. Ngoài ra GV cũng có thể sử dụng dự án học tập như một đề bài kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng của HS sau khi học xong Chương 1 và Chương 2.

Với dự án trong lĩnh vực trồng và chăm sóc cây trồng, GV cần tìm hiểu việc đào tạo ngành nghề liên quan thuộc lĩnh vực trồng trọt, để lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào dự án.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp;
- Biểu mẫu bảng kế hoạch, bảng tính chi phí cho việc trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Giấy, bút, máy tính, ...;
- Thiết bị hỗ trợ: máy tính có kết nối internet;
- Tài liệu hướng dẫn về kỹ thuật trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án.

- **Nội dung:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.
- **Sân phẩm:** mục tiêu, nhiệm vụ dự án.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV nêu chủ đề của dự án, mục tiêu của dự án.
 - + GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.
 - + GV nêu các nhiệm vụ (yêu cầu) cần thực hiện để hoàn thành dự án.
 - + GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.
 - + GV kết hợp với HS để phân chia nhóm thực hiện.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- **Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án.
- **Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- **Sân phẩm:** kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức dạy học theo nhóm.
 - + GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình.

- Thảo luận để lựa chọn một loại cây trồng phù hợp với điều kiện trồng trọt tại gia đình;
 - Liệt kê các công việc cần làm để trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn;
 - Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian cho từng công việc của dự án (bảng kế hoạch);
 - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- + GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.
- **Kết luận:** Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số mục chính: công việc cần làm; thời gian thực hiện; người thực hiện; vật liệu, dụng cụ cần thiết; địa điểm tiến hành.

III. THỰC HIỆN DỰ ÁN

- **Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án.
- **Nội dung:** lập bảng kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.
- **Sân phẩm:** bảng kế hoạch trồng và chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình, bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc loại cây trồng đó.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức dạy học theo nhóm.
- + GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập thông tin về các công việc trồng và chăm sóc cây trồng đã chọn.
- + GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết.
- + GV cung cấp các thông tin về số lượng, đơn giá của cây giống, phân bón, dụng cụ trồng trọt,... cho kế hoạch trồng và chăm sóc loại cây trồng đã chọn.
- + GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm.
- + GV hỗ trợ các nhóm HS tự giám sát, quản lý quá trình thực hiện dự án.
- **Kết luận:** Bảng kế hoạch trồng và chăm sóc một loại cây trồng tại gia đình bao gồm các nội dung: công việc cần làm, mốc thời gian cho từng công việc. Bảng tính toán chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng bao gồm các nội dung: đơn giá và số lượng nguyên – vật liệu (cây giống, phân bón, dụng cụ trồng trọt,...).

IV. BÁO CÁO DỰ ÁN

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày, báo cáo kết quả thực hiện dự án; giúp HS đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án.
- **Nội dung:** nội dung bài thuyết trình giới thiệu kế hoạch trồng, chăm sóc một loại cây trồng trong gia đình và bảng tính toán chi phí cho việc trồng, chăm sóc loại cây trồng đã chọn.
- **Sân phẩm:**
- + Bảng báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một loại cây trồng;
- + Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại cây trồng đã chọn.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức dạy học toàn lớp.

+ GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án gồm các mục sau:

- Báo cáo kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình theo Mẫu 1:

Mẫu 1. Báo cáo kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình

1. Giới thiệu

- Giống cây;
- Phương thức trồng;
- Diện tích, số lượng cây trồng;
- Điều kiện sinh trưởng, phát triển của cây.

2. Kế hoạch trồng và chăm sóc cây trồng

STT	Công việc cần làm	Thời gian thực hiện	Vật liệu, dụng cụ cần thiết	Ghi chú
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
3	?	?	?	?
4	?	?	?	?

• Báo cáo bảng tính chi phí cho việc trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình theo Mẫu 2:

Mẫu 2. Bảng tính chi phí trồng và chăm sóc cây trồng trong gia đình

STT	Các loại chi phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vật liệu, dụng cụ để trồng và chăm sóc cây (xẻng, bình tưới nước,...)	?	?	?	?	?
2	Cây giống	?	?	?	?	?
3	Phân bón	?	?	?	?	?
4	Thuốc bảo vệ thực vật	?	?	?	?	?
5	Chi phí gieo trồng, chăm sóc cây	?	?	?	?	?
6	Chi phí khác	?	?	?	?	?
Tổng cộng					?	

+ GV nhận xét, đánh giá kết quả báo cáo sản phẩm của dự án theo tiêu chí đã đề ra ban đầu.

- Cấu trúc bài báo cáo: đầy đủ nội dung, rõ ràng, chi tiết;
- Trình bày kết quả dự án trước lớp: diễn đạt tự tin, trôi chảy, thuyết phục.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình thực hiện dự án của cả lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được.

ÔN TẬP CHƯƠNG 1 VÀ CHƯƠNG 2 (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề trồng trọt ở Việt Nam, các phương thức trồng trọt, trồng trọt công nghệ cao, quy trình trồng trọt, nhân giống bằng phương pháp giâm cành;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng trọt trong Chương 1 và Chương 2 để giải quyết các câu hỏi xoay quanh chủ đề trồng trọt ở Việt Nam.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng trồng trọt vào đời sống hằng ngày;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập; tự tìm hiểu để vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về trồng trọt vào thực tiễn;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, trao đổi thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

B. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của Chương 1 và Chương 2;
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.

2. Chuẩn bị của học sinh

Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực hoá hoạt động của HS.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CỦA CHƯƠNG 1 VÀ CHƯƠNG 2

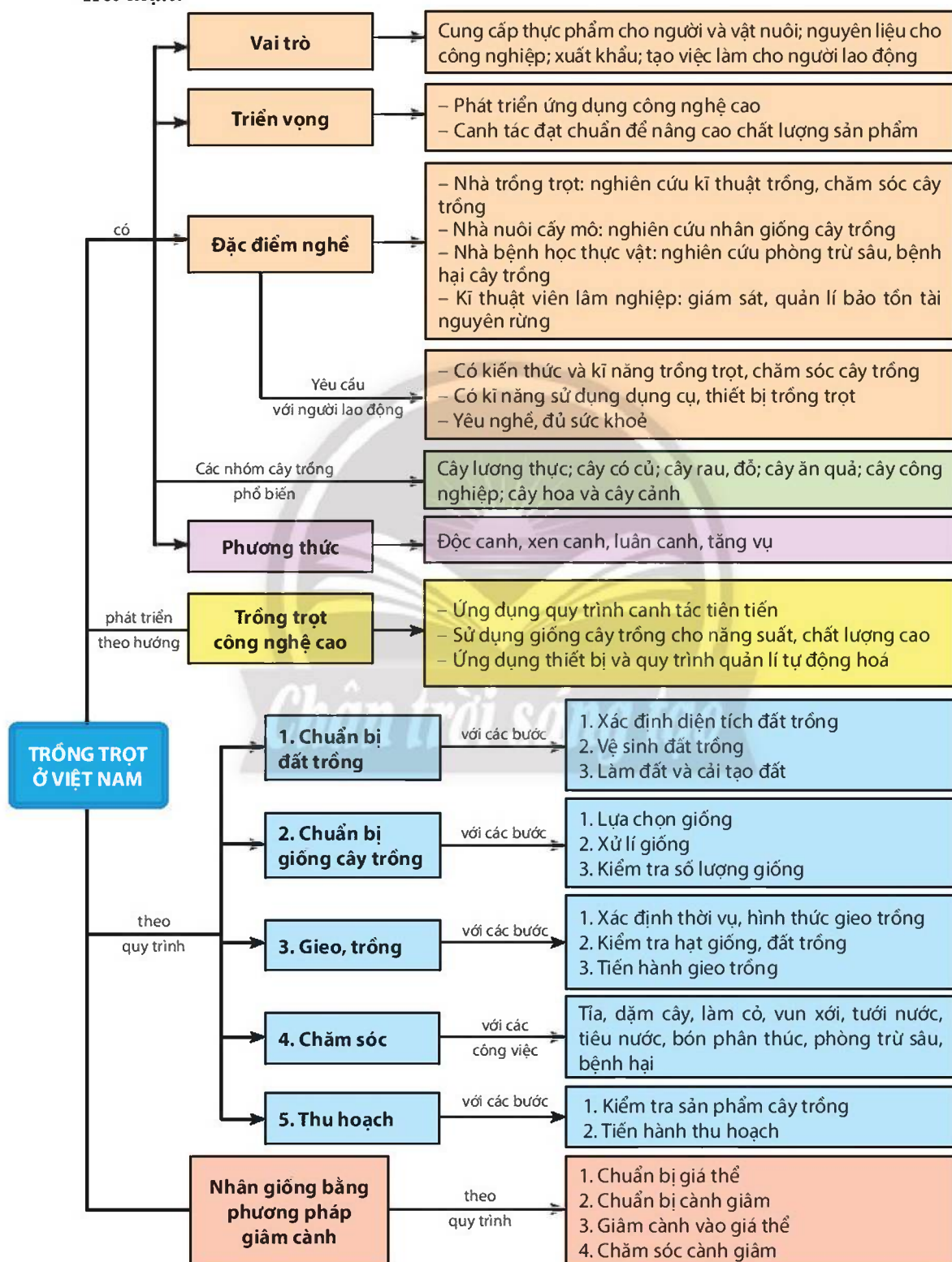
- **Mục tiêu:** giúp HS hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 1 và Chương 2.
- **Nội dung:** mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 1 và Chương 2.
 - + Vai trò, triển vọng và đặc điểm nghề trồng trọt ở Việt Nam;
 - + Các phương thức trồng trọt;
 - + Quy trình trồng trọt;
 - + Nhân giống bằng phương pháp giâm cành.
- **Sân phẩm:** sơ đồ hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của Chương 1 và Chương 2.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của Chương 1 và Chương 2.

+ GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ sơ đồ minh họa nhằm hệ thống hoá kiến thức về trồng trọt ở Chương 1 và Chương 2 trong SHS.

+ GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện những nội dung chi tiết của Chương 1 và Chương 2.

– **Kết luận:**



II. CÂU HỎI ÔN TẬP

- **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức ở Chương 1 và Chương 2.
- **Nội dung:** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án cho câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với hoạt động nhóm.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.
 - + GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.
 - + GV phân tích, bổ sung đáp án các câu hỏi và bài tập.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- GV đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh kiến thức cốt lõi của Chương 1 và Chương 2.



LOUQUYANTHOS.COM

Chương 3. TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG

Bài 6. RỪNG Ở VIỆT NAM (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được vai trò của rừng;
- Phân biệt được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và thực tiễn;
- Trách nhiệm: sống hoà hợp, thân thiện với thiên nhiên;
- Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng nội dung tóm tắt và các từ khoá; ghi chú bài giảng của GV theo các ý chính;
- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất, nhận dạng được các loại rừng phổ biến ở Việt Nam;
- Giao tiếp công nghệ: biết được một số thuật ngữ về rừng;
- Đánh giá công nghệ: xác định loại rừng phù hợp với chức năng sử dụng.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV cần lưu ý lồng ghép tổ chức hoạt động tìm hiểu vai trò của rừng; chức năng phòng hộ, bảo vệ cảnh quan, bảo vệ môi trường của rừng phù hợp với thực tế ở địa phương là khu đô thị, công nghiệp, chế xuất hay khu công nghệ cao,... vào bài giảng.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh về vai trò của rừng, tranh ảnh hoặc video clip mô tả các loại rừng phổ biến ở nước ta.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Tìm hiểu về vai trò của rừng đối với khí hậu và môi trường.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về vai trò và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về rừng ở Việt Nam.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV nêu tình huống về sạt lở đất, lũ lụt và yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS: Rừng có tác động như thế nào đến đời sống của con người? Ở Việt Nam có những loại rừng nào?
 - + GV minh hoạ hình ảnh một số loại rừng ở Việt Nam.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài học.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Vai trò của rừng

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.
- **Nội dung:** những chức năng, tác dụng của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.
- **Sân phẩm:** vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về vai trò của rừng, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện các yêu cầu trong SHS: Em hãy nêu vai trò của rừng đối với môi trường, đời sống và sản xuất trong mỗi trường hợp được minh hoạ ở Hình 6.1.

Gợi ý:

- Hình 6.1a: cải tạo môi trường, hấp thụ khí carbon dioxide, bụi trong không khí và thải ra khí oxygen, giúp điều hoà khí hậu.
- Hình 6.1b: chắn gió, chống cát di động ven biển, che chở cho vùng đất phía trong đất liền.

- Hình 6.1c: cung cấp nguyên liệu cho sản xuất các vật dụng cần thiết cho con người.
- Hình 6.1d: chống xói mòn, hạn chế hiện tượng sạt lở đất.
- Hình 6.1e: phục vụ nghiên cứu khoa học.
- Hình 6.1f: bảo tồn thiên nhiên, động vật và thực vật rừng.

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu và giải thích từng vai trò của rừng thể hiện trong mỗi hình.
+ GV gợi mở, dẫn dắt để HS tìm ra và trả lời câu hỏi trong SHS về những ngành sản xuất có sử dụng nguyên liệu từ rừng.

+ GV giới thiệu thông tin về ngày Quốc tế về rừng trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Rừng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường, phục vụ tích cực cho đời sống, sản xuất và nghiên cứu khoa học.

2.2. Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam

– **Mục tiêu:** giúp HS phân biệt được một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

– **Nội dung:** đặc điểm của một số loại rừng theo từng cách phân loại.

– **Sân phẩm:** đặc điểm theo mục đích sử dụng của một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.

+ GV tổ chức cho HS tìm hiểu phân tích về cách phân loại các loại rừng tự nhiên, tổ chức cho HS hoạt động nhóm, quan sát Hình 6.2 và trả lời câu hỏi trong SHS: Những loại rừng ở Hình 6.2 được gọi tên theo đặc điểm nào của rừng?

Gợi ý: Có nhiều cách gọi tên rừng. Hình ảnh rừng nguyên sinh (rừng tự nhiên) được gọi tên theo nguồn gốc hình thành. Hình ảnh rừng tre nứa được gọi tên theo loài cây. Hình ảnh rừng ngập nước được gọi tên theo điều kiện lập địa.

+ GV gợi mở, dẫn dắt để HS kể được tên rừng theo từng cách phân loại.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 6.3 và trả lời câu lệnh: Hãy cho biết tên gọi loại rừng trong Hình 6.3.

Gợi ý: Tên gọi loại rừng trong Hình 6.3 là rừng cau dừa (gọi theo loài cây) hoặc rừng ngập nước (gọi tên rừng theo điều kiện lập địa).

+ GV gợi mở, dẫn dắt để HS liên hệ với thực tế tại địa phương và trả lời câu hỏi trong SHS: Tại địa phương em ở có những loại rừng nào? Hãy kể tên rừng ở Việt Nam mà em biết.

+ GV tổ chức cho HS tìm hiểu phân tích về cách phân loại rừng theo mục đích sử dụng, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hình 6.4 cho thấy rừng giúp ích cho môi trường và cho đời sống con người như thế nào?

Gợi ý:

- Hình 6.4a: rừng sử dụng để sản xuất gỗ → rừng sản xuất.

- Hình 6.4b: rừng phục vụ du lịch → rừng đặc dụng.
- Hình 6.4c: rừng bảo vệ đất → rừng phòng hộ.

+ GV dẫn dắt để HS nêu được nhiệm vụ chung của rừng và giải thích thêm từng mục đích sử dụng của mỗi loại rừng.

+ GV nêu thêm thông tin và giải thích về tài nguyên rừng của Việt Nam.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Ở nước ta, rừng chủ yếu được phân loại theo mục đích sử dụng. Theo đó, có ba loại rừng: rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về vai trò của rừng và các loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

– **Nội dung:** bài tập phân Luyện tập trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập phân Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và hoạt động nhóm.

+ GV giải thích thêm cho HS về những sản phẩm thu được từ rừng và dẫn dắt, gợi mở để HS hoàn thành yêu cầu trong SHS.

• Câu 1. Hãy quan sát Hình 6.5 và kể tên những sản phẩm thu được từ rừng phục vụ cho đời sống.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời dựa theo các kiến thức đã học trong bài.

+ GV hướng dẫn các nhóm HS quan sát, phân tích tên gọi của rừng ở Hình 6.6, 6.7 và 6.8 trong SHS, từ đó HS hoàn thành yêu cầu trong SHS.

• Câu 2. Hãy cho biết mục đích sử dụng các loại rừng thể hiện ở Hình 6.6, 6.7 và 6.8.

Gợi ý: GV giải thích thêm cho HS: Rừng đặc dụng và rừng sản xuất đều có thêm chức năng phòng hộ. Ngoài ra thì rừng phòng hộ cũng có thêm chức năng của rừng đặc dụng như rừng ven biển Ngọc Vũng (Quảng Ninh) – đó là rừng ở bãi biển nổi tiếng phục vụ du lịch.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức đã học để giải thích lợi ích của rừng trong thực tiễn cuộc sống của gia đình và người dân địa phương.

– **Nội dung:** bài tập phân Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn làm bài tập ở nhà.

+ GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện bài tập ở phần Vận dụng trong SHS.

+ GV dẫn dắt và gợi mở cho HS dựa vào vai trò của rừng để kể được rừng giúp ích như thế nào cho cuộc sống của người dân ở các khu vực: thành thị, gần khu công nghiệp, vùng trung du, vùng đồng bằng,...

+ GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

+ Vai trò của rừng;

+ Một số loại rừng phổ biến ở Việt Nam.

– **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung của phần Ghi nhớ trong SHS.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Khởi động trong SHS: Rừng có tác động như thế nào đến đời sống của con người? Ở Việt Nam có những loại rừng nào?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài;

– Khuyến khích HS tìm hiểu thêm về vườn quốc gia trong phần Có thể em chưa biết và các tài liệu khác.

Chân trời sáng tạo

Bài 7. TRỒNG, CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ RỪNG (2 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Tóm tắt được quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng;
- Có ý thức trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và các biện pháp bảo vệ rừng vào thực tiễn;
- Trách nhiệm: có ý thức chăm sóc, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái, phản đối những hành vi xâm hại rừng; có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Tự chủ và tự học: tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng để giải quyết vấn đề trong tình huống mới;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng và thảo luận những vấn đề về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết quy trình trồng, chăm sóc và các biện pháp bảo vệ rừng;
- Giao tiếp công nghệ: biết và sử dụng được một số thuật ngữ về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá hành động hợp lí trong việc trồng và chăm sóc rừng.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bài học gồm hai nội dung: trồng rừng và bảo vệ rừng.

Nội dung bảo vệ rừng trong SHS được trình bày theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11: những hành vi bị nghiêm cấm như chặt phá rừng; khai thác rừng trái phép; săn, bắn, bắt, bẫy, nuôi nhốt, giết mổ động vật rừng trái phép.

Trong quá trình giảng dạy, GV cần cập nhật biện pháp bảo vệ rừng theo luật về bảo vệ và phát triển rừng mới nhất, cập nhật các biện pháp trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng để xác định đáp án, câu trả lời phù hợp thực tế.

Gợi ý phân bổ bài giảng:

Tiết 1: 1. Trồng rừng

1.1. Chuẩn bị

1.2. Trồng rừng bằng cây con

Tiết 2: 1.3. Chăm sóc rừng sau khi trồng

2. Bảo vệ rừng

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip mô tả quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Tìm hiểu thông tin về việc bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Kết hợp các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

– **Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về cách thức để rừng phát triển, giúp ích cho đời sống và sản xuất của HS.

– **Nội dung:** quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.

– **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về cách trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV nêu tình huống về rừng bị tàn phá và yêu cầu HS trả lời câu hỏi phần Mở đầu trong SHS.

+ GV minh hoạ hình ảnh trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.

+ GV giới thiệu mục tiêu bài học.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Trồng rừng

2.1.1. Chuẩn bị

a. Chuẩn bị cây con

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được yêu cầu của cây con đem trồng rừng.

– **Nội dung:** cách chọn và chăm sóc cây con chuẩn bị đem trồng rừng.

– **Sân phẩm:** cách chuẩn bị cây con đem trồng rừng.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.

+ GV gợi mở và dẫn dắt HS tìm hiểu về thời vụ trồng rừng phù hợp với từng vùng, miền.

+ GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi: Ở nước ta, mùa nào trong năm có khí hậu thuận lợi giúp cây con phát triển tốt? Vì sao?

Gợi ý: Miền Bắc thường trồng vào mùa xuân và mùa thu, miền Trung và miền Nam thường trồng vào mùa mưa vì khí hậu mát mẻ, đất đủ ẩm giúp cây con phát triển tốt.

+ GV gợi mở và dẫn dắt HS tìm hiểu về cách thức chuẩn bị cây con.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, tìm hiểu về đặc điểm của các loại cây giống dùng để trồng rừng và thực hiện yêu cầu: Quan sát Hình 7.1 và cho biết ưu điểm khi trồng rừng bằng cây con. Theo em, phương pháp trồng rừng bằng cây con có bầu đất và cây con rễ trần có nhược điểm như thế nào?

Gợi ý:

• Bộ rễ của cây con có bầu ít bị tổn thương, bầu đất có đủ phân bón và đất tơi xốp, cây có tỉ lệ sống cao và phát triển tốt. Cây con rễ trần thường có bộ rễ khỏe do được phát triển tự nhiên.

• Nhược điểm của phương pháp trồng rừng bằng cây con có bầu đất là tốn kém và mất nhiều thời gian. Phương pháp trồng rừng bằng cây con rễ trần chỉ phù hợp với các loài cây có bộ rễ phát triển, phục hồi nhanh.

+ GV gợi mở và dẫn dắt HS kể tên các loại cây con và trình bày các tiêu chuẩn của cây con đem trồng rừng mới.

+ GV gợi mở, giải thích thêm lí do loại vỏ bầu đất tự phân hủy được sản xuất từ các thành phần hữu cơ có tác dụng bảo vệ môi trường và góp phần cải thiện độ phì nhiêu của đất.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Giống cây rừng chuẩn bị đem trồng gồm có cây con có bầu đất và cây con rễ trần. Cây con được chọn đem trồng phải có đủ tiêu chuẩn, cây khỏe, sinh trưởng, phát triển tốt, cân đối.

b. Làm đất trồng cây

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các khâu làm đất trồng cây rừng.

– **Nội dung:** các khâu làm đất trồng cây rừng.

– **Sân phẩm:** các khâu làm đất trồng cây rừng.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm tìm hiểu về công việc làm đất chuẩn bị trồng cây, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Đất trồng rừng cần được chuẩn bị như thế nào để trồng được cây con đã có rễ?

Gợi ý: Đất trồng rừng cần được làm sạch cỏ, tạo hố đất, trong hố đất có đất xốp (lớp đất màu trộn phân bón).

- + GV gọi mở và dẫn dắt HS tìm hiểu và trình bày các bước làm đất chuẩn bị trồng cây.
- + GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi trong SHS: Tác dụng của bón lót là gì?
- + GV giới thiệu thêm thông tin về phân bón NPK trong SHS.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Làm đất trồng cây rừng được thực hiện theo trình tự như sau: vạt sạch cỏ → cuốc lớp đất màu để riêng một bên → bón lót (lớp đất màu trộn với phân bón) → lấp đất đã trộn phân bón vào hố → lấp đất đầy hố.

2.1.2. Trồng rừng bằng cây con

a. Trồng bằng cây con có bầu đất

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.
- **Nội dung:** các bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.
- **Sân phẩm:** quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV dẫn dắt cho HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi sau: Theo em, tại sao ở những vùng đất xấu, đồi núi trọc lại áp dụng trồng rừng bằng cây con có bầu đất?

Gợi ý: Bầu đất của cây con có đủ phân bón, bầu đất tơi xốp sẽ giúp cây dễ dàng phát triển ở những vùng đất xấu, đồi núi trọc.

+ GV tổ chức cho HS tìm hiểu quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất, yêu cầu HS hoạt động nhóm, thực hiện yêu cầu trong SHS: Quan sát Hình 7.3 và sắp xếp các công việc trồng rừng bằng cây con có bầu đất theo thứ tự thích hợp.

+ GV giúp HS đúc kết quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.

+ GV gọi mở, yêu cầu HS thực hiện yêu cầu trong SHS: Hãy giải thích tác dụng của từng bước trong quy trình trồng rừng bằng cây con có bầu đất.

Gợi ý: Rạch bỏ vỏ bầu cây con để hấp thụ chất dinh dưỡng. Dùng đất tơi nhuyễn khi lấp và nén đất lần 1 để giúp bộ rễ của cây con ăn vào đất dễ dàng;...

+ GV gọi mở và giải thích thêm về cách lấp đất vào hố khi trồng rừng bằng cây con ở nơi có địa hình dốc.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Trồng rừng bằng cây con có bầu đất thực hiện theo quy trình như sau: tạo lỗ trong hố trồng → rạch bỏ vỏ bầu → đặt bầu cây con vào trong hố → lấp và nén đất lần 1 → lấp và nén đất lần 2 → vun gốc.

b. Trồng bằng cây con rễ trần

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.
- **Nội dung:** các bước trồng rừng bằng cây con rễ trần.
- **Sân phẩm:** các bước trồng rừng bằng cây con rễ trần.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm và yêu cầu HS thực hiện yêu cầu trong SHS: Quan sát Hình 7.4, giải thích các thao tác kĩ thuật của phương pháp trồng rừng bằng cây con rễ trần.

Gợi ý: Tạo lỗ trong hố trồng có độ sâu đủ lớn cho bộ rễ và vượt quá cổ rễ cây để rễ cây ăn (cắm) vào đất. Đặt cây vào lỗ trong hố để bắt đầu trồng cây. Lấp đất kín cổ rễ cây và nén đất giúp cây đứng vững trong hố. Vun gốc kín xung quanh cổ rễ cây.

+ GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu: Nêu những điểm khác nhau giữa hai bước lấp và nén đất lần 1, lần 2.

+ GV giới thiệu thông tin bổ sung về các yêu cầu đối với cây con khi trồng rừng.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để thực hiện yêu cầu trong SHS: Hãy giải thích tác dụng của việc vun đất cao hơn gốc cây trong bước vun gốc.

Gợi ý: Vun đất cao hơn gốc cây để giữ cho cây vững chắc và không đọng nước ở gốc làm úng cây.

+ GV giới thiệu thông tin bổ sung và giải thích việc trồng rừng bằng hạt.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Trồng rừng bằng cây con rễ trần thực hiện theo quy trình như sau: tạo lỗ trong hố đất trồng → đặt cây con vào hố trồng → lấp và nén đất lần 1 → lấp và nén đất lần 2 → vun gốc. Ngoài ra người ta còn trồng rừng bằng cách gieo hạt trực tiếp vào hố (đem hạt gieo trực tiếp trên đất trồng rừng đã được chuẩn bị trước).

2.1.3. Chăm sóc rừng sau khi trồng

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.
- **Nội dung:** các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.
- **Sân phẩm:** các công việc chăm sóc rừng sau khi trồng.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập cá nhân kết hợp hoạt động nhóm.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm và trả lời câu lệnh trong SHS: Hãy nêu nguyên nhân khiến rừng sau khi trồng có tỉ lệ cây chết cao.

Gợi ý: Rừng sau khi trồng có tỉ lệ cây chết cao có thể do các nguyên nhân: bị cây hoang dại chen ép, lấn chiếm; động vật cắn phá; con người tác động, giẫm đạp;...

- + GV dẫn dắt HS trả lời các câu hỏi trong SHS:
 - Vì sao cần phát quang khi chăm sóc cây rừng mới trồng?
 - Theo em, trong trường hợp nào nên rào bảo vệ từng cây rừng mới trồng như Hình 7.6?
- + GV giới thiệu thông tin bổ sung về trồng dặm trong SHS.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

Kết luận: Quá trình chăm sóc rừng bao gồm các công việc: làm rào bảo vệ, phát quang cây hoang dại, làm cỏ quanh gốc cây, xới đất, vun gốc, bón phân, tỉa và dặm cây.

2.2. Bảo vệ rừng

2.2.1. Sự cần thiết phải bảo vệ rừng

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.
- **Nội dung:** sự cần thiết phải bảo vệ rừng, mục đích của các biện pháp bảo vệ rừng.
- **Sân phẩm:** sự cần thiết của việc bảo vệ rừng.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV dẫn dắt để HS trả lời câu hỏi trong SHS: Hình 7.7 cho thấy rừng có thể bị mất do những nguyên nhân nào?

Gợi ý: Rừng có thể bị mất do những nguyên nhân như chặt phá rừng, cháy rừng, phá rừng lấy đất làm nương rẫy.

- + GV yêu cầu HS kể tên một số tài nguyên rừng có thể bị xâm phạm.
- + GV dẫn dắt các nhóm HS tìm hiểu để trình bày mục đích của việc bảo vệ rừng.
- + GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Rừng có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường; phục vụ đời sống, sản xuất của con người. Bảo vệ rừng là việc làm cần thiết. Bảo vệ rừng chính là bảo vệ môi trường sống của chúng ta.

2.2.2. Biện pháp bảo vệ rừng

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các biện pháp bảo vệ rừng.
- **Nội dung:** biện pháp bảo vệ rừng.
- **Sân phẩm:** các biện pháp bảo vệ rừng.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm.
 - + GV dẫn dắt, tổ chức cho HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao cần phải bảo vệ rừng?
 - + GV dẫn dắt để HS trình bày một số biện pháp bảo vệ rừng.
 - + GV giới thiệu thông tin bổ sung về một số ứng dụng công nghệ và thiết bị kỹ thuật trong công tác bảo vệ rừng trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Để bảo vệ rừng cần ngăn chặn, cấm phá hoại tài nguyên rừng và đất rừng; phòng chống cháy rừng. Việc khai thác rừng và sử dụng đất rừng phải có kế hoạch và được Nhà nước cho phép.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS hiểu rõ hơn quy trình trồng, chăm sóc rừng và các biện pháp bảo vệ rừng.

– **Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi, thực hiện yêu cầu ở phần Luyện tập trong SHS:

- Câu 1. Vì sao cần nén đất 2 lần khi trồng rừng bằng cây con?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời dựa theo các kiến thức đã học trong bài.

- Câu 2. Hãy so sánh quy trình trồng rừng bằng cây con rễ trần và cây con có bầu đất.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời dựa theo các kiến thức đã học trong bài.

- Câu 3. Em hãy kể các công việc em có thể làm để phát triển, bảo vệ rừng và môi trường sinh thái.

Gợi ý: Tích cực tham gia phong trào trồng cây xanh; chăm sóc và bảo vệ cây xanh ở khu phố, địa phương.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS vận dụng kiến thức đã học trong việc đối sánh với thực tiễn để trình bày công tác bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.

– **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn làm bài tập ở nhà.

+ GV dẫn dắt và yêu cầu HS tìm hiểu thông tin, báo chí, truyền hình và cho biết việc bảo vệ rừng ở nước ta hiện nay.

Gợi ý: Hiện nay, nước ta có những hình thức, hành động thực hiện bảo vệ rừng; sử dụng một số phương tiện trong bảo vệ rừng; đồng thời có những biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm công tác bảo vệ rừng,...

+ GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài.

– **Nội dung:**

+ Trồng rừng;

+ Bảo vệ rừng.

– **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.

- Quy trình trồng rừng;

- Các biện pháp bảo vệ rừng.

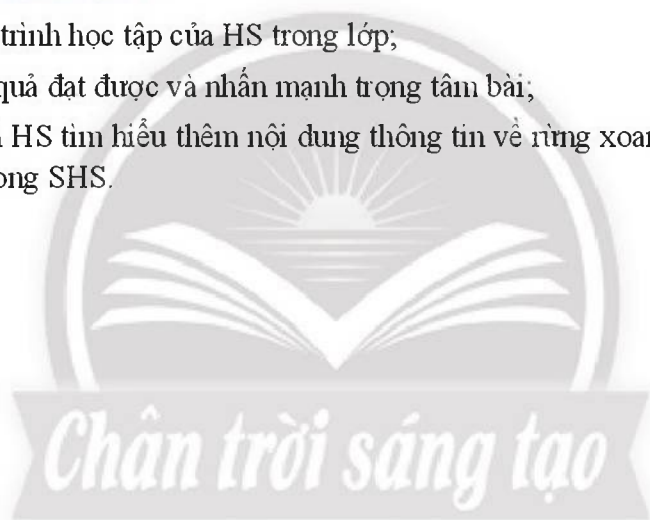
+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần giới thiệu (SHS): Làm thế nào để phát triển rừng, giúp ích cho đời sống và sản xuất?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài;

– Khuyến khích HS tìm hiểu thêm nội dung thông tin về rừng xoan ta trong phần Có thể em chưa biết trong SHS.



ÔN TẬP CHƯƠNG 3 (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng;
- Vận dụng những kiến thức đã học trong Chương 3 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng vào thực tiễn;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ở gia đình; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng vào thực tiễn;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

B. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của Chương 3;
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.

2. Chuẩn bị của học sinh

Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CHƯƠNG 3

- **Mục tiêu:** hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 3.
- **Nội dung:**

Mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 3.

- + Rừng ở Việt Nam;
- + Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.

– **Sân phẩm:** hệ thống kiến thức, kĩ năng Chương 3.

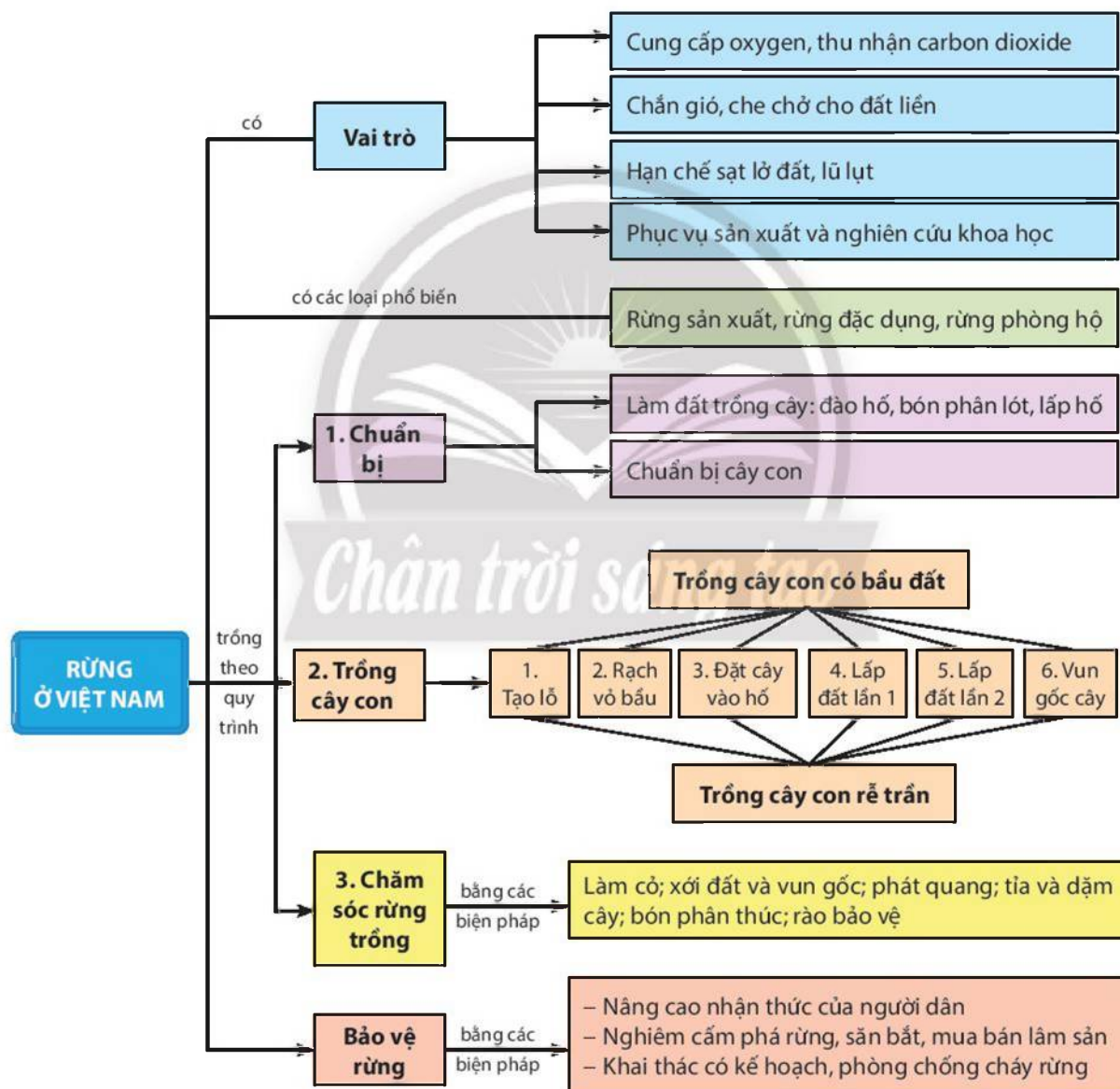
– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của Chương 3.

+ GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh hoạ sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về rừng, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trong SHS. GV có thể dùng sơ đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài học trong Chương 3.

+ GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện những nội dung chi tiết của Chương 3.

– **Kết luận**



II. CÂU HỎI ÔN TẬP

- **Mục tiêu:** củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 3.
- **Nội dung:** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án cho các câu hỏi và bài tập.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với học tập theo nhóm.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.
 - + GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm.
 - + GV kết hợp với HS nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm.
 - + GV nêu đáp án các câu hỏi và bài tập.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh kiến thức cốt lõi của Chương 3.



Phần 2. CHĂN NUÔI

Chương 4. MỞ ĐẦU VỀ CHĂN NUÔI

Bài 8. NGHỀ CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi;
- Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi;
- Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng chăn nuôi vào thực tiễn của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi;
- Tự chủ và tự học: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về chăn nuôi để giải quyết vấn đề trong tình huống mới; nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi;
- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề của bài học. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh để thúc đẩy hoạt động chung; khuyến khích học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết vai trò, triển vọng của chăn nuôi với đời sống và sản xuất, đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi;
- Giao tiếp công nghệ: biết được một số thuật ngữ về chăn nuôi.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Trong quá trình giảng dạy, GV cần lưu ý làm rõ thêm mối quan hệ mật thiết giữa ngành Chăn nuôi và Trồng trọt. Vật nuôi cung cấp nguồn phân bón cho cây trồng và sức kéo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, ngược lại, các sản phẩm trồng trọt được sử dụng như nguồn thức ăn chủ yếu cho vật nuôi.

Một số thông tin bổ sung:

Quy định về ngành, nghề chăn nuôi trong SHS được trình bày theo Thông tư số: 04/2017/TT-BLĐTĐBXH – Ban hành danh mục ngành, nghề chăn nuôi: chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Trích dẫn “Quyết định phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam”:

Đến năm 2045, chăn nuôi Việt Nam là ngành kinh tế kỹ thuật hiện đại và được công nghiệp hoá ở hầu hết các khâu từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong đó:

- Hầu hết sản phẩm chăn nuôi chính, bao gồm thịt, trứng, sữa được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường;
- 100% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm, hàng hoá được cung cấp từ các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp và trên 70% khối lượng sản phẩm chăn nuôi chính được qua sơ chế, chế biến công nghiệp, trong đó có khoảng 30% được chế biến sâu.

Trong quá trình giảng dạy, GV cần phải cập nhật ứng dụng công nghệ trong chăn nuôi theo văn bản Luật Chăn nuôi mới nhất, tìm hiểu các kiến thức liên quan để xác định đáp án, câu trả lời phù hợp cho các câu hỏi và bài luyện tập trong SHS.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh về vai trò, triển vọng của chăn nuôi, nghề trong chăn nuôi.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Tìm hiểu về một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về nghề chăn nuôi ở Việt Nam.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu của SHS.

– **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về vai trò, triển vọng của chăn nuôi; một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV nêu tình huống câu chuyện của hai HS và đặt câu hỏi: Nghề chăn nuôi có triển vọng phát triển như thế nào?

+ GV giới thiệu mục tiêu bài học.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Vai trò, triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam

2.1.1. Vai trò của chăn nuôi

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

– **Nội dung:** các sản phẩm của chăn nuôi phục vụ con người, đời sống và sản xuất.

– **Sân phẩm:** vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để thực hiện yêu cầu trong SHS: Từ Hình 8.1, em hãy nêu những lợi ích mà các sản phẩm của ngành chăn nuôi mang lại cho đời sống và sản xuất.

+ GV gọi mở và dẫn dắt HS tìm ra vai trò của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm đôi để thực hiện yêu cầu: Kể tên các sản phẩm khác của ngành chăn nuôi mà em biết.

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm về phân bón hữu cơ vi sinh trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Ngành chăn nuôi có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, cung cấp nhiều sản phẩm phục vụ con người, đời sống, sản xuất và phục vụ tiêu dùng.

2.1.2. Triển vọng của ngành chăn nuôi

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

– **Nội dung:** những ứng dụng công nghệ cao và cơ hội phát triển của ngành chăn nuôi.

– **Sân phẩm:** triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về một số biện pháp chăn nuôi hiện đại, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để trả lời câu hỏi trong SHS.

Gợi ý: Gắn chip điện tử theo dõi sự sinh trưởng, sức khỏe,... của vật nuôi → Hiện đại hoá; Chăn nuôi trang trại → Công nghiệp hoá; Mô hình chăn nuôi công nghiệp → Công nghiệp hoá.

+ GV dẫn dắt và tổ chức cho HS rút ra kết luận triển vọng của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam.

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm về chăn nuôi hữu cơ.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Ngành chăn nuôi ở Việt Nam phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, liên kết giữa chăn nuôi, giết mổ và phân phối để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, an toàn cho người sử dụng.

2.2. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi

2.2.1. Đặc điểm cơ bản của nghề chăn nuôi

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.

– **Nội dung:** đặc điểm của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.

– **Sân phẩm:** đặc điểm cơ bản của một số nghề trong lĩnh vực chăn nuôi.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm đôi, quan sát Hình 8.3 và thực hiện yêu cầu trong SHS.

+ GV dẫn dắt và tổ chức hoạt động nhóm để HS tìm hiểu và trình bày được các đặc điểm cơ bản của một số nghề chăn nuôi như: nhà chăn nuôi, nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản, bác sĩ thú y.

+ GV dẫn dắt và yêu cầu HS kể thêm đặc điểm của một số nghề khác trong lĩnh vực chăn nuôi.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực chăn nuôi như: nhà chăn nuôi, nhà tư vấn nuôi trồng thủy sản, bác sĩ thú y,...

2.2.2. Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi và nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi.

– **Nội dung:** những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi.

– **Sản phẩm:** yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi và nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân với các nghề chăn nuôi.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, quan sát Hình 8.4 để trả lời câu hỏi trong SHS.

+ GV dẫn dắt để HS trình bày những sở thích, năng khiếu, kĩ năng, ... phù hợp với nghề chăn nuôi.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Người lao động các ngành nghề trong lĩnh vực chăn nuôi cần có kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi; có kĩ năng sử dụng và bảo quản các thiết bị, dụng cụ chăn nuôi; có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề và yêu động vật.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS hiểu rõ hơn kiến thức về vai trò, triển vọng của chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam và đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi.

– **Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Sản phẩm:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV dẫn dắt và giải thích cho HS các sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu do chăn nuôi cung cấp.

+ GV tổ chức hoạt động cá nhân, yêu cầu HS trả lời các yêu cầu ở phần Luyện tập:

• Câu 1: Nguyên liệu nào của ngành chăn nuôi được dùng để sản xuất các sản phẩm ở Hình 8.5?

Gợi ý: HS nêu tên gọi của mỗi sản phẩm trong Hình 8.5, từ đó xác định nguyên liệu thu được từ chăn nuôi để tạo ra sản phẩm.

• Câu 2: Hãy cho biết các biện pháp chăn nuôi hiện đại được thể hiện trong mỗi trường hợp ở Hình 8.6.

Gợi ý đáp án:

a. Chăn nuôi trang trại;

b. Chăn nuôi công nghiệp;

c. Ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi.

• Câu 3: Quan sát Hình 8.7 và cho biết đặc điểm của nghề trong mỗi trường hợp.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và xác định loài vật nuôi trong SHS để xác định tên của nghề chăn nuôi.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nghề chăn nuôi vào thực tiễn.

- **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án bài tập phần Vận dụng và bài tập về nhà.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn làm bài tập ở nhà.
+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện bài tập phần Vận dụng trong SHS.

Gợi ý: Ở các khu vực không phát triển chăn nuôi như thành phố, thị trấn,... GV nên tổ chức cho HS quan sát hình ảnh hoặc xem video clip mô tả đặc điểm hoạt động của nghề trong lĩnh vực chăn nuôi và yêu cầu HS xác định tên của nghề.

- + GV hướng dẫn HS làm bài tập cá nhân ở nhà.

V. KẾT LUẬN CHUNG

- **Mục tiêu:** tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài.
- **Nội dung:**
 - + Vai trò, triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam;
 - + Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi.
- **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
 - Vai trò chăn nuôi đối với môi trường, sản xuất và đời sống con người;
 - Triển vọng của ngành chăn nuôi trong nền kinh tế Việt Nam;
 - Một số nghề phổ biến trong lĩnh vực chăn nuôi;
 - Yêu cầu đối với người lao động trong lĩnh vực chăn nuôi.

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài;
- Khuyến khích HS tìm hiểu thêm về chăn nuôi công nghệ cao trong phần Có thể em chưa biết trong SHS và các tài liệu khác.

BÀI 9. MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC CHĂN NUÔI Ở VIỆT NAM (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều, các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta;
- Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng về phương thức chăn nuôi vào học tập và thực tiễn chăn nuôi;
- Trách nhiệm: quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình;
- Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp, lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt các từ khoá, ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính;
- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản của bài học. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao; góp ý, điều chỉnh, thúc đẩy hoạt động chung, khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: trình bày được nội dung cơ bản về phương thức chăn nuôi;
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được một số thuật ngữ về phương thức chăn nuôi;
- Đánh giá công nghệ: đưa ra được nhận xét về các phương thức chăn nuôi, lựa chọn được phương thức chăn nuôi phù hợp.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bài học gồm hai nội dung: một số loại vật nuôi phổ biến ở Việt Nam và một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. GV cần tìm hiểu thêm một số loại vật nuôi phổ biến tại địa phương để giới thiệu cho HS.

Các phương thức chăn nuôi có thể thay đổi tùy theo tập quán ở mỗi vùng, mỗi địa phương và phát triển theo sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật. Vì vậy, GV cần tìm hiểu một số phương thức chăn nuôi đang phổ biến ở nước ta để giảng dạy phù hợp với thực tế.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;

– Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip mô tả một số phương thức chăn nuôi, một số vật nuôi.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Tìm hiểu một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến tại địa phương.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Kết hợp các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

– **Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

– **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.

– **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về một số vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV nêu tình huống câu chuyện của hai HS và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS: Ở Việt Nam, trâu, bò, lợn, gà được nuôi như thế nào?

+ GV minh hoạ hình ảnh một số vật nuôi và phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.

+ GV giới thiệu mục tiêu bài học.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Một số loại vật nuôi phổ biến ở Việt Nam

2.1.1. Gia súc ăn cỏ

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số gia súc ăn cỏ phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.

– **Nội dung:** một số loại gia súc ăn cỏ được nuôi ở Việt Nam.

– **Sân phẩm:** gia súc ăn cỏ phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS hoạt động nhóm, xem hình ảnh hoặc video clip về một số giống gia súc ăn cỏ được nuôi ở Việt Nam và thực hiện các yêu cầu sau:

- Nêu đặc điểm phân biệt các giống gia súc ăn cỏ trong Hình 9.1.

Gợi ý: Phân biệt các giống gia súc ăn cỏ trong Hình 9.1 từ các đặc điểm khác nhau về ngoại hình, màu lông, màu da,...

- Nêu đặc điểm hình thể của trâu Việt Nam (Hình 9.2).

Gợi ý: Trâu Việt Nam có ngoại hình vạm vỡ; đầu hơi bé; trán và sống mũi thẳng, có con hơi võng; tai mọc ngang, hay ve vẩy; sừng dài, dẹt, hình cánh cung, hướng về phía sau và hơi vênh lên trên.

+ GV gợi mở, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Vì sao gia súc ăn cỏ được nuôi nhiều ở khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?

Gợi ý: Các khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có điều kiện thuận lợi cho gia súc ăn cỏ sinh trưởng và phát triển như: nhiều đồng cỏ, nguồn thức ăn dồi dào, khí hậu phù hợp với điều kiện sống của gia súc ăn cỏ như trâu, bò, dê,...

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Một số loài gia súc ăn cỏ phổ biến ở VN như trâu, bò, dê,... được nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

2.1.2. Lợn

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số giống lợn phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.

– **Nội dung:** một số giống lợn được nuôi ở Việt Nam.

– **Sân phẩm:** một số giống lợn phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về một số giống lợn được nuôi ở Việt Nam.

+ GV dẫn dắt và tổ chức hoạt động để HS nhận biết đặc điểm của một số giống lợn được minh họa ở Hình 9.3: lợn Móng Cái, lợn Landrace, lợn Yorkshire,...

+ GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để thực hiện yêu cầu trong SHS.

Gợi ý:

- Giống nhau: thân dài, da màu trắng;

- Khác nhau: tai lợn Landrace to, rủ xuống trước mặt; tai lợn Yorkshire dựng lên.

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm nội dung về lợn Móng Cái.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Một số giống lợn phổ biến ở Việt Nam như: lợn Móng Cái, lợn Landrace và lợn Yorkshire,... được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

2.1.3. Gia cầm

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số giống gia cầm phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.

- **Nội dung:** một số giống gia cầm.
- **Sân phẩm:** một số giống gia cầm phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm đôi.
- + GV dẫn dắt và tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS.

Gợi ý: Dựa vào các đặc điểm ngoại hình, tầm vóc, màu lông,...

+ GV dẫn dắt và tổ chức HS hoạt động theo nhóm đôi để nêu được đặc điểm của một số giống gia cầm được minh họa trong Hình 9.4.

+ GV minh họa hình ảnh và dẫn dắt HS tìm hiểu thêm nội dung một số giống gia cầm khác trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Một số giống gia cầm được nuôi phổ biến ở Việt Nam như gà Ri, gà Hồ, vịt cỏ, vịt bầu,... được nuôi nhiều ở đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long.

2.2. Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam

- **Mục tiêu:** giúp HS nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam
- **Nội dung:** một số phương thức chăn nuôi như: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.
- **Sân phẩm:** một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và hoạt động theo nhóm.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về các phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt, bán chăn thả.

+ GV dẫn dắt HS nhận biết đặc trưng của các phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt (công nghiệp) và bán chăn thả.

+ GV dẫn dắt và tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong SHS: Mỗi phương thức chăn nuôi được minh họa trong Hình 9.5 có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của vật nuôi?

Gợi ý:

▪ Phương thức chăn nuôi chăn thả (Hình 9.5a): phụ thuộc vào số lượng và chất lượng nguồn thức ăn có trong tự nhiên. Nếu nguồn thức ăn nhiều và chất lượng tốt thì vật nuôi phát triển tốt và ngược lại;

▪ Phương thức chăn nuôi nuôi nhốt (Hình 9.5b): môi trường chăn nuôi, thức ăn, quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và vệ sinh phòng bệnh có kiểm soát, phù hợp cho từng loại vật nuôi, vật nuôi phát triển tốt;

▪ Phương thức chăn nuôi bán chăn thả (Hình 9.5c): nguồn thức ăn có trong tự nhiên và thức ăn do người chăn nuôi cung cấp đủ dinh dưỡng và đủ khẩu phần ăn, nuôi dưỡng và chăm sóc tốt, vật nuôi phát triển tốt.

+ GV gợi mở, dẫn dắt và tổ chức HS hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS: Những loại vật nuôi nào phù hợp với phương thức chăn nuôi bán chăn thả?

Gợi ý: Các vật nuôi phù hợp với phương thức chăn nuôi bán chăn thả như trâu, bò, gà,...

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm thông tin “Nuôi lợn theo phương thức nuôi nhốt” trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Có ba phương thức chăn nuôi được áp dụng phổ biến ở nước ta: chăn thả, nuôi nhốt và bán chăn thả.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố kiến thức về một số loài vật nuôi, phương thức chăn nuôi phổ biến, đặc trưng vùng miền ở nước ta.

– **Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV dẫn dắt, gợi mở để HS thực hiện các yêu cầu trong SHS.

• Câu 1. Hãy quan sát và gọi tên phương thức chăn nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.6.

Gợi ý: a. Chăn nuôi theo phương thức bán chăn thả; b. Chăn nuôi theo phương thức chăn thả; c. Chăn nuôi theo phương thức nuôi nhốt.

• Câu 2. Trình bày ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương thức chăn nuôi: chăn thả, nuôi nhốt và bán chăn thả.

Gợi ý:

▪ Phương thức chăn nuôi chăn thả có ưu điểm: mức đầu tư thấp, kỹ thuật nuôi đơn giản; nhược điểm: khó kiểm soát dịch bệnh.

▪ Phương thức chăn nuôi nuôi nhốt có ưu điểm: ít phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, cho năng suất cao và ổn định; nhược điểm: chi phí đầu tư cao.

▪ Phương thức chăn nuôi bán chăn thả có ưu điểm: chuồng trại đơn giản, dễ nuôi, ít bệnh, tự sản xuất con giống; nhược điểm: chậm lớn, quy mô đàn vừa phải, khó kiểm soát dịch bệnh.

• Câu 3. Quan sát đặc điểm ngoại hình và cho biết tên gọi của các vật nuôi trong mỗi trường hợp ở Hình 9.7.

Gợi ý:

▪ Gà mái có màu lông vàng đỏm; gà trống lông màu nâu sáng, lông đuôi màu đen kèm ánh xanh → gà Ri;

▪ Lợn có màu lông đen pha lẫn trắng, lưng hơi võng xuống → lợn Móng Cái;

▪ Vịt có dáng nặng nề, lông loang đen trắng → vịt bầu.

• Câu 4. Trâu, bò, lợn, gia cầm được nuôi nhiều ở đâu? Vì sao?

Gợi ý:

- Lợn, gia cầm: được nuôi nhiều ở vùng đồng bằng;
- Trâu, bò được nuôi nhiều ở trung du và miền núi.

Nguyên nhân: Đây là những khu vực có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi, có nguồn thức ăn tự nhiên phong phú, khí hậu phù hợp với điều kiện sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.

IV. VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng những kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiễn.
- **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn làm bài tập ở nhà.
 - + GV hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện bài tập phần Vận dụng trong SHS.
 - + GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

V. KẾT LUẬN CHUNG

- **Mục tiêu:** tổng kết những kiến thức cốt lõi của bài.
- **Nội dung:**
 - + Một số loại vật nuôi phổ biến ở Việt Nam;
 - + Một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.
- **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
 - Các phương thức chăn nuôi được áp dụng phổ biến ở nước ta;
 - Các vật nuôi phổ biến ở Việt Nam.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đã đặt ra ở phần Mở đầu: Ở Việt Nam, trâu, bò, lợn, gà được nuôi như thế nào?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài;
- Khuyến khích HS tìm hiểu thêm về gà ác trong phần Có thể em chưa biết trong SHS và các tài liệu khác.

Chương 5. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VÀ PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI

Bài 10. KỸ THUẬT NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI (3 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi;
- Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản;
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi;
- Trách nhiệm: quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống khi chăn nuôi tại gia đình;
- Tự chủ và tự học: lập và thực hiện được kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt các từ khóa; ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính;
- Giao tiếp và hợp tác: sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao; góp ý, điều chỉnh, thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản;
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được một số thuật ngữ về kĩ thuật chăn nuôi;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá được tính hợp lí của các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Nội dung bài học liên quan đến những yêu cầu kĩ thuật đối với các giống vật nuôi, GV cần tìm hiểu thêm các Tiêu chuẩn Quốc gia về trâu giống, bò giống, các yêu cầu kĩ thuật,... để cập nhật các thông tin phù hợp với thực tiễn. Ví dụ: TCVN 9370:2012 Trâu giống – Yêu cầu kĩ thuật; TCVN 11908:2017 Bò giống nội – Yêu cầu kĩ thuật;...

Gợi ý phân bố bài giảng:

Tiết 1: 1. Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi

2. Chăn nuôi vật nuôi

2.1. Chăn nuôi vật nuôi non

Tiết 2: 2. Chăn nuôi vật nuôi (*tiếp theo*)

2.2. Chăn nuôi vật nuôi đực giống

2.3. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản

Tiết 3: 3. Vệ sinh trong chăn nuôi

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip mô tả vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi, các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Tìm hiểu về quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi ở gia đình, địa phương.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV nêu tình huống về vật nuôi như gà, vịt và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS.
 - + GV minh hoạ hình ảnh về các giai đoạn phát triển của một số loài vật nuôi.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài học.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi

– **Mục tiêu:** giúp HS nêu được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

– **Nội dung:** tác động của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

– **Sân phẩm:** vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp, học tập theo nhóm.

+ GV cho HS xem hình ảnh về vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi để thực hiện yêu cầu trong SHS: Quan sát Hình 10.1 và nêu những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của vật nuôi.

+ GV gợi mở, yêu cầu HS tìm hiểu và liệt kê những công việc cần làm để nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi.

Gợi ý: Cho vật nuôi ăn, tắm chải, vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng bệnh cho vật nuôi.

+ GV gợi mở, tổ chức HS học tập theo nhóm đôi để tìm hiểu và phân tích về mỗi vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

+ GV gợi mở, yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Theo em, vì sao tiêm vaccine lại giúp vật nuôi phòng ngừa được bệnh dịch?

Gợi ý: Khi đưa vaccine vào cơ thể vật nuôi khỏe mạnh (tiêm, nhỏ mắt, nhỏ mũi, uống), cơ thể sẽ phản ứng lại bằng cách tạo ra kháng thể chống lại tác nhân gây bệnh. Khi bị mầm bệnh xâm nhập, cơ thể vật nuôi đã có kháng thể giúp vật nuôi khó bị mắc bệnh, gọi là vật nuôi đã có khả năng miễn dịch.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Việc nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; tiêm phòng và điều trị bệnh kịp thời; giữ vệ sinh thân thể và chuồng trại giúp đàn vật nuôi sẽ luôn khỏe mạnh, phát triển tốt.

2.2. Chăn nuôi vật nuôi

2.2.1. Chăn nuôi vật nuôi non

a. Một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non.

– **Nội dung:** một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non.

– **Sân phẩm:** một số đặc điểm sinh lí cơ thể của vật nuôi non.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về một số vật nuôi non và trả lời câu hỏi trong SHS: Hãy nêu các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non mà em biết trong từng trường hợp được minh họa ở Hình 10.2.

Gợi ý: Chức năng tiêu hoá của lợn con (Hình 10.2a) và bê con (Hình 10.2c) chưa hoàn chỉnh và khả năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém. Sự điều hoà thân nhiệt của gà con (Hình 10.2b) chưa hoàn chỉnh.

+ GV gọi mở và dẫn dắt HS khám phá các đặc điểm cơ thể của vật nuôi non.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non như thế nào?

Gợi ý: Đặc điểm cơ thể ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sinh trưởng của vật nuôi non. Ví dụ: Ở gà con, khả năng sinh nhiệt kém, điều tiết thân nhiệt kém → dễ bị nhiễm lạnh, dễ phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hoá,...; Ở lợn con, do chức năng miễn dịch kém, đề kháng kém → dễ phát sinh các bệnh về tiêu hoá, bệnh cảm sốt,...

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Tùy theo từng loại vật nuôi non, cơ thể sẽ có những đặc điểm sau: sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh; chức năng của hệ tiêu hoá chưa hoàn chỉnh; chức năng miễn dịch chưa tốt, sức đề kháng kém.

b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non

– **Mục tiêu:** giúp HS nêu được một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non.

– **Nội dung:** một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non.

– **Sân phẩm:** một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập nhóm đôi.

+ GV gọi mở và yêu cầu HS xem Hình 10.3, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để thực hiện yêu cầu trong SHS: Nêu tác dụng của các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non được minh hoạ trong mỗi trường hợp ở Hình 10.3.

Gợi ý: Hình a: ủ ấm cho gà con; Hình b: Cho bú sữa, đặc biệt là sữa đầu để cung cấp dinh dưỡng, kháng thể cho lợn con; Hình c: Cung cấp dinh dưỡng cho lợn con thông qua thức ăn; Hình d: Cho lợn con vận động giúp cơ thể khoẻ mạnh; Hình e: Giữ vệ sinh chuồng nuôi; Hình f: Phòng bệnh cho vật nuôi non.

+ GV gọi mở, dẫn dắt và tổ chức HS hoạt động theo nhóm để kể tên các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non.

+ GV gọi mở, dẫn dắt HS tìm hiểu thêm về thành phần sữa đầu của lợn trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Để vật nuôi non khoẻ mạnh, cần cho bú sữa đầu, tập cho ăn sớm. Cho vật nuôi được vận động, sưởi ấm, tiếp xúc nhiều với nắng sớm và được nuôi trong môi trường đảm bảo vệ sinh. Tiêm phòng định kì, theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời cho vật nuôi.

2.2.2. Chăn nuôi vật nuôi đực giống

a. Yêu cầu đối với vật nuôi đực giống

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống.
- **Nội dung:** một số tiêu chuẩn đối với vật nuôi đực giống có chất lượng cao.
- **Sản phẩm:** yêu cầu đối với vật nuôi đực giống.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về vật nuôi đực giống, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS: Vật nuôi đực giống có vai trò gì trong sự phát triển của đàn?

Gợi ý: Góp phần sản sinh đàn con khỏe mạnh và phát triển tốt.

+ GV gợi mở, dẫn dắt, tổ chức HS hoạt động nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong SHS: Các vật nuôi đực giống trong Hình 10.4 có đặc điểm cơ thể như thế nào?

Gợi ý: Bò đực Brahman đỏ, lợn đực Landrace và dê đực giống đều có cơ thể cân đối, rắn chắc.

+ GV gợi mở, dẫn dắt HS hoạt động theo nhóm đôi để khám phá các yêu cầu đối với vật nuôi đực giống:

- Đối với lợn, bò, dê;
- Đối với gà, vịt.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Vật nuôi đực giống cần cân đối, rắn chắc, khỏe mạnh, thể hiện rõ tính đực.

b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi đực giống.

– **Nội dung:** một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi đực giống.

– **Sản phẩm:** một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập theo nhóm đôi.

+ GV gợi mở và tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Để có sức khỏe và thể trạng tốt, vật nuôi đực giống cần được nuôi dưỡng và chăm sóc như thế nào?

+ GV dẫn dắt HS nêu được các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đực giống.

+ GV gợi mở, dẫn dắt HS tìm hiểu thêm về chăn nuôi bò đực giống trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Vật nuôi đực giống cần được cung cấp thức ăn đủ năng lượng, protein, vitamin và chất khoáng; cho vật nuôi vận động hằng ngày; nuôi dưỡng trong môi trường

đảm bảo vệ sinh; tiêm phòng định kì, theo dõi để phát hiện và điều trị kịp thời các bệnh truyền nhiễm.

2.2.3. Chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản

a. Yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.
- **Nội dung:** một số yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản có chất lượng cao.
- **Sân phẩm:** yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về giai đoạn mang thai của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS: Cơ thể vật nuôi thay đổi như thế nào khi mang thai (Hình 10.5)?

Gợi ý: Vùng bụng to ra, bầu vú nảy nở, thân hình mập mạp.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về giai đoạn nuôi con của các vật nuôi cái sinh sản, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để nêu nhiệm vụ của các vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con (Hình 10.6).

Gợi ý: Vật nuôi cái sinh sản ở giai đoạn nuôi con có nhiệm vụ sinh con có tỉ lệ sống cao, cho con bú và chăm sóc đàn con khỏe mạnh.

+ GV gợi mở, dẫn dắt HS hoạt động theo nhóm đôi để nêu được yêu cầu đối với vật nuôi cái sinh sản.

+ GV gợi mở, dẫn dắt HS đọc và tìm hiểu thông tin về số con non trong một lứa đẻ của trâu, bò, dê,...

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Vật nuôi cái sinh sản cần có khả năng sinh con có tỉ lệ sống cao, tiết sữa tốt, tỉ lệ con nuôi sống đến lúc cai sữa cao, đàn con có chất lượng tốt.

b. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.

– **Nội dung:** một số công việc nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi cái sinh sản.

– **Sân phẩm:** một số công việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV gợi mở vấn đề của chế độ nuôi dưỡng ảnh hưởng đến chất lượng của đàn vật nuôi con.

+ GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi: Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động thế nào đến đàn vật nuôi con?

Gợi ý: Quá trình chăm sóc vật nuôi cái sinh sản có tác động mạnh đến sự sinh trưởng, phát triển, tăng khả năng miễn dịch của đàn vật nuôi con.

+ GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Theo em, cần làm gì để phòng và điều trị bệnh thông thường do kí sinh trùng như giun, sán, ve,... gây ra cho vật nuôi?

Gợi ý: Tiêm phòng và điều trị bệnh kịp thời, thường xuyên tắm, chải, vệ sinh cho vật nuôi.

+ GV gợi mở, dẫn dắt HS hoạt động theo nhóm đôi để kể được những yêu cầu khi chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.

+ GV dẫn dắt HS tìm hiểu thêm thông tin về nuôi dưỡng bò cái mang thai.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Ở giai đoạn mang thai và nuôi con, vật nuôi cái sinh sản cần được cung cấp đủ các chất dinh dưỡng và bổ sung thêm thức ăn như rau tươi, củ, quả,... Cần theo dõi, chăm sóc khi vật nuôi sinh con để có chế độ vận động phù hợp, đảm bảo vệ sinh và tiêm phòng bệnh.

2.3. Vệ sinh trong chăn nuôi

2.3.1. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.

– **Nội dung:** yêu cầu vệ sinh trong xây dựng chuồng nuôi, thức ăn, xử lí phân, rác,... khi nuôi dưỡng của vật nuôi.

– **Sân phẩm:** các yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 10.7, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm đôi để nêu những yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về chất thải và rác thải trong chăn nuôi, tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS: Chất thải và rác thải trong chăn nuôi ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của con người như thế nào?

Gợi ý: Ô nhiễm môi trường là nguyên nhân gây ra một số bệnh cho con người (ví dụ: bệnh về hô hấp, bệnh ngoài da,...).

+ GV dẫn dắt để HS nêu thêm những yêu cầu vệ sinh môi trường sống của vật nuôi.

+ GV gợi mở, hướng dẫn HS tìm hiểu thêm thông tin về xử lí chất thải trong chăn nuôi trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Các yếu tố môi trường sống của vật nuôi như: khí hậu trong chuồng; xây dựng chuồng nuôi; thức ăn và nước uống;... cần được đảm bảo các yêu cầu vệ sinh.

2.3.2. Vệ sinh thân thể vật nuôi

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các yêu cầu về vệ sinh thân thể vật nuôi.

– **Nội dung:** ý nghĩa và công việc vệ sinh thân thể vật nuôi.

– **Sân phẩm:** các công việc vệ sinh thân thể vật nuôi.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV gợi mở, dẫn dắt HS tìm hiểu và rút ra kết luận về ý nghĩa và các công việc cần làm để vệ sinh thân thể vật nuôi.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Khi chăn nuôi, cần bảo đảm vệ sinh thân thể cho vật nuôi; tắm, chải và cho vật nuôi vận động hợp lý.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố kiến thức về kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

– **Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời câu hỏi trong SHS.

• Câu 1: Vì sao chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi lại ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS trả lời dựa trên kiến thức đã học.

• Câu 2: Trình bày biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc cho các vật nuôi được minh họa trong Hình 10.8.

Gợi ý: Hình a: sưởi ấm, vận động, tiếp xúc nắng sớm; Hình b: sưởi ấm, bú sữa đầu, vận động; Hình c: bú sữa đầu, vận động. Ngoài ra, khi nuôi dưỡng, chăm sóc các vật nuôi non cần đảm bảo giữ vệ sinh chuồng, theo dõi để phát hiện và điều trị bệnh kịp thời.

• Câu 3: Cách chăm sóc vật nuôi đực giống khác với vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

Gợi ý: GV hướng dẫn trả lời dựa trên sự khác biệt về đặc điểm của hai nhóm vật nuôi.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức, kĩ năng chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi vừa học vào thực tiễn.

– **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập phần Vận dụng và bài tập về nhà.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn làm bài tập ở nhà.

+ GV gợi mở, hướng dẫn thực hiện yêu cầu trong SHS.

Gợi ý: HS xác định loài vật nuôi ở gia đình, địa phương. Nhận xét công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi trên cơ sở yêu cầu kĩ thuật nuôi dưỡng của mỗi loại vật nuôi.

+ GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

+ Vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi;

+ Chăn nuôi vật nuôi;

+ Vệ sinh trong chăn nuôi.

– **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung trong phần Ghi nhớ trong SHS về những công việc chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản phải phù hợp với mục đích chăn nuôi, đặc điểm cơ thể của vật nuôi.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu trong SHS: Cần chăm sóc vật nuôi như thế nào để phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của vật nuôi?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài;

– Khuyến khích HS tìm hiểu thêm về chăm sóc và nuôi dưỡng lợn nái mang thai trong phần Có thể em chưa biết trong SHS và các tài liệu khác.

Bài 11. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ THỊT THẢ VƯỜN (2 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kĩ năng về kĩ thuật chăn nuôi vào học tập và thực tiễn chăn nuôi gà thịt thả vườn;
- Trách nhiệm: quan tâm đến công việc chăn nuôi của gia đình, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống khi chăn nuôi tại gia đình;
- Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp; lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt các từ khóa, ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính;
- Giao tiếp và hợp tác: biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề đơn giản. Biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao; góp ý, điều chỉnh, thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được nội dung cơ bản về kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn;
- Giao tiếp công nghệ: biết được một số thuật ngữ về kĩ thuật chăn nuôi;
- Đánh giá công nghệ: đưa ra được nhận xét về tính hợp lý của các kĩ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng, trị bệnh cho gà; lựa chọn được con giống và kĩ thuật nuôi phù hợp.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bài học gồm hai nội dung: quy trình chăn nuôi và kĩ thuật chăn nuôi gà thịt thả vườn. GV cần tìm hiểu thêm các giống gà nuôi lấy thịt phổ biến tại địa phương để giới thiệu cho HS. Đồng thời, cần tìm hiểu, cập nhật các tiêu chuẩn, quy định về chăn nuôi gà như: Quy chuẩn kĩ thuật quốc gia – Điều kiện đảm bảo trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học: QCVN 01-15: 2010/BNNPTNT.

Gợi ý phân bố bài giảng:

- Tiết 1:
1. Quy trình chăn nuôi
 2. Chăn nuôi gà thịt thả vườn
 - 2.1. Chuẩn bị chuồng trại
 - 2.2. Chọn gà giống

Tiết 2: 2. Chăn nuôi gà thịt thả vườn (tiếp theo)

2.3. Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc

2.4. Phòng và trị bệnh

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh hoặc video clip mô tả kỹ thuật nuôi gà thả vườn.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Tìm hiểu về quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng, trị bệnh cho gà tại địa phương.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn.
- **Nội dung:** tình huống và câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về kỹ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV nêu tình huống nuôi và chăm sóc gà thả vườn và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS.
 - + GV minh hoạ hình ảnh một số giống gà thịt nuôi thả vườn.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài học.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Quy trình chăn nuôi

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được quy trình chung trong chăn nuôi.
- **Nội dung:** quy trình chung trong chăn nuôi.
- **Sân phẩm:** các bước chính trong quy trình chăn nuôi.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về một số công việc trong quy trình chăn nuôi, tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

Gợi ý: Hình a: tiêm phòng bệnh cho vật nuôi; Hình b: chọn giống vật nuôi; Hình c: làm chuồng trại; Hình d: nuôi dưỡng, chăm sóc cho đàn vật nuôi.

Thứ tự hợp lí: c, b, d, a.

+ GV dẫn dắt HS tìm ra quy trình chăn nuôi.

+ GV tổ chức, dẫn dắt HS tìm hiểu thêm nội dung yêu cầu của chuồng nuôi tại các khu dân cư.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về quy trình chung trong chăn nuôi.

– **Kết luận:** Để chăn nuôi hiệu quả, cần thực hiện các công việc theo quy trình: chuẩn bị chuồng trại và xây dựng bãi chăn thả trước khi chăn nuôi → chọn giống và con giống → nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho đàn vật nuôi.

2.2. Chăn nuôi gà thịt thả vườn

2.2.1. Chuẩn bị chuồng trại

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc chuẩn bị và yêu cầu của chuồng trại nuôi gà thịt thả vườn.

– **Nội dung:** các công việc cần chuẩn bị và yêu cầu về chuồng nuôi và bãi chăn thả khi nuôi gà thịt thả vườn.

– **Sân phẩm:** yêu cầu về chuồng trại khi nuôi gà thịt thả vườn.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về chuồng trại nuôi gà, yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS.

• Nêu yêu cầu của chuồng trại nuôi gà thể hiện trong mỗi trường hợp được minh hoạ ở Hình 11.2.

Gợi ý: Phân tích Hình 11.2a để xác định được yếu tố của chuồng gà lửng được nắng. Phân tích Hình 11.2b để xác định được yếu tố vườn chăn thả bằng phẳng và có bóng mát cây xanh, có máng ăn. Phân tích Hình 11.2c để xác định được yếu tố có máng uống đặt trong vườn thả để gà dễ dàng uống nước.

• Vì sao nền chuồng nuôi gà cần khô ráo, thoáng mát và dễ dọn vệ sinh?

Gợi ý: Để đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi, môi trường chăn nuôi và môi trường sống xung quanh giúp gà khoẻ mạnh, phát triển tốt.

+ GV cho HS xem hình ảnh mô hình chuồng nuôi, vườn chăn thả, dẫn dắt để HS trả lời câu hỏi: Vườn chăn thả đem lại những ích lợi gì cho đàn gà?

Gợi ý: Vườn chăn thả là nơi tạo thêm nguồn thức ăn cho gà như: giun đất, dế, cỏ,...
Vườn chăn thả là nơi gà chạy nhảy, tìm kiếm thức ăn và vận động.

+ GV giúp HS nêu thêm những yêu cầu khác về vườn chăn thả.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học về chuẩn bị chuồng trại nuôi gà.

– **Kết luận:** Chuồng nuôi phải được thiết kế đủ rộng, cửa chuồng mở ra hướng đông hoặc đông nam và có hệ thống cống rãnh để xử lý chất thải, nước thải. Rào xung quanh vườn chăn thả gà để ngăn thú hoang hoặc thú nuôi khác; trong vườn chăn thả cần đặt máng ăn, treo máng uống đầy đủ.

2.2.2. Chọn gà giống

a. Chọn gà giống

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các giống gà thịt có thể nuôi thả vườn.

– **Nội dung:** một số giống gà thịt nuôi thả vườn phổ biến.

– **Sản phẩm:** một số giống gà thịt có thể nuôi thả vườn.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về một số giống gà thịt nuôi thả vườn, yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS.

Gợi ý: Hình thể cân đối, săn chắc, dễ thích nghi với môi trường sống. Ngoài ra, các giống gà này còn dễ nuôi, mau lớn, thịt ngon.

+ GV dẫn dắt HS nhận biết yêu cầu của các giống gà thịt được chọn nuôi thả vườn.

+ GV tổ chức, dẫn dắt và yêu cầu HS tìm hiểu thêm thông tin về gà Đông Tảo trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Chọn giống gà dễ nuôi, dễ thích nghi với điều kiện khí hậu và môi trường sống, có năng suất cao, chất lượng thịt ngon.

b. Chọn gà con giống

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được cách chọn lựa gà con làm giống.

– **Nội dung:** các yêu cầu đối với gà con giống.

– **Sản phẩm:** cách chọn gà con làm giống.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV cho HS xem hình ảnh gà con giống, tổ chức cho HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi trong SHS.

Gợi ý: Thể trạng của gà con giống khỏe mạnh sẽ giúp gà lớn nhanh, ít mắc bệnh.

+ GV sử dụng phương pháp vấn đáp hoặc đặt vấn đề để phân tích các yêu cầu khi chọn gà con giống: nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn, chân thẳng, mập,... (những biểu hiện hình thể của gà con giống khỏe mạnh) → gà lớn nhanh, ít mắc bệnh.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Gà con chọn làm giống phải đồng đều về khối lượng, nhanh nhẹn, mắt sáng, mỏ to, lông bông, bụng gọn, chân thẳng.

2.2.3. Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc

a. Thức ăn cho gà

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết thức ăn cho gà.

– **Nội dung:** thành phần thức ăn và kỹ thuật cho ăn theo các giai đoạn phát triển của gà.

– **Sân phẩm:** thành phần thức ăn và kỹ thuật cho ăn theo các giai đoạn phát triển của gà.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS tổ chức làm việc nhóm đôi để trả lời câu hỏi trong SHS.

Gợi ý: Nhu cầu thức ăn cung cấp đủ và tăng lên theo các giai đoạn phát triển của gà.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

+ GV tổ chức, dẫn dắt và yêu cầu HS tìm hiểu thêm thông tin nhu cầu chất đạm theo từng giai đoạn phát triển của gà thịt trong SHS.

– **Kết luận:** Thành phần thức ăn và kỹ thuật cho ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển của gà.

b. Chế độ chăm sóc

– **Mục tiêu:** giúp HS nêu được chế độ chăm sóc gà thịt thả vườn.

– **Nội dung:** chế độ chăm sóc theo từng giai đoạn phát triển của gà thịt thả vườn.

– **Sân phẩm:** chế độ chăm sóc gà thịt thả vườn.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS tổ chức làm việc nhóm đôi để thực hiện yêu cầu trong SHS.

Gợi ý: Giữ ấm cho cơ thể, tập cho vật nuôi non ăn sớm với thức ăn đủ chất dinh dưỡng, cho vật nuôi non vận động, tiếp xúc nhiều với ánh sáng và giữ vệ sinh, phòng bệnh cho vật nuôi non.

+ GV dẫn dắt HS phân tích nội dung các công việc chăm sóc gà thịt thả vườn.

+ GV tổ chức, dẫn dắt HS tìm hiểu thêm thông tin nguyên tắc sưởi ấm gà con trong SHS.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Chăm sóc theo từng giai đoạn phát triển của gà đúng cách, đúng thời điểm, kết hợp vệ sinh chuồng trại, máng ăn, máng uống sạch sẽ.

2.2.4. Phòng và trị bệnh

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được biện pháp phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.
- **Nội dung:** các công việc cần làm để phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.
- **Sản phẩm:** các công việc phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập theo nhóm kết hợp hoạt động nhóm nhỏ.

+ GV cho HS xem hình ảnh hoặc video clip về một số hoạt động phòng bệnh cho gà, tổ chức cho HS làm việc nhóm để trả lời câu hỏi trong SHS.

• Ở mỗi trường hợp trong Hình 11.7, người chăn nuôi đã làm công việc gì để phòng và trị bệnh cho gà?

Gợi ý: Hình a: khử trùng chuồng trại chăn nuôi gà, Hình b: tiêm phòng thuốc trị bệnh cho gà.

• Giữa phòng và trị bệnh cho gà nuôi, theo em công tác nào quan trọng hơn? Vì sao?

Gợi ý: Công tác phòng bệnh cho gà nuôi quan trọng hơn trị bệnh vì nếu phòng bệnh tốt cho vật nuôi thì vật nuôi sẽ cho sản phẩm chất lượng cao, số lượng nhiều, ngoài ra chi phí phòng bệnh sẽ thấp hơn chi phí chữa bệnh. Nếu vật nuôi bị bệnh, ta phải dùng thuốc chữa bệnh; nếu bệnh quá nặng, vật nuôi sẽ chết, gây ảnh hưởng lớn đến kinh tế. Ngoài ra, khi vật nuôi bị bệnh, bệnh có thể lây lan ra toàn bộ vật nuôi khác, gây thiệt hại lớn hơn khi phòng bệnh cho vật nuôi đầy đủ.

+ GV dẫn dắt HS phân tích nội dung các công việc cần phải thực hiện để phòng và trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

+ GV dẫn dắt, tổ chức để HS tìm hiểu thêm thông tin một số biểu hiện gà mắc bệnh.

+ GV giúp HS tóm tắt những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Để phòng bệnh, cần giữ vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, thực hiện tiêm phòng bệnh cho gà. Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi đàn gà có triệu chứng bệnh, bệnh dịch; cách li riêng gà bệnh và bổ sung thêm chất dinh dưỡng, vitamin để tăng sức đề kháng cho gà. Sau khi điều trị bệnh, cần dọn vệ sinh, khử trùng chuồng nuôi và môi trường xung quanh.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS hiểu rõ hơn các kĩ thuật nuôi, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho gà thịt thả vườn.

– **Nội dung:** bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Sản phẩm:** đáp án bài tập phần Luyện tập trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời câu hỏi trong SHS.

IV. VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiễn.
- **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn làm bài tập ở nhà.
 - + GV hướng dẫn, yêu cầu HS làm bài tập phần Vận dụng trong SHS.

Gợi ý: GV hướng dẫn HS dựa vào quy trình và kĩ thuật nuôi dưỡng vật nuôi để trả lời câu hỏi.

- + GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

V. KẾT LUẬN CHUNG

- **Mục tiêu:** tổng kết các kiến thức cốt lõi của bài học.
- **Nội dung:**
 - + Quy trình chăn nuôi;
 - + Chăn nuôi gà thịt thả vườn.
- **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.
 - Yêu cầu của chuồng nuôi và bãi chăn thả;
 - Yêu cầu của giống gà chọn nuôi lấy thịt;
 - Kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc gà thịt thả vườn;
 - Những công việc cần thực hiện để phòng và trị bệnh cho đàn gà.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu trong SHS: Làm thế nào để nuôi gà thịt thả vườn mau lớn, khỏe mạnh?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài;
- Khuyến khích HS tìm hiểu thêm về kĩ thuật chăn nuôi loại vật nuôi khác.

Dự án 2. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC VẬT NUÔI TRONG GIA ĐÌNH (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để lập kế hoạch và tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình;
- Lập được kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi;
- Rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc lập kế hoạch và thực hiện dự án.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để thực hiện dự án;
- Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập; nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi để thực hiện dự án;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống đã cho để lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các yêu cầu, công việc khi nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá kế hoạch hợp lí để nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi, xác định chi phí và hiệu quả nuôi vật nuôi.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Dự án kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình thuộc loại dự án kiến tạo. HS phải vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về chủ đề Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi kết hợp với kiến thức, kĩ năng của môn Toán cùng với năng lực giải quyết vấn đề để thực hiện dự án dưới sự hướng dẫn của GV.

Do đó, HS cần có thời gian thực hiện trên lớp và ngoài giờ lên lớp để hoàn thành sản phẩm của dự án. Trong điều kiện kế hoạch dạy học Chương 4 và Chương 5, GV có thể công bố dự án khi bắt đầu Chương 4, kết hợp với thời gian các bài học để triển khai thực

hiện dự án. Như vậy, 1 tiết của dự án được dành cho hoạt động báo cáo và đánh giá kết quả dự án. Ngoài ra GV cũng có thể sử dụng dự án học tập như một đề bài kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng của HS sau khi học xong Chương 4 và Chương 5.

Với dự án trong lĩnh vực nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi, GV cần tìm hiểu các ngành nghề liên quan thuộc lĩnh vực chăn nuôi để lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào dự án.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp;
- Biểu mẫu bảng kế hoạch, bảng tính chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Giấy, bút, máy tính cầm tay, ...;
- Thiết bị hỗ trợ: máy tính có kết nối internet;
- Tài liệu hướng dẫn quy trình và kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi như gà, lợn, ...

D. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án.
- **Nội dung:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.
- **Sân phẩm:** mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm.
 - + GV nêu chủ đề và mục tiêu của dự án.
 - + GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.
 - + GV nêu các nhiệm vụ (yêu cầu) cần thực hiện để hoàn thành dự án.
 - + GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.
 - + GV kết hợp với HS để phân chia nhóm thực hiện.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- **Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án.
- **Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- **Sân phẩm:** kế hoạch chi tiết việc thực hiện các nhiệm vụ của dự án.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức dạy học theo nhóm.
 - + GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình.

- Thảo luận để lựa chọn một loại vật nuôi;
- Liệt kê các công việc cần làm để thực hiện dự án;
- Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian cho từng công việc của dự án;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

+ GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.

– **Kết luận:** Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số mục chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm tiến hành.

III. THỰC HIỆN DỰ ÁN

– **Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án.

– **Nội dung:** lập bảng kế hoạch, tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi.

– **Sản phẩm:** bảng kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại vật nuôi trong gia đình và bảng tính toán chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi đó.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức dạy học theo nhóm.

+ GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập các thông tin về các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

+ GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết.

+ GV cung cấp các thông tin về số lượng, đơn giá của con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi,... cho kế hoạch nuôi và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

+ GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm.

+ GV hỗ trợ các nhóm HS tự giám sát, quản lý quá trình thực hiện dự án.

– **Kết luận:** Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình gồm các nội dung: công việc cần làm; thời gian thực hiện; dụng cụ, vật liệu cần thiết. Tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi gồm các nội dung: tính chi phí của từng loại (con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi), tổng số tiền.

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày, báo cáo kết quả thực hiện dự án; giúp HS đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án.

– **Nội dung:** nội dung bài thuyết trình giới thiệu báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình và bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc loại vật nuôi đã chọn.

– **Sản phẩm:**

+ Bản báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một loại vật nuôi;

+ Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại vật nuôi đã chọn.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức dạy học toàn lớp.

- + GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm, gồm có:
- Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình theo Mẫu 1.

Mẫu 1. Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình

1. Giới thiệu				
• Giống vật nuôi chọn nuôi; • Phương thức nuôi; • Số lượng nuôi; • Điều kiện sinh trưởng và phát triển.				
2. Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc				
STT	Công việc cần làm	Thời gian thực hiện	Dụng cụ, vật liệu cần thiết	Ghi chú
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
3	?	?	?	?
4	?	?	?	?

- Báo cáo bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi theo Mẫu 2.

Mẫu 2. Bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

STT	Các loại chi phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vật liệu xây dựng chuồng nuôi	?	?	?	?	?
2	Dụng cụ nuôi dưỡng (máng ăn, máng uống,...)	?	?	?	?	?
3	Con giống	?	?	?	?	?
4	Thức ăn	?	?	?	?	?
5	Thuốc thú y	?	?	?	?	?
6	Công chăm sóc	?	?	?	?	?
7	Chi phí khác	?	?	?	?	?
Tổng cộng					?	

+ GV nhận xét, đánh giá kết quả báo cáo sản phẩm của dự án theo tiêu chí đã đề ra ban đầu:

- Cấu trúc bài báo cáo: đầy đủ nội dung, rõ ràng, chi tiết;
- Trình bày kết quả dự án trước lớp: diễn đạt tự tin, trôi chảy, thuyết phục.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình thực hiện dự án của cả lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được.

ÔN TẬP CHƯƠNG 4 VÀ CHƯƠNG 5 (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày tóm tắt được những kiến thức đã học về chăn nuôi: nghề chăn nuôi, phương thức chăn nuôi, nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi;
- Vận dụng những kiến thức đã học ở Chương 4 và Chương 5 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề về chăn nuôi.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ở gia đình; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

B. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của Chương 4 và Chương 5;
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính.

2. Chuẩn bị của học sinh

Ôn lại các bài đã học, đọc trước bài ôn tập.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

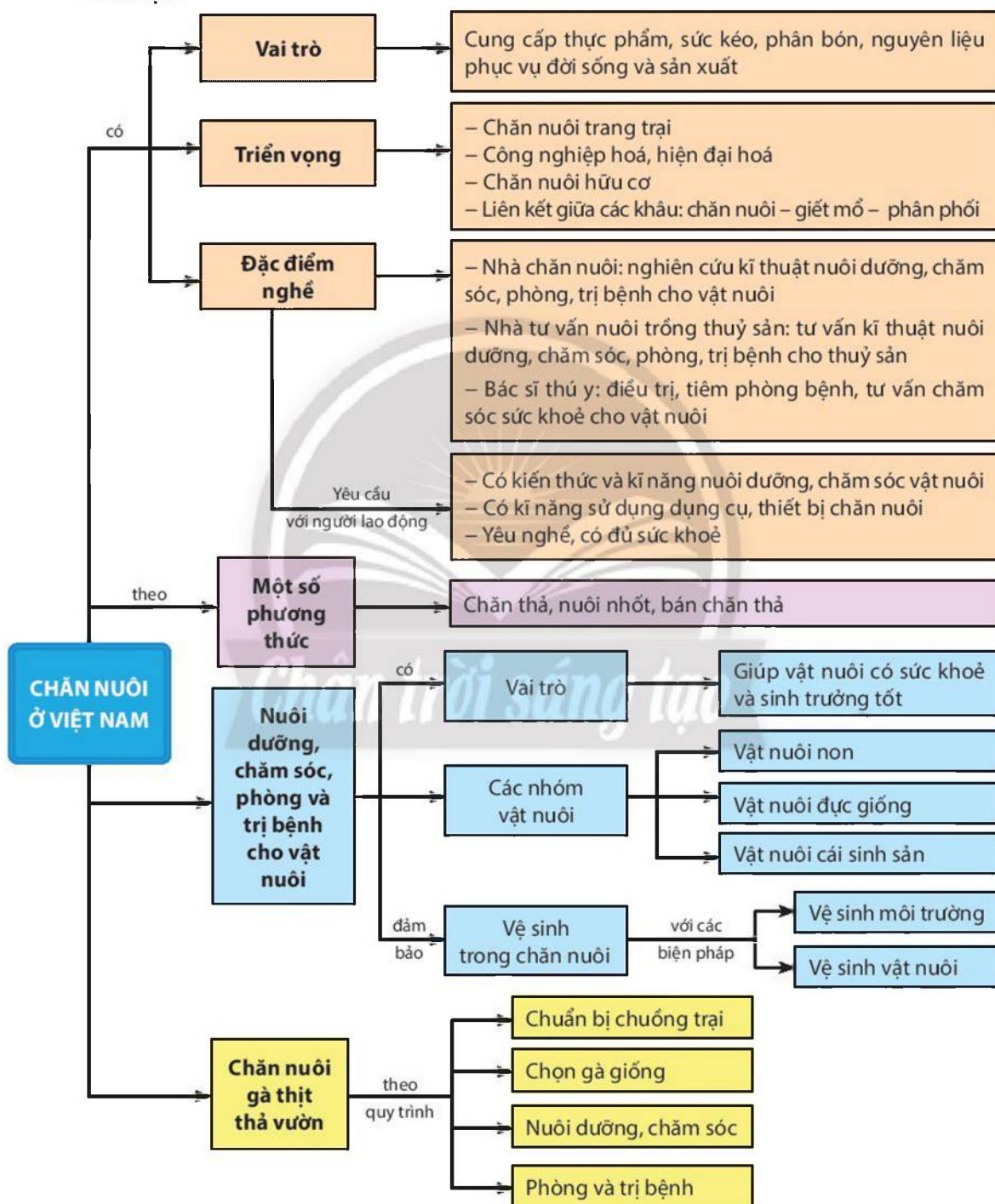
I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CHƯƠNG 4 VÀ CHƯƠNG 5

- **Mục tiêu:** giúp HS hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 4 và Chương 5.
- **Nội dung:** mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 4 và Chương 5:
 - + Nghề chăn nuôi ở Việt Nam;
 - + Một số phương thức chăn nuôi ở Việt Nam;
 - + Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi;
 - + Chăn nuôi gà thả thả vườn.
- **Sân phẩm:** sơ đồ khối hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của Chương 4 và Chương 5.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức cốt lõi của Chương 4 và Chương 5.

+ GV đặt câu hỏi về mối liên hệ giữa các khối kiến thức và vẽ minh hoạ sơ đồ hệ thống hoá kiến thức Chương 4 và Chương 5 trong SHS. GV có thể dùng sơ đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài học.

+ GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện những nội dung chi tiết của Chương 4 và Chương 5.

– *Kết luận:*



II. CÂU HỎI ÔN TẬP

- **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 4 và Chương 5.
- **Nội dung:** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án cho các câu hỏi và bài tập.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp kết hợp với học tập theo nhóm.
 - + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS theo từng cá nhân.
 - + GV kết hợp tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để giải quyết một số câu hỏi và bài tập.
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
 - + GV kết hợp với HS nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm.
 - + GV nêu đáp án các câu hỏi và bài tập.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh kiến thức cốt lõi của Chương 4 và Chương 5.



Chương 6. NUÔI THỦY SẢN

Bài 12. NGÀNH THỦY SẢN Ở VIỆT NAM (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam;
- Nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Yêu nước: có ý thức tìm hiểu về ngành nuôi thủy sản của Việt Nam, ý thức học tập, rèn luyện tạo sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước;
- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào nghề nuôi thủy sản trong đời sống hằng ngày;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được vai trò của việc nuôi thủy sản để tạo thực phẩm sạch, an toàn cung cấp cho xã hội; nhận biết được một số loài thủy sản quan trọng, có giá trị kinh tế cao hiện nay được nuôi ở nước ta;
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng một số thuật ngữ về nuôi thủy sản để trình bày vai trò của ngành nuôi thủy sản đối với nền kinh tế xã hội Việt Nam;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá hành động hợp lí trong hoạt động của ngành nuôi thủy sản trong nền kinh tế. Đánh giá được một số đối tượng thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao của Việt Nam.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

HS đã được học về động vật dưới nước trong chương trình môn Khoa học ở cấp Tiểu học, học về chăn nuôi và hiểu được giá trị kinh tế trong chăn nuôi. Vì vậy, GV cần gợi nhớ kiến thức cũ làm cơ sở để HS lĩnh hội kiến thức mới về ngành thủy sản ở Việt Nam, về kĩ thuật nuôi thủy sản, môi trường sống, đặc điểm sinh lí của thủy sản, giá trị kinh tế của nghề nuôi thủy sản. Để phù hợp với HS lớp 7, bài học chỉ nêu khái quát về đối tượng nuôi, môi trường sống của thủy sản, đặc biệt xác định vai trò của nguồn lợi thủy sản đối với nền kinh tế đất nước. Từ đó, xác định được một số đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao như tôm, cá trong nuôi thủy sản.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:
 - + Tranh ảnh về vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam, một số thủy sản có giá trị kinh tế cao, các hoạt động nuôi thủy sản;
 - + Đoạn video clip về nuôi thủy sản, thu hoạch thủy sản, chế biến xuất khẩu thủy sản.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Ôn lại kiến thức về chăn nuôi, tìm hiểu về thủy sản (tôm, cá).

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về tác động của hoạt động nuôi thủy sản đến nền kinh tế của nước ta.
- **Nội dung:** câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sản phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về hoạt động nuôi thủy sản ở Việt Nam.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV cho HS xem video clip về hoạt động nuôi thủy sản, gợi vấn đề về các hoạt động trong ngành thủy sản: nuôi thủy sản, sản xuất thức ăn, chế biến thủy sản, ... và yêu cầu HS trả lời câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
 - + GV yêu cầu HS kể các hoạt động nuôi thủy sản tại địa phương và nêu hiệu quả kinh tế mà ngành thủy sản mang lại cho địa phương.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò quan trọng của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam.
- **Nội dung:** vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế.
- **Sản phẩm:** tác động của hoạt động nuôi thủy sản đến nền kinh tế nước ta.

- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
- + GV yêu cầu HS mô tả các hoạt động chủ yếu ở Hình 12.1 trong SHS.
- + GV phân tích từng hình ảnh để HS nhận biết vai trò của ngành thủy sản đối với nền kinh tế Việt Nam.
- + GV có thể nêu thêm: thủy sản là nguyên liệu cho ngành Mĩ nghệ (ngọc trai, xà cừ, đồi mồi), nguyên liệu cho ngành dược (sản xuất thuốc, dầu gan cá).
- + GV yêu cầu HS kể tên các món ăn được chế biến từ thủy sản.
- + GV yêu cầu HS giải thích lí do nuôi cá diết được loăng quăng, bảo vệ môi trường.
- + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao nuôi thủy sản ven biển, hải đảo lại góp phần đảm bảo chủ quyền và an ninh quốc gia?
- + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Ngành thủy sản có vai trò cung cấp thực phẩm cho con người; cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm, chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác; xuất khẩu thu ngoại tệ; tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động; góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

2.2. Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam

2.2.1. Nguồn lợi thủy sản của Việt Nam

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được nguồn lợi thủy sản của Việt Nam.
- **Nội dung:** các nguồn lợi thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt.
- **Sân phẩm:** nguồn lợi thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt của Việt Nam.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập theo nhóm.
- + GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi trong SHS: Nước ta có những lợi thế gì để phát triển ngành nuôi thủy sản?
- Gợi ý: Những lợi thế của Việt Nam về phát triển ngành nuôi thủy sản: bờ biển dài, thềm lục địa lớn; sông ngòi, ao hồ nhiều; tôm, cá đa dạng, phong phú; người Việt Nam cần cù, thông minh,...
- + GV dẫn dắt HS nêu những lợi thế để phát triển ngành nuôi thủy sản và những loại thủy sản ở từng vùng nước mặn, nước lợ, nước ngọt.
- + Giải thích thêm cho HS về khái niệm nuôi thâm canh và lợi ích của nuôi thâm canh.
- + GV dẫn dắt HS đúc kết các thông tin vừa tìm được thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Những lợi thế của Việt Nam về nuôi thủy sản nước mặn (đường bờ biển dài, nhiều vịnh, hải đảo,...), nước lợ (thủy vực nước lợ ven biển, vùng triều, rừng ngập mặn,...), nước ngọt (nhiều sông ngòi, ao hồ, kênh rạch,...).

2.2.2. Một số thủy sản có giá trị cao ở Việt Nam

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được một số loài thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao.

– **Nội dung:** nguồn lợi thủy sản Việt Nam và một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam.

– **Sân phẩm:** một số loài thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 12.2 và kể tên các loại thủy sản, đặc điểm từng loài và điều kiện môi trường sống.

Gợi ý: Ví dụ: tôm càng xanh có đặc điểm vỏ giáp xác, tôm có hai càng to màu xanh, sống ở môi trường nước ngọt (ao, hồ, sông ngòi, ruộng lúa) nên được bà con nông dân nuôi nhiều.

+ GV giúp HS phân tích đặc điểm từng loài, điều kiện sống.

+ GV gợi ý HS nêu được hình thức, mật độ nuôi, môi trường nuôi, hiệu quả nuôi loại thủy sản mà gia đình hoặc địa phương hiện đang nuôi.

+ GV yêu cầu HS giải thích về các đặc điểm chủ yếu của nuôi thủy sản có gì giống và khác so với đặc điểm của chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ GV yêu cầu HS trình bày những hiểu biết về hoạt động nuôi cá tra, cá basa. GV có thể giải thích thêm: hiện cá tra, cá basa được nuôi nhiều ở vùng đồng bằng sông Cửu Long; đây là hai loài thủy sản nuôi chủ lực để sản xuất phi lê thịt cá đông lạnh xuất khẩu.

+ GV giới thiệu tôm hùm, các loại cá biển nuôi trong môi trường nước mặn bằng lồng bè trên các vùng vịnh, eo biển; đặc điểm từng loài và giá trị kinh tế.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta: tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, tôm hùm), cá nước ngọt (cá tra, cá basa, cá rô phi, cá chép), cá nước mặn (cá mú, cá bớp, cá chẻm, cá chình) và các loài thủy đặc sản khác.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về vai trò của ngành nuôi thủy sản đối với nền kinh tế Việt Nam và xác định được một số loài thủy sản có giá trị cao ở nước ta.

– **Nội dung:** bài tập ở phần Luyện tập trong SHS và bài tập trong SBT.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập ở phần Luyện tập trong SHS và trong SBT.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm nhỏ. GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời câu hỏi trong SHS.

• Câu 1: Nuôi thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?

Gợi ý: GV yêu cầu HS phân tích nuôi thủy sản có vai trò gì trong nền kinh tế và đời sống xã hội, cho ví dụ và liên hệ ở địa phương.

• Câu 2: Trong những năm vừa qua, nghề nuôi tôm ở đồng bằng Nam Bộ khá phát triển. Thấy nuôi tôm có lợi, nhiều gia đình đã phá rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. Theo em, cách làm như vậy đúng hay sai? Vì sao?

Gợi ý: GV nêu một trường hợp thực tế xảy ra với nghề nuôi tôm ở đồng bằng Nam Bộ: khi hoạt động nuôi tôm phát triển hiệu quả, nhiều gia đình đã phá rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. GV phân tích cho HS nhận ra mặt lợi, mặt hại và hậu quả lâu dài gây ra đối với kinh tế và xã hội.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố các kiến thức, kĩ năng và vận dụng kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm để xác định vai trò của ngành nuôi thủy sản, nhận biết các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế.

– **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sân phẩm:** lời giải bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

GV hướng dẫn, yêu cầu HS làm bài tập phần Vận dụng trong SHS.

• Câu 1. Ở địa phương em hiện đang nuôi loại thủy sản nào và nuôi theo hình thức nào?

Gợi ý: GV khuyến khích HS tìm hiểu hoạt động nuôi thủy sản ở địa phương. Yêu cầu HS vận dụng những kiến thức đã học khi tham gia hoạt động nuôi thủy sản tại gia đình và địa phương.

• Câu 2. Em hãy tìm hiểu để mô tả lại cách nuôi trai lấy ngọc. Ngọc trai có giá trị như thế nào?

Gợi ý: GV hướng dẫn HS tìm hiểu trên sách báo, internet về ngọc trai, về nghề nuôi ngọc trai để làm hàng mỹ nghệ, đồ trang sức.

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

+ Vai trò của ngành thủy sản đối với nền kinh tế Việt Nam;

+ Một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam.

– **Sân phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu: Hoạt động nuôi thủy sản có tác động thế nào đến nền kinh tế của nước ta?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

Bài 13. QUY TRÌNH KỸ THUẬT NUÔI THỦY SẢN (3 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nêu được quy trình kĩ thuật nuôi, chăm sóc, phòng, trị bệnh, thu hoạch một loại thủy sản phổ biến;
- Đo được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản bằng phương pháp đơn giản.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Nhân ái: có ý thức quan tâm, tham gia vào việc nuôi trồng thủy sản; hiểu được kĩ thuật nghề nuôi thủy sản; tạo được sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội;
- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng nghề nuôi thủy sản trong đời sống hằng ngày;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống; vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được vai trò của việc nuôi thủy sản để tạo thực phẩm sạch, an toàn cung cấp cho xã hội;
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng một số thuật ngữ về phương pháp, kĩ thuật nuôi để trình bày cách nuôi và quy trình thực hiện nuôi một loại thủy sản phổ biến;
- Sử dụng công nghệ: sử dụng các công đoạn trong quy trình đã học, phương pháp đo nhiệt độ, độ trong của nước vào thực tiễn nuôi thủy sản;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá hành động hợp lí để nuôi một loại thủy sản; đánh giá được nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

HS đã được học về động vật dưới nước trong chương trình môn Khoa học ở cấp Tiểu học, học về vật nuôi, thức ăn cho vật nuôi. Vì vậy, GV cần gợi nhớ kiến thức cũ làm cơ sở để HS lĩnh hội kiến thức mới về nuôi thủy sản, môi trường sống, đặc điểm, tính chất của nước, thức ăn và cách sử dụng thức ăn để nuôi thủy sản không bị bệnh, phát triển tốt.

Nuôi thủy sản là một lĩnh vực rất đa dạng về môi trường nuôi và đối tượng nuôi. Cùng một đối tượng nuôi, mỗi địa phương có kĩ thuật nuôi khác nhau dẫn đến năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cũng khác nhau. Vì vậy, GV cần tìm hiểu các hoạt động và đối tượng nuôi trong nghề nuôi thủy sản tại địa phương để giảng dạy phù hợp với điều kiện thực tế.

Tuy mỗi địa phương có mô hình, phương pháp nuôi khác nhau, nhưng quy trình chung nuôi thủy sản gồm bốn bước: 1. Chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước; 2. Thả con giống; 3. Chăm sóc, quản lý; 4. Thu hoạch thủy sản.

Ở phần hoạt động Thực hành kiểm tra sự tăng trưởng của tôm cá, GV có thể kết hợp với Dự án 3 để tổ chức cho HS hoạt động bên ngoài lớp học.

Gợi ý phân bổ bài giảng:

Tiết 1: 1. Môi trường nuôi thủy sản

2. Thức ăn của thủy sản

Tiết 2: 3. Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá)

Tiết 3: 4. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản (tổ chức thực hành)

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung bài;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Tìm hiểu các phương pháp, kỹ thuật nuôi thủy sản ở địa phương;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:
 - + Tranh ảnh về môi trường sống của thủy sản, thức ăn nuôi thủy sản, các hoạt động trong nuôi thủy sản;
 - + Đoạn video clip về kỹ thuật nuôi một đối tượng thủy sản (tôm hoặc cá).
- Chuẩn bị cho tiết thực hành:
 - + Dụng cụ, thiết bị đo cần thiết;
 - + Chuẩn bị phòng thực hành;
 - + Phân chia nhóm HS thực hành.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Ôn lại kiến thức về nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi;
- Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị:
 - + Dụng cụ đo nhiệt độ nước;
 - + Dụng cụ đo độ trong;
 - + Mẫu nước cần đo.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng phương pháp dạy học thực hành kỹ thuật để hướng dẫn HS đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao.
- **Nội dung:** câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu về cách nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV cho HS xem video clip về hoạt động nuôi thủy sản, đặt vấn đề về kỹ thuật nuôi thủy sản để đạt hiệu quả cao.
 - + GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết của bản thân về các kỹ thuật nuôi, chăm sóc thủy sản.
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Môi trường nuôi thủy sản

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của môi trường nuôi thủy sản.
- **Nội dung:** một số môi trường nuôi thủy sản.
- **Sân phẩm:** những đặc điểm cơ bản của nước nuôi thủy sản.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV minh họa hình ảnh một số môi trường nuôi thủy sản như trong Hình 13.1 và yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS.
 - + GV phân tích từng hình ảnh để HS phân biệt mô hình thủy sản nuôi trong lồng bè trên sông (nước ngọt), nuôi lồng trên biển (nước mặn), nuôi ao đất (nước ngọt), nuôi tôm trong nhà kính (nước lợ).
 - + GV phân tích những đặc điểm của nước ảnh hưởng trực tiếp đến các loài thủy sản, đặc biệt là tôm, cá.
 - + GV giải thích tác động của mỗi đặc điểm nước đến hoạt động nuôi thủy sản.
 - + GV gợi mở, yêu cầu HS nêu những biện pháp để cải thiện những bất lợi của môi trường nước đến thủy sản. Ví dụ: cần điều chỉnh tỉ lệ thành phần oxygen để tạo môi trường sống thuận lợi cho tôm, cá bằng cách tạo dòng chảy (quạt nước) làm tăng lượng oxygen trong nước.
 - + GV giải thích thêm: nước nuôi thủy sản phải phù hợp cho các mô hình nuôi (môi trường nước mặn, lợ, ngọt) và đảm bảo chất lượng môi trường nước như: nhiệt độ, độ trong, độ mặn, độ pH, hàm lượng oxygen cho việc nuôi thủy sản.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Nước có đặc điểm: có khả năng hoà tan các chất hữu cơ, vô cơ; nhiệt độ ổn định và điều hoà hơn nhiệt độ trên cạn; thành phần oxygen trong nước thấp và lượng carbon dioxide cao hơn không khí trên cạn.

2.2. Thức ăn của thủy sản

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được các loại thức ăn của thủy sản.
- **Nội dung:** các loại thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo.
- **Sân phẩm:** vai trò và ý nghĩa của việc sử dụng thức ăn nuôi tôm, cá.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV đặt vấn đề: vì sao thức ăn lại ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thủy sản.
 - + GV minh hoạ hình ảnh các loại thức ăn nuôi thủy sản ở Hình 13.2, 13.3 và 13.4 trong SHS, yêu cầu HS phân biệt và đánh giá ưu, nhược điểm của mỗi loại thức ăn.
 - + GV giúp HS phân tích từng loại thức ăn tự nhiên là thức ăn có sẵn trong nước, nêu ví dụ về từng loại: thực vật phù du, thực vật đáy, động vật phù du, động vật đáy.
 - + GV yêu cầu HS nêu thêm những nguyên liệu khác có thể dùng làm thức ăn được gia đình hoặc địa phương sử dụng khi nuôi tôm, cá.
 - + GV giải thích về tác dụng của thức ăn ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng thủy sản.
 - + GV yêu cầu HS nêu những biện pháp để tăng nguồn thức ăn cho tôm, cá nuôi.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Thức ăn của tôm, cá gồm hai loại:
 - + Thức ăn tự nhiên: là thức ăn có sẵn trong ao, hồ, bao gồm thực vật phù du, thực vật đáy, động vật phù du, động vật đáy;
 - + Thức ăn nhân tạo: là thức ăn do con người tạo ra để cung cấp cho vật nuôi. Có hai loại là thức ăn thô và thức ăn viên hỗn hợp.

2.3. Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá)

- **Mục tiêu:** giới thiệu quy trình nuôi tôm, cá.
- **Nội dung:** các bước trong quy trình kỹ thuật nuôi tôm, cá.
- **Sân phẩm:** quy trình kỹ thuật nuôi.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV minh hoạ một số hoạt động trong nuôi thủy sản ở Hình 13.5, yêu cầu HS thực hiện sắp xếp các hoạt động trong quy trình nuôi thủy sản theo thứ tự hợp lý.
 - + GV gợi mở để HS mô tả các công việc trong quy trình nuôi thủy sản.
 - + GV có thể giải thích thêm mục đích của mỗi công việc, ví dụ: phơi ao, bón vôi trước khi nuôi tôm, cá nhằm mục đích diệt côn trùng, địch hại (cua, còng, ốc,...).
- **Kết luận:** Quy trình kỹ thuật nuôi tôm, cá gồm: chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước → thả con giống → chăm sóc, quản lý → thu hoạch.

2.3.1. Chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước

- **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được các công việc chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước.
- **Nội dung:** yêu cầu của ao nuôi, biện pháp xử lý ao nuôi, xử lý nước trước khi thả con giống.
- **Sân phẩm:** biện pháp chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước nuôi.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV gợi mở để HS nhận biết tầm quan trọng của việc chuẩn bị ao nuôi, xử lý nước trước khi thả con giống.
 - + GV dẫn dắt để HS nêu lên được cách thiết kế ao hợp lí: đáy ao phẳng, dốc nghiêng về cống thoát, có hệ thống cấp và thoát nước tốt,...
 - + GV gợi mở, dẫn dắt HS nêu được những biện pháp cụ thể để ao nuôi sạch côn trùng, địch hại.
 - + GV gợi mở để HS nắm rõ các tác nhân gây bệnh, vai trò của thức ăn, đặc biệt là thức ăn tự nhiên ban đầu cho con giống nuôi mới thả, từ đó yêu cầu HS nêu cách xử lý nước nuôi để có kết quả tốt.
- **Kết luận:** Ao nuôi phải được thiết kế hợp lí, có hệ thống cấp và thoát nước, trước khi nuôi phải diệt hết địch hại, gây màu nước nhằm tạo điều kiện cho thức ăn tự nhiên phát triển.

2.3.2. Thả con giống

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết yêu cầu về con giống, cách thả giống.
- **Nội dung:** tiêu chuẩn con giống thủy sản chọn nuôi, kĩ thuật thả con giống vào ao nuôi.
- **Sân phẩm:** tiêu chuẩn con giống và kĩ thuật thả con giống.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV gợi mở để HS khám phá về cách lựa chọn giống có chất lượng. GV có thể phân tích thêm cách vận chuyển và bảo quản con giống thủy sản.
 - + GV yêu cầu HS giải thích vì sao phải ngâm túi đựng giống tôm, cá trong ao nuôi trước khi thả ra, từ đó yêu cầu HS giải thích sự tác động của yếu tố môi trường đến quá trình nuôi, tỉ lệ sống và hiệu quả nuôi thủy sản.
 - + GV dẫn dắt để HS đúc kết các thông tin vừa tìm được thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Con giống quyết định hiệu quả nuôi nên phải chọn giống tốt, đảm bảo môi trường để tỉ lệ sống cao.

2.3.3. Chăm sóc, quản lí

- **Mục tiêu:** giúp HS nêu được các kĩ thuật chăm sóc và quản lí nuôi tôm, cá.
- **Nội dung:** cách cho ăn, quản lí và phòng, trị bệnh cho tôm, cá.
- **Sân phẩm:** biện pháp chăm sóc, quản lí khi nuôi tôm, cá.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS nhắc lại giá trị dinh dưỡng của các loại thức ăn, vai trò thức ăn trong nuôi thủy sản.

+ GV gọi mở giúp HS nhận biết cách cho ăn, quá trình quản lý ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của tôm, cá nuôi.

+ GV dẫn dắt HS nêu yêu cầu của thức ăn cho tôm, cá.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao cho tôm, cá ăn ít và nhiều lần lại tránh được việc ô nhiễm môi trường nuôi tôm, cá?

+ GV gọi mở, giúp HS phân tích tác dụng của các biện pháp quản lý trong quá trình nuôi tôm, cá.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong SHS: Vì sao phải kiểm tra ao nuôi thường xuyên trong quá trình nuôi tôm, cá?

+ GV gọi mở để HS phân biệt được phương pháp phòng bệnh và phương pháp trị bệnh.

+ GV có thể nêu thêm một số bệnh thường gặp ở tôm, cá; nguyên nhân gây bệnh và cách phòng, trị bệnh.

– **Kết luận:** Tôm, cá nuôi phải được chăm sóc, quản lý và cho ăn đầy đủ; thức ăn phải cân đối thành phần, đủ chất dinh dưỡng; trong nuôi phải phòng và trị bệnh để tôm, cá khỏe mạnh, phát triển tốt.

2.3.4. Thu hoạch tôm, cá

– **Mục tiêu:** giúp HS trình bày được phương pháp thu hoạch tôm, cá.

– **Nội dung:** các phương pháp thu hoạch tôm, cá.

– **Sân phẩm:** cách thu hoạch tôm, cá.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhận biết tôm, cá đạt kích cỡ thương phẩm khi thu hoạch, gọi mở để HS biết phương pháp thu hoạch từng phần và thu hoạch toàn bộ, yêu cầu HS đánh giá được ưu và nhược điểm của mỗi phương pháp thu hoạch tôm, cá.

+ GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Có hai phương pháp thu hoạch thủy sản là thu hoạch từng phần và thu hoạch toàn bộ.

2.4. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản

2.4.1. Tính chất của nước nuôi thủy sản

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được tính chất của nước nuôi thủy sản.

– **Nội dung:** yếu tố nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản; giới hạn nhiệt độ, độ trong của nước nuôi tôm, cá; dụng cụ đo nhiệt độ và độ trong của nước.

– **Sân phẩm:** tính chất và giới hạn về nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV gọi mở để HS trình bày được tính chất của nước nuôi thủy sản, điều kiện để tôm, cá tăng trưởng tốt.

- + GV giới thiệu giới hạn nhiệt độ và độ trong của nước nuôi tôm, cá.
- + GV giới thiệu dụng cụ đo nhiệt độ và độ trong của nước nuôi tôm, cá (Hình 13.6, 13.7 và 13.8 trong SHS). Hướng dẫn HS cách sử dụng dụng cụ đúng kĩ thuật.
- + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.
- **Kết luận:** Đặc điểm và giới hạn về nhiệt độ, độ trong của nước nuôi tôm, cá.

2.4.2. Quy trình thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản

- **Mục tiêu:** giúp HS thực hiện được quy trình đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản.
- **Nội dung:** các bước thực hiện và yêu cầu kĩ thuật.
- **Sản phẩm:** kết quả nhiệt độ, độ trong của mẫu nước nuôi thủy sản đo được.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** tổ chức dạy học thực hành theo nhóm.
- + GV nêu các bước, yêu cầu kĩ thuật thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản.
- + GV thực hiện thao tác mẫu, hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình và yêu cầu HS nhắc lại quy trình thực hành, yêu cầu kĩ thuật.
- + GV nêu mục tiêu của buổi thực hành, phân chia nhóm; yêu cầu về thời gian, cách thực hiện, đảm bảo trật tự và an toàn cho thực hành.
- + GV gợi mở để HS nắm được quy trình đúng thứ tự các bước và cách đánh giá kết quả.
- + GV tổ chức cho HS triển khai các bước trong quy trình và hướng dẫn đánh giá kết quả thực hành.
- **Tiêu chí đánh giá kết quả thực hành:**
- + Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành:

Thứ tự	Các bước thực hiện	Có	Không
I. Đo nhiệt độ của nước nuôi thủy sản			
1	Nhúng nhiệt kế vào xô nước, ngâm nhiệt kế trong nước khoảng 5 – 10 phút.		
2	Nâng nhiệt kế, để nghiêng và đọc kết quả.		
II. Đo độ trong của nước nuôi thủy sản			
3	Thả từ từ đĩa Secchi theo phương thẳng đứng xuống nước cho tới khi không nhìn thấy vạch đen. Đọc kết quả lần một.		
4	Thả đĩa xuống sâu hơn rồi kéo từ từ lên đến khi thấy vạch đen. Đọc kết quả lần hai.		
5	Tính độ trong của nước từ kết quả hai lần đo.		

+ Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:

Các yếu tố	KẾT QUẢ		Nhận xét, đánh giá
	Mẫu nước 1	Mẫu nước 2	
1. Nhiệt độ			
2. Độ trong			

– **Kết luận:**

+ Quy trình đo nhiệt độ của nước nuôi thủy sản: nhúng nhiệt kế xuống thùng chứa mẫu nước, để khoảng 5 – 10 phút → Nâng nhiệt kế lên, để nghiêng nhiệt kế và đọc kết quả.

+ Quy trình đo độ trong của nước nuôi thủy sản: thả từ từ đĩa Secchi xuống nước đến khi không phân biệt được vạch màu trên đĩa, đọc và ghi giá trị độ sâu lần một trên dây đo của đĩa → Thả đĩa Secchi xuống sâu hơn rồi kéo lên đến khi thấy vạch màu của đĩa, đọc kết quả đo lần hai → Tính độ trong của nước qua kết quả hai lần đo.

III. LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về các kỹ thuật nuôi thủy sản.
- **Nội dung:** các bài tập ở phần Luyện tập trong SHS và bài tập trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án bài tập ở phần Luyện tập trong SHS và bài tập trong SBT.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm nhỏ. GV dẫn dắt, gợi mở để HS trả lời câu hỏi trong SHS.

• Câu 1: Giải thích tác dụng của quạt nước trong đầm nuôi tôm.

GV yêu cầu HS quan sát quạt nước, hoạt động của quạt nước trong đầm nuôi tôm từ hình ảnh hoặc video clip. Sau đó, GV dẫn dắt HS phân tích tác dụng của quạt nước, từ đó yêu cầu HS giải thích tác dụng của quạt nước trong đầm nuôi tôm.

Gợi ý: Khi nuôi tôm thâm canh ở mật độ cao, bắt buộc phải sử dụng quạt nước để tạo dòng chảy làm thay đổi nhiệt độ nước nuôi (trên và dưới), gom các chất hữu cơ, bùn, phân, thức ăn dư thừa vào hồ xi-phông và hút ra ngoài theo ống xả đáy, đặc biệt quạt nước tạo oxygen cung cấp dưỡng khí trong ao cho tôm nuôi.

• Câu 2: Tình huống tôm chết hàng loạt trong quá trình nuôi tôm của gia đình bạn Minh.

Gợi ý: Khi không thực hiện đúng quy trình kỹ thuật nuôi, kết hợp với việc trong ao nuôi không được xử lý trước khi thả nuôi lứa mới dẫn đến tích trữ các tác nhân gây bệnh → phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản, đặc biệt chú ý hoạt động cải tạo ao, xử lý nước và phòng bệnh cho tôm, cá khi nuôi.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố kiến thức, kỹ năng và vận dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm nuôi các loại tôm, cá để đạt hiệu quả cao.

– **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sân phẩm:** lời giải bài tập phần Vận dụng và bài tập về nhà trong SBT.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu để thực hiện bài tập phần Vận dụng trong SHS.

• Câu 1. Em hãy tìm hiểu xem ở địa phương nơi em ở đang nuôi loại thủy sản nào và sử dụng loại thức ăn gì. Từ đó, hãy đánh giá ưu và nhược điểm của loại thức ăn mà địa phương em đang sử dụng để nuôi thủy sản.

Gợi ý: GV giải thích lí do các địa phương có môi trường nuôi thủy sản khác nhau, nuôi theo mô hình khác nhau, sử dụng các loại thức ăn khác nhau. GV khuyến khích HS ghi nhận việc sử dụng thức ăn địa phương từ các loại thức ăn khác nhau, cách sử dụng thức ăn hiệu quả để nuôi tôm, cá tốt nhất.

• Câu 2. Nếu gia đình em tham gia hoạt động nuôi thủy sản, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm của bản thân, em sẽ nuôi loại cá, tôm nào để đạt hiệu quả cao? Hãy giải thích lí do em chọn loại thủy sản đó.

Gợi ý: GV khuyến khích HS vận dụng những kiến thức đã học để tham gia hoạt động nuôi thủy sản, đánh giá hiệu quả nuôi và lợi ích khi nuôi tôm, cá. GV gợi mở để HS có ý thức, quan tâm đến nuôi hiệu quả, bền vững và tạo ra sản phẩm thủy sản sạch, an toàn cho xã hội.

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

- + Đặc điểm của môi trường nước nuôi thủy sản;
- + Các loại thức ăn nuôi thủy sản;
- + Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản;
- + Quy trình thực hành đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản.

– **Sản phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu: Làm thế nào để nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao?

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Kết luận:** Nước nuôi thủy sản có khả năng hoà tan các chất hữu cơ, vô cơ; nhiệt độ nước ổn định và điều hoà hơn nhiệt độ trên cạn; thành phần oxygen trong nước thấp và carbon dioxide cao hơn không khí trên cạn. Thức ăn cho thủy sản gồm thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo. Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản (tôm, cá) gồm bốn bước chính: chuẩn bị ao nuôi, xử lí nước → thả con giống → chăm sóc, quản lí → thu hoạch tôm, cá.

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.

Bài 14. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỢI THỦY SẢN (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Nêu được vai trò và biện pháp bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản;
- Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Yêu nước: có ý thức tham gia vào việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản của đất nước;
- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản trong đời sống hằng ngày;
- Trách nhiệm: có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ, phản đối những hành vi xâm hại môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản ở địa phương;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, ý thức bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

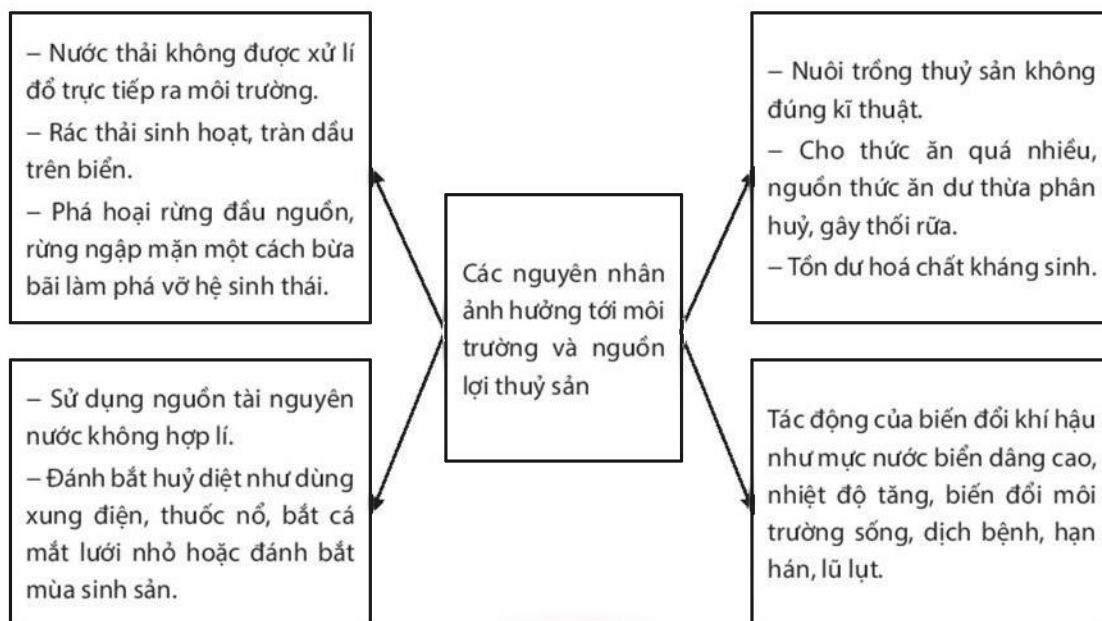
3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được vai trò của môi trường, nguồn lợi thủy sản, các biện pháp bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản;
- Sử dụng công nghệ: sử dụng các biện pháp đã học vào thực tiễn để bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản ở địa phương;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá hành động hợp lí để bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

GV cần gợi nhớ kiến thức về đặc điểm, tính chất của nước; sự ô nhiễm môi trường; tác động của ô nhiễm môi trường lên nuôi thủy sản và môi trường sống của con người. Từ đó, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản. Để phù hợp với kiến thức lớp 7, bài học chỉ đưa ra các nguyên nhân gây ô nhiễm, sự ô nhiễm môi trường và nguồn nước nuôi sẽ gây ra những hậu quả xấu đối với nghề nuôi thủy sản, sức khỏe con người và đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường và nguồn lợi thủy sản được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ các nguyên nhân ảnh hưởng đến môi trường và nguồn lợi thủy sản

Có rất nhiều biện pháp bảo vệ môi trường thủy sản trong nuôi trồng thông qua xử lý nguồn nước, nhưng phổ biến hơn cả là phương pháp vật lý và phương pháp xử lý hoá chất. Quản lý nguồn nước là cấm huỷ hoại các sinh vật cảnh, bãi đẻ, nơi sinh sống của động vật đáy, quy định nồng độ tối đa của hoá chất, chất độc hại có trong môi trường nuôi thủy sản và xử lý chất thải, xử lý nước thải trong nuôi trồng thủy sản phải đúng quy định. Biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản thông thường là sử dụng mặt nước nuôi thủy sản một cách hợp lý, hiệu quả, bền vững. Một số biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản mà GV có thể giải thích cho HS: nghiêm cấm đánh bắt bằng phương pháp huỷ diệt như đánh bắt thủy sản vào mùa sinh sản, dùng xung điện, chất nổ, hoá chất, lưới mắt nhỏ; ứng dụng các tiến bộ khoa học trong cải tiến, chọn lọc giống, thức ăn, kĩ thuật nuôi, xử lý môi trường, phòng trừ dịch bệnh tốt, thả các loài thủy sản quý hiếm vào môi trường nước để tăng nguồn lợi thủy sản.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu và nội dung SHS;
- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;
- Tìm hiểu các phương pháp, kĩ thuật bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản ở địa phương;
- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:
 - + Tranh ảnh về ô nhiễm môi trường, các kĩ thuật, biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản;
 - + Đoạn video clip về các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài học trong SHS;
- Ôn lại kiến thức về nuôi thủy sản, các loài thủy sản có giá trị kinh tế, vai trò của nguồn lợi thủy sản ở Việt Nam.

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng nhóm phương pháp dựa trên học tập trải nghiệm làm chủ đạo;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực hoá người học.

E. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- **Nội dung:** câu hỏi ở phần Mở đầu trong SHS.
- **Sân phẩm:** nhu cầu tìm hiểu việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS cho biết các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và nguồn lợi thủy sản.
 - + GV đặt tình huống: Từ môi trường nước nuôi bị ô nhiễm, tôm, cá có bị nhiễm bệnh không? Nếu con người ăn tôm, cá nhiễm bệnh thì tác hại như thế nào?
 - + GV giới thiệu mục tiêu bài.

II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản

- **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- **Nội dung:** các yếu tố tác động tới nguồn lợi thủy sản, vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- **Sân phẩm:** vai trò của bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.
 - + GV yêu cầu HS phân tích các hiện tượng và hành động được minh họa trong Hình 14.1 có tác động xấu tới môi trường và nguồn lợi thủy sản như thế nào.
 - + GV có thể gợi mở giúp HS nhận biết rõ tác hại của các hoạt động trên, ví dụ: Nước thải chưa xử lý có tác hại gì? (gây ô nhiễm môi trường; làm tôm, cá nhiễm khuẩn, tích tụ các độc tố; nếu nước ô nhiễm mức độ cao sẽ làm chết tôm, cá gây thiệt hại kinh tế; sản phẩm tôm, cá có chất độc khi con người ăn phải sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe).

+ GV phân tích việc nuôi trồng thủy sản không đúng quy trình, cho thức ăn quá nhiều sẽ làm ô nhiễm nước nuôi; phá hoại rừng ngập mặn, biến đổi khí hậu,... gây ảnh hưởng tới môi trường và tác động xấu đến sức khỏe con người.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản nhằm đảm bảo thủy sản sinh trưởng, phát triển tốt, không bệnh tật; tạo thực phẩm sạch, đồng thời góp phần bảo tồn nguồn lợi thủy sản và bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

2.2. Biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản

2.2.1. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.

– **Nội dung:** xử lý và quản lý nguồn nước.

– **Sản phẩm:** các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS quan sát Hình 14.2 và trả lời câu hỏi trong SHS: Các hoạt động được minh họa trong Hình 14.2 góp phần bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản như thế nào?

+ GV gợi ý HS phân tích để làm rõ tại sao mỗi hoạt động lại có tác dụng bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

+ GV yêu cầu HS giải thích lý do phải xây dựng ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

+ GV yêu cầu HS suy nghĩ và liên hệ bản thân: Là một học sinh, em cần phải làm gì để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản?

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Các biện pháp bảo vệ môi trường thủy sản như: xử lý nguồn nước, quản lý môi trường nuôi.

2.2.2. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

– **Nội dung:** sử dụng mật nước nuôi hợp lý, không đánh bắt hủy diệt, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong quá trình nuôi.

– **Sản phẩm:** có ý thức và biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV cho HS xem video clip về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đặt câu hỏi: Vì sao muốn phát triển thủy sản hiệu quả, bền vững thì phải hạn chế sự ô nhiễm và nuôi thủy sản đúng kỹ thuật?

+ GV giải thích thêm về biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản như sử dụng mặt nước nuôi thủy sản một cách hợp lý, nghiêm cấm đánh bắt bằng phương pháp hủy diệt, ứng dụng các tiến bộ khoa học trong chọn lọc giống, thức ăn, kỹ thuật nuôi, xử lý môi trường và phòng trừ dịch bệnh tốt.

+ GV khuyến khích HS thực hiện và vận động cộng đồng cùng thực hiện các hành động như không xả rác, nước thải, đánh bắt hủy diệt, quý trọng tài nguyên, thả các loài thủy sản quý hiếm vào môi trường nước. HS có thể thảo luận nhóm và mời đại diện nhóm lên thuyết trình.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học.

– **Kết luận:** Các biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản là sử dụng mặt nước nuôi thủy sản hợp lý, nghiêm cấm đánh bắt hủy diệt, ứng dụng các tiến bộ khoa học trong nuôi thủy sản, có ý thức bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản, tăng cường bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái.

III. LUYỆN TẬP

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức đã học về bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

– **Nội dung:** các bài tập ở phần Luyện tập trong SHS và bài tập trong SBT.

– **Sân phẩm:** đáp án bài tập ở phần Luyện tập trong SHS và bài tập trong SBT.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm nhỏ.

• Câu 1. Khi sử dụng thức ăn không đúng lượng sẽ gây hậu quả gì cho thủy sản và môi trường nước nuôi thủy sản?

Gợi ý: Thức ăn giàu đạm, khi dư thừa sẽ hoà tan dinh dưỡng vào môi trường nước, tạo điều kiện cho tảo phát triển; các hợp chất hữu cơ lắng xuống đáy ao, làm nước ô nhiễm, thiếu oxygen dẫn đến tôm, cá nuôi dễ bị nhiễm bệnh.

• Câu 2. GV gợi mở tác dụng của hoạt động “Thả cá bản địa, quý hiếm về thiên nhiên”.

Gợi ý: Tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo tồn động vật quý hiếm, tăng cường bảo tồn, bảo vệ và phục hồi các hệ sinh thái. Qua đó liên hệ các hoạt động này ở địa phương HS và hình thành ý thức bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

IV. VẬN DỤNG

– **Mục tiêu:** giúp HS củng cố các kiến thức, kỹ năng và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

– **Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SHS và bài tập về nhà trong SBT.

– **Sân phẩm:** lời giải bài tập phần Vận dụng và bài tập về nhà trong SBT.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** hướng dẫn HS làm bài tập ở nhà.

+ GV khuyến khích HS vận dụng những kiến thức đã học để tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

+ GV gợi mở để HS có ý thức, quan tâm đến nuôi hiệu quả, bền vững và tạo ra sản phẩm tôm, cá sạch, an toàn cho xã hội.

+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu thêm các biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

V. KẾT LUẬN CHUNG

– **Mục tiêu:** tổng kết kiến thức cốt lõi của bài học.

– **Nội dung:**

+ Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản;

+ Biện pháp bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

– **Sản phẩm:** nội dung phần Ghi nhớ trong SHS.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại những kiến thức vừa học, dẫn dắt để HS nêu được các nội dung ở phần Ghi nhớ trong SHS.

+ GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi đặt ra ở phần Mở đầu: Làm thế nào để bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản?

F. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

– Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;

– Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh trọng tâm bài.



Dự án 3. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC THỦY SẢN (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về nuôi thủy sản để hình thành ý tưởng nuôi dưỡng, chăm sóc thủy sản;
- Lập được kế hoạch, tính chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thủy sản phù hợp;
- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc lập kế hoạch và tính chi phí cho việc nuôi và chăm sóc một loại thủy sản.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Nhân ái: có ý thức quan tâm, tham gia vào việc nuôi tôm, cá; hiểu được nghề nuôi thủy sản; tạo được sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội;
- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện dự án;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào hoàn thành dự án nuôi dưỡng, chăm sóc thủy sản;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của dự án và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống, tính chi phí nuôi và chăm sóc thủy sản. Lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, đánh giá được kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

3. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được các yêu cầu khi lập kế hoạch nuôi thủy sản;
- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá kế hoạch hợp lí để nuôi một loại thủy sản; xác định chi phí và hiệu quả nuôi thủy sản.

B. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Dự án kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc thủy sản thuộc loại dự án kiến tạo. HS phải nghiên cứu, tham khảo các mô hình nuôi, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về chủ đề Nuôi thủy sản kết hợp với kiến thức, kĩ năng của môn Toán cùng với năng lực giải quyết vấn đề để thực hiện dự án dưới sự hướng dẫn của GV. Do đó, HS cần thời gian thực hiện trên lớp và ngoài giờ lên lớp để hoàn thành dự án. Trong điều kiện kế hoạch dạy học Chương 6, GV có thể công bố dự án khi bắt đầu Chương 6, kết hợp với thời gian các bài học để triển khai thực hiện dự án. Như vậy, 1 tiết của dự án được dành cho hoạt động báo cáo và đánh giá kết quả dự án. Ngoài ra, GV cũng có thể sử dụng dự án học tập như một đề bài kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng của HS sau khi học xong Chương 6.

Với dự án trong lĩnh vực nuôi thủy sản, GV cần tìm hiểu các ngành nghề liên quan thuộc lĩnh vực nuôi thủy sản để lồng ghép nội dung hướng nghiệp vào dự án.

C. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Dự kiến phân chia HS trong lớp thành các nhóm;
- Mô hình nuôi tôm, cá quy mô nhỏ (tranh ảnh hoặc video clip);
- Địa chỉ trang web hỗ trợ thực hiện dự án.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Nghiên cứu các mô hình nuôi thủy sản;
- Giấy, bút, máy tính cầm tay,...;
- Thiết bị hỗ trợ: máy tính có kết nối internet;
- Tài liệu hướng dẫn quy trình và kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc thủy sản.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. GIỚI THIỆU DỰ ÁN

– **Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề, mục tiêu dự án, xác định các nhiệm vụ phải thực hiện.

– **Nội dung:** chủ đề dự án, mục tiêu dự án, nhiệm vụ của dự án.

– **Sản phẩm:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ dự án.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và học tập theo nhóm.

+ GV nêu chủ đề dự án, mục tiêu dự án, nhiệm vụ của dự án.

+ GV nêu các yêu cầu và nội dung mà HS cần thực hiện của dự án.

+ GV nêu các yêu cầu về nhiệm vụ và thời gian thực hiện.

+ GV nêu các tiêu chí đánh giá kết quả dự án.

+ GV kết hợp với HS để phân chia nhóm thực hiện.

+ GV có thể giới thiệu một kế hoạch mẫu để HS tham khảo.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

– **Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án.

– **Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.

– **Sản phẩm:** kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án, bảng tính chi phí cho toàn bộ dự án.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp và dạy học theo nhóm.

+ GV yêu cầu các nhóm HS lựa chọn một đối tượng nuôi cụ thể, ví dụ: nuôi cá lóc, cá rô phi hay tôm sú. Lựa chọn mô hình, mật độ nuôi, số lượng cá thể nuôi, lượng thức ăn theo yêu cầu của dự án (nên chọn diện tích nuôi tối đa khoảng 100 m² để HS dễ tính toán và thực hiện dự án).

+ GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận và lập kế hoạch thực hiện:

- Liệt kê các công việc cần làm để thực hiện dự án;
- Lập kế hoạch về mốc thời gian, các công việc cụ thể;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

+ GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.

– **Kết luận:** Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số nội dung chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm tiến hành.

III. THỰC HIỆN DỰ ÁN

– **Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án.

– **Nội dung:** lập kế hoạch và tính chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc loại thủy sản đã chọn.

– **Sân phẩm:** bảng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc một loại thủy sản và bảng chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc loại thủy sản đã chọn.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp, tổ chức theo nhóm.

+ GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu để thu thập thông tin về các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc loại thủy sản đã chọn.

+ GV hỗ trợ cung cấp các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết.

+ GV giới thiệu Bảng DA3. Quy trình công nghệ nuôi thủy sản trong SHS để các nhóm HS xây dựng kế hoạch nuôi thủy sản. GV có thể phân tích thêm để HS hiểu rõ đối tượng nuôi, kỹ thuật nuôi và vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

+ GV hướng dẫn các nhóm HS thực hiện theo sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng HS trong nhóm.

+ GV hỗ trợ các nhóm HS tự giám sát, quản lý quá trình thực hiện dự án của nhóm.

– **Kết luận:** Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc thủy sản gồm các nội dung: công việc cần làm; thời gian thực hiện; dụng cụ, vật liệu cần thiết. Tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc thủy sản gồm các nội dung: tính chi phí của từng loại (con giống, thức ăn, dụng cụ chăn nuôi) và tổng số tiền.

IV. BÁO CÁO DỰ ÁN

– **Mục tiêu:** tổ chức cho HS báo cáo kết quả theo nhóm, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả của dự án.

– **Nội dung:** nội dung bài thuyết trình giới thiệu báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc một loại thủy sản và bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc loại thủy sản đã chọn.

– **Sân phẩm:**

+ Bản báo cáo kế hoạch nuôi một loại thủy sản;

- + Bảng tính toán chi phí và hiệu quả nuôi loại thủy sản đã chọn.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp.
- + GV tổ chức các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm gồm có:
 - Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi trong gia đình theo Mẫu 1:

Mẫu 1. Báo cáo kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc thủy sản

1. Giới thiệu				
• Loại thủy sản chọn nuôi; • Hình thức nuôi; • Diện tích nuôi; • Điều kiện nuôi và chăm sóc.				
2. Kế hoạch nuôi dưỡng và chăm sóc				
STT	Công việc cần làm	Thời gian thực hiện	Dụng cụ, vật liệu cần thiết	Ghi chú
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
3	?	?	?	?
4	?	?	?	?

- Báo cáo bảng tính chi phí nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi theo Mẫu 2:

Mẫu 2. Bảng tính chi phí dự án nuôi thủy sản

STT	Các loại chi phí	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vật liệu xử lý ao	?	?	?	?	?
2	Phân bón	?	?	?	?	?
3	Con giống	?	?	?	?	?
4	Thức ăn	?	?	?	?	?
5	Công chăm sóc	?	?	?	?	?
6	Thuốc phòng và trị bệnh	?	?	?	?	?
7	Các mục khác	?	?	?	?	?
Tổng cộng					?	

+ GV gọi mở để HS các nhóm khác đặt câu hỏi khi chất vấn tính khả thi và hiệu quả của dự án nuôi thủy sản của nhóm báo cáo.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét chung quá trình thực hiện dự án của cả lớp;
- Đánh giá chung kết quả đạt được.

ÔN TẬP CHƯƠNG 6 (1 tiết)

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày tóm tắt được những kiến thức, kĩ năng đã học về nuôi thủy sản: ngành thủy sản ở Việt Nam, kĩ thuật nuôi thủy sản, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản;
- Vận dụng những kiến thức của Chương 6 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra xung quanh chủ đề nuôi thủy sản.

2. Phẩm chất và năng lực chung

- Yêu nước: tích cực, chủ động tham gia vào việc nuôi thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường nuôi thủy sản;
- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng vào nghề nuôi thủy sản trong đời sống hằng ngày;
- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống, vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc nuôi thủy sản tại gia đình và địa phương;
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

B. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của Chương 6;
- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và bài tập ôn tập trong SHS và SBT.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài ôn tập trong SHS;
- Ôn lại kiến thức đã học về thủy sản.

C. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Sử dụng phương pháp học tập theo nhóm;
- Sử dụng kết hợp các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực hoá người học.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

I. HỆ THỐNG HOÁ KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CHƯƠNG 6

- **Mục tiêu:** hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học ở Chương 6.
- **Nội dung:** mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 6.
 - + Vai trò của ngành Thủy sản, một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam;
 - + Kĩ thuật nuôi thủy sản;
 - + Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.
- **Sân phẩm:** sơ đồ khối hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương 6.

– **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức học tập toàn lớp.

+ GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính đã học ở Chương 6.

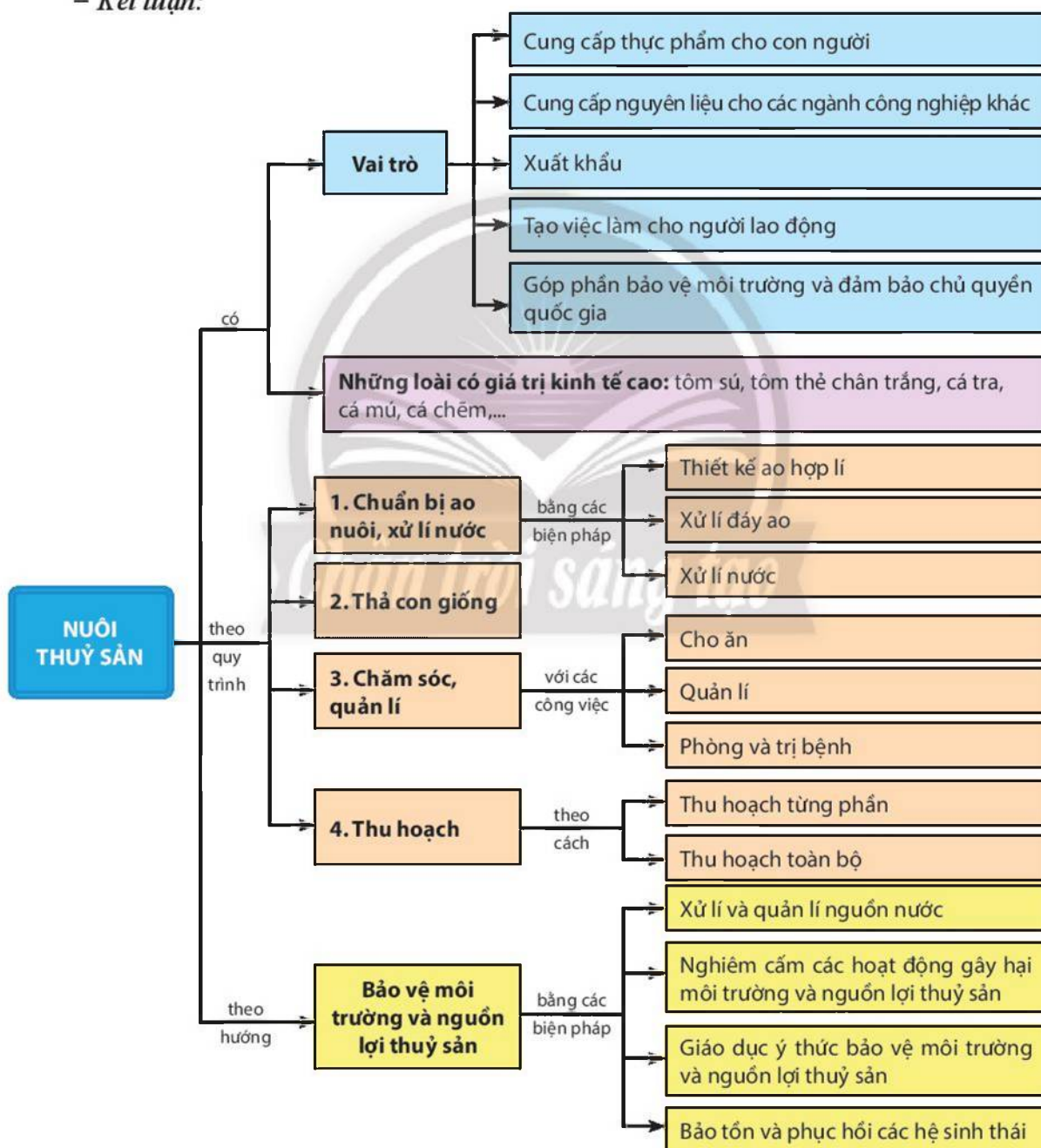
+ GV yêu cầu HS đánh giá vai trò của nuôi thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam.

+ GV dẫn dắt HS nhắc lại các kiến thức về quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản, bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản.

+ GV đặt câu hỏi dẫn dắt và hướng dẫn HS vẽ sơ đồ mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 6 trong SHS. Có thể dùng lược đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài trong Chương 6.

+ GV khai triển thêm các nhánh của sơ đồ để tái hiện kiến thức chi tiết của Chương 6.

– **Kết luận:**



II. CÂU HỎI ÔN TẬP

- **Mục tiêu:** củng cố, khắc sâu kiến thức của Chương 6.
- **Nội dung:** câu hỏi trong SHS và bài tập trong SBT.
- **Sân phẩm:** đáp án các câu hỏi, bài tập.
- **Gợi ý hoạt động dạy học:** sử dụng hình thức dạy học toàn lớp với học tập theo nhóm.
 - + GV chia HS trong lớp thành nhiều nhóm, mỗi nhóm từ 3 – 4 HS.
 - + GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm để trả lời các câu hỏi và làm bài tập ôn tập trong SHS.
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm.
 - + GV kết hợp với HS để nhận xét, góp ý kết quả thảo luận của các nhóm.
 - + GV đưa ra đáp án trả lời câu hỏi và bài tập.

E. TỔNG KẾT – ĐÁNH GIÁ

- Nhận xét quá trình học tập của HS trong lớp;
- Đánh giá kết quả đạt được và nhấn mạnh kiến thức cốt lõi của Chương 6.





HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 7 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|--|
| 1. NGỮ VĂN 7, TẬP MỘT
Sách giáo viên | 9. TIN HỌC 7
Sách giáo viên |
| 2. NGỮ VĂN 7, TẬP HAI
Sách giáo viên | 10. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 7
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 7
Sách giáo viên | 11. ÂM NHẠC 7
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 7
Friends Plus - Teacher's Guide | 12. MĨ THUẬT 7 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 5. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7
Sách giáo viên | 13. MĨ THUẬT 7 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 6. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7
Sách giáo viên | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 7. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 7
Sách giáo viên | 15. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 7 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 8. CÔNG NGHỆ 7
Sách giáo viên | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-31991-3



9 786040 319913

Giá: 22.000 đ